

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 1. TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẦN THU HỒI ĐẤT NĂM 2023 CỦA TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên huyện, thị xã, thành phố	Số dự án cần thu hồi đất	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)				Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Phụ lục chi tiết
				LUA	RPH	RDD	Đất khác		NS TW	NS tỉnh	NS huyện	NS xã	Doanh nghiệp	
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(8)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(10)+...+(14)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
	Tổng cộng	1.575	10.169,39	2.831,42	183,31	60,60	7.094,05	9.624,00	494,02	1.359,07	1.018,74	581,52	6.170,64	
1	Thành phố Hà Tĩnh	184	533,27	366,19			167,08	964,86		151,46	358,51	40,82	414,07	Phụ lục 1.1.
2	Thị xã Hồng Lĩnh	61	218,71	67,22	16,93		134,56	301,10	5,50	23,00	134,97	2,18	135,45	Phụ lục 1.2.
3	Thị xã Kỳ Anh	148	3.078,01	1.111,97	90,17		1.875,87	5.232,64	299,89	672,48	124,83	45,06	4.090,38	Phụ lục 1.3.
4	Huyện Nghi Xuân	89	1.164,12	270,17	34,40		859,55	1.110,19		59,84	1,58	14,93	1.033,84	Phụ lục 1.4.
5	Huyện Thạch Hà	167	321,91	183,69	0,50		137,72	408,84	5,30	201,75	62,86	74,27	64,65	Phụ lục 1.5.
6	Huyện Cẩm Xuyên	214	355,98	126,34	2,60	21,90	205,14	109,47		7,60	38,83	37,96	25,08	Phụ lục 1.6.
7	Huyện Hương Sơn	110	309,19	74,94	16,20		218,05	113,16	13,70	9,00	23,32	17,78	49,35	Phụ lục 1.7.
8	Huyện Đức Thọ	80	74,82	45,73			29,09	118,53		7,84	60,50	42,38	7,81	Phụ lục 1.8.
9	Huyện Can Lộc	132	224,37	174,38			49,99	449,83		11,88	33,22	203,47	201,25	Phụ lục 1.9.
10	Huyện Kỳ Anh	125	3.370,37	295,78	4,39	38,70	3.031,50	368,46	46,49	106,60	62,90	45,78	106,68	Phụ lục 1.10.
11	Huyện Hương Khê	111	211,16	23,65	4,70		182,81	228,10	121,94	22,70	36,84	30,72	15,90	Phụ lục 1.11.
12	Huyện Vũ Quang	47	137,27	32,16			105,11	70,84	1,20	29,47	29,59	8,15	2,43	Phụ lục 1.12.
13	Huyện Lộc Hà	107	170,20	59,20	13,42		97,58	147,98		55,44	50,78	18,02	23,74	Phụ lục 1.13.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 1a. TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẦN THU HỒI ĐẤT NĂM 2022
CHUYỂN SANG TIẾP TỤC THỰC HIỆN TRONG NĂM 2023 CỦA TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên huyện, thị xã, thành phố	Số dự án cần thu hồi đất	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)				Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Ghi chú
				LUA	RPH	RDD	Đất khác		NS TW	NS tỉnh	NS huyện	NS xã	Doanh nghiệp	
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(8)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(10)+...+(14)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
	Tổng cộng	1.247	9.294,91	2.673,00	171,81	38,70	6.411,39	9.201,83	441,61	1.330,85	829,11	447,34	6.152,92	
1	Thành phố Hà Tĩnh	157	515,50	352,00			163,49	906,19		147,46	309,04	40,52	409,17	Mục A Phụ lục 1.1.
2	Thị xã Hồng Lĩnh	49	197,72	53,85	16,93		126,94	275,90		23,00	116,47	0,98	135,45	Mục A Phụ lục 1.2.
3	Thị xã Kỳ Anh	128	2.529,00	1.100,77	82,77		1.345,46	5.179,77	283,09	668,76	95,08	44,82	4.088,02	Mục A Phụ lục 1.3.
4	Huyện Nghi Xuân	89	1.164,12	270,17	34,40		859,55	1.110,19		59,84	1,58	14,93	1.033,84	Mục A Phụ lục 1.4.
5	Huyện Thạch Hà	132	289,73	159,96			129,77	378,92	5,30	193,19	60,45	55,32	64,65	Mục A Phụ lục 1.5.
6	Huyện Cẩm Xuyên	158	286,91	96,90			190,01	80,06		5,82	15,98	33,34	24,92	Mục A Phụ lục 1.6.
7	Huyện Hương Sơn	104	274,17	67,68	16,20		190,29	92,96		8,30	18,62	16,68	49,35	Mục A Phụ lục 1.7.
8	Huyện Đức Thọ	64	68,13	42,56			25,57	104,06		7,84	60,50	30,42	5,30	Mục A Phụ lục 1.8.
9	Huyện Can Lộc	79	191,62	148,85			42,77	377,42		11,88	33,22	131,32	201,00	Mục A Phụ lục 1.9.
10	Huyện Kỳ Anh	92	3.332,83	283,31	4,39	38,70	3.006,43	324,79	46,49	102,10	48,00	26,51	101,68	Mục A Phụ lục 1.10.
11	Huyện Hương Khê	94	183,12	18,98	4,70		159,44	187,18	105,53	22,70	12,33	30,72	15,90	Mục A Phụ lục 1.11.
12	Huyện Vũ Quang	35	129,63	30,82			98,81	49,74	1,20	29,47	11,64	5,70	1,73	Mục A Phụ lục 1.12.
13	Huyện Lộc Hà	66	132,43	47,15	12,42		72,86	134,65		50,48	46,19	16,08	21,90	Mục A Phụ lục 1.13.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 1b. TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẦN THU HỒI ĐẤT ĐỀ XUẤT MỚI NĂM 2023
CỦA TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên huyện, thị xã, thành phố	Số dự án cần thu hồi đất	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)				Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Ghi chú
				LUA	RPH	RDD	Đất khác		NS TW	NS tỉnh	NS huyện	NS xã	Doanh nghiệp	
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(8)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(10)+...+(14)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
	Tổng cộng	328	874,48	158,42	11,50	21,90	682,66	422,17	52,41	28,22	189,64	134,18	17,72	
1	Thành phố Hà Tĩnh	27	17,78	14,19			3,59	58,68		4,00	49,48	0,30	4,90	Mục B Phụ lục 1.1.
2	Thị xã Hồng Lĩnh	12	20,99	13,37			7,62	25,20	5,50		18,50	1,20		Mục B Phụ lục 1.2.
3	Thị xã Kỳ Anh	20	549,01	11,20	7,40		530,41	52,87	16,80	3,72	29,75	0,24	2,36	Mục B Phụ lục 1.3.
4	Huyện Nghi Xuân													Mục B Phụ lục 1.4.
5	Huyện Thạch Hà	35	32,18	23,73	0,50		7,95	29,92		8,56	2,41	18,95		Mục B Phụ lục 1.5.
6	Huyện Cẩm Xuyên	56	69,07	29,44	2,60	21,90	15,13	29,41		1,78	22,85	4,62	0,16	Mục B Phụ lục 1.6.
7	Huyện Hương Sơn	6	35,02	7,26			27,76	20,20	13,70	0,70	4,70	1,10		Mục B Phụ lục 1.7.
8	Huyện Đức Thọ	16	6,69	3,17			3,52	14,47				11,96	2,51	Mục B Phụ lục 1.8.
9	Huyện Can Lộc	53	32,75	25,53			7,22	72,40				72,15	0,25	Mục B Phụ lục 1.9.
10	Huyện Kỳ Anh	33	37,54	12,47			25,07	43,67		4,50	14,90	19,27	5,00	Mục B Phụ lục 1.10.
11	Huyện Hương Khê	17	28,04	4,67			23,37	40,91	16,41		24,50			Mục B Phụ lục 1.11.
12	Huyện Vũ Quang	12	7,64	1,34			6,30	21,10			17,95	2,45	0,70	Mục B Phụ lục 1.12.

(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+... +(8)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(10)+...+(14)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
13	Huyện Lộc Hà	41	37,77	12,05	1,00		24,72	13,33		4,96	4,59	1,93	1,85	Mục B Phụ lục 1.13.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

**PHỤ LỤC 1.1. TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẦN THU HỒI ĐẤT NĂM 2023
CỦA THÀNH PHỐ HÀ TĨNH**

(Kèm theo Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+ (6)+(7)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(10)+.... +(14)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
A. Công trình, dự án thu hồi đất đề xuất mới trong năm 2023															
I	Đất giao thông	2,98	1,96			1,02		29,68			29,68				
1	Mở rộng ngã tư giao nhau giữa đường Hà Huy Tập và Phan Đình Giót	0,02				0,02	Phường Nam Hà	2,00			2,00			QĐ 2997/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng Mở rộng ngã tư giao nhau giữa đường Hà Huy Tập và Phan Đình Giót	
2	Nâng cấp đường Trung Tiết	0,30				0,30	Phường Thạch Quý	1,50			1,50			Quyết định số 2816/QĐ-UBND ngày 15/12/2021 của UBND TP về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng các công trình, dự án khởi công mới năm 2022	
3	Nâng cấp đường Lê Thiệu Huy	0,20				0,20	Phường Nguyễn Du	1,00			1,00			QĐ 2233/QĐ-UBND ngày 12/10/2022 của UBND TP về phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng các công trình, dự án khởi công mới bổ sung năm 2022	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
4	Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Xí đoạn từ trụ sở UBND phường cũ đến giáp xã Tân Lâm Hương	0,41	0,35			0,06	Phường Hà Huy Tập	1,00			1,00			Quyết định số 2816/QĐ-UBND ngày 15/12/2021 của UBND TP về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng các công trình, dự án khởi công mới năm 2022	
5	Chỉnh trang nút giao thông ngõ 6 đường Hải Thượng Lãn Ông, TDP5	0,02				0,02	Phường Bắc Hà	0,50			0,50			QĐ 2233/QĐ-UBND ngày 12/10/2022 của UBND thành phố về phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng các công trình, dự án khởi công mới bổ sung năm 2022	
6	Đường giao thông từ bệnh viện Vinmex đến đường Nguyễn Du	1,00	0,80			0,20	Xã Thạch Hưng	16,40			16,40			Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 06/10/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Tĩnh về việc quyết định chủ trương đầu tư các dự án khởi công mới năm 2023 trên địa bàn thành phố	
7	Mở rộng, nâng cấp tuyến đường ngõ 84 Lê Hồng Phong	0,55	0,50			0,05	Nam Tiến, Thạch Linh	1,58			1,58			Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 06/10/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Tĩnh về việc quyết định chủ trương đầu tư các dự án khởi công mới năm 2023 trên địa bàn thành phố	
8	Đường bờ Bắc của kênh thoát nước phía Tây thành phố (đoạn từ ngõ 151 đường Vũ Quang đến hồ Nhật Tân, phường Thạch Linh)	0,43	0,31			0,12	P. Thạch Linh	5,00			5,00			Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 06/10/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Tĩnh về việc quyết định chủ trương đầu tư các dự án khởi công mới năm 2023 trên địa bàn thành phố	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
9	Nâng cấp đường Nguyễn Hoành Từ (đoạn từ đường Hà Huy Tập đến đường Lê Duẩn)	0,05				0,05	Phường Đại Nài, Hà Huy Tập	0,70			0,70			Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 06/10/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Tĩnh về việc quyết định chủ trương đầu tư các dự án khởi công mới năm 2023 trên địa bàn thành phố	
II	Đất thủy lợi	1,01	0,90			0,11		1,80			1,80				
1	Nâng cấp tuyến mương tiêu thoát lũ từ Ngõ 200, đường Nguyễn Trung Thiên ra Kênh T8.	0,30	0,30				Phường Thạch Quý, Nguyễn Du	0,90			0,90			Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 06/10/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Tĩnh về việc quyết định chủ trương đầu tư các dự án khởi công mới năm 2023 trên địa bàn thành phố	
2	Mương chống ngập úng từ đường về thôn Tiến Hưng đến Đập Phụ Lão	0,66	0,60			0,06	xã Thạch Hưng	0,90			0,90			Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 06/10/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Tĩnh về việc quyết định chủ trương đầu tư các dự án khởi công mới năm 2023 trên địa bàn thành phố	
3	Mương thoát nước đường Hải Thượng Lãn Ông nối từ kênh T7 đến Hào Thành	0,02				0,02	Phường Thạch Quý, Nguyễn Du	5,00			5,00			Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 06/10/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Tĩnh về việc quyết định chủ trương đầu tư các dự án khởi công mới năm 2023 trên địa bàn thành phố	
4	Mương, Vía hè, phía tây đường Nguyễn Trung Thiên	0,03				0,03	Phường Thạch Quý	0,20				0,20		Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 06/10/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Tĩnh về việc quyết định chủ trương đầu tư các dự án khởi công mới năm 2023 trên địa bàn thành phố	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
III	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	0,15	0,15				0,30				0,30				
1	Mở rộng trường Mầm non xã Thạch Hạ	0,15	0,15				Xã Thạch Hạ	0,30				0,30			Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 06/10/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Tĩnh về việc quyết định chủ trương đầu tư các dự án khởi công mới năm 2023 trên địa bàn thành phố
IV	Đất cơ sở y tế	1,54				1,54	2,00		2,00						
1	Mở rộng Bệnh viện đa khoa tỉnh	1,54				1,54	Phường Bắc Hà	2,00		2,00					Công văn số 8208/UBND-XD ngày 07/12/2021 của UBND tỉnh về việc di dời Trụ sở CTCP Môi trường và công trình đô thị Hà Tĩnh để mở rộng Bệnh viện Đa khoa tỉnh
V	Đất ở tại nông thôn	6,50	6,20			0,30	10,40				10,40				
1	Hạ tầng khu dân cư Ao Tổng 2, xã Thạch Bình (giai đoạn 1)	1,60	1,50			0,10	Bình Lý, Thạch Bình				3,1				Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 06/10/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Tĩnh về việc quyết định chủ trương đầu tư các dự án khởi công mới năm 2023 trên địa bàn thành phố
2	Hạ tầng khu dân cư phía Đông thôn Tân Học, xã Thạch Hạ (Giai đoạn 1)	1,00	0,95			0,05	Tân Học, xã Thạch Hạ				3,1				Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 06/10/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Tĩnh về việc quyết định chủ trương đầu tư các dự án khởi công mới năm 2023 trên địa bàn thành phố

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
3	Hạ tầng dân cư Trung Tiến (giai đoạn 1)	1,20	1,15			0,05	Trung Tiến, Đồng Môn	3,10			3,10			Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 06/10/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Tĩnh về việc quyết định chủ trương đầu tư các dự án khởi công mới năm 2023 trên địa bàn thành phố	
4	Hạ tầng khu dân cư Liên Phú	0,70	0,70				Xã Thạch Trung	1,30			1,30			Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 06/10/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Tĩnh về việc quyết định chủ trương đầu tư các dự án khởi công mới năm 2023 trên địa bàn thành phố	
5	Hạ tầng khu dân cư Đồng Bường, xã Thạch Hưng	2,00	1,90			0,10	Xã Thạch Hưng	6,00			6,00			Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 06/10/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Tĩnh về việc quyết định chủ trương đầu tư các dự án khởi công mới năm 2023 trên địa bàn thành phố	
VI	Đất ở tại đô thị	4,14	3,77			0,37		7,60			7,60				
1	Hạ tầng khu dân cư khối phố Bắc Quý (giai đoạn 1)	2,00	1,85			0,15	Bắc Quý, Thạch Quý	3,50			3,50			Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 06/10/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Tĩnh về việc quyết định chủ trương đầu tư các dự án khởi công mới năm 2023 trên địa bàn thành phố	
2	Hạ tầng khu dân cư Đồi Mốt	1,14	1,00			0,14	Phường Thạch Linh, xã Thạch Trung	2,10			2,10			Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 06/10/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Tĩnh về việc quyết định chủ trương đầu tư các dự án khởi công mới năm 2023 trên địa bàn thành phố	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
3	Hạ tầng khu dân cư Hợp Tiến	1,00	0,92			0,08	Phường Thạch Linh	2,00			2,00			Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 06/10/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Tĩnh về việc quyết định chủ trương đầu tư các dự án khởi công mới năm 2023 trên địa bàn thành phố	
VII	Đất công trình năng lượng	0,05	0,04			0,01		0,40					0,40		
1	Xây dựng, cải tạo đường dây trung hạ áp và TBA để giảm tổn thất điện năng, nâng cao chất lượng điện áp, đảm bảo cấp điện mạch vòng, nâng cao độ tin cậy cung cấp điện khu vực thành phố Hà Tĩnh	0,01	0,01				Phường Thạch Quý	0,10					0,10	Quyết định số 1074/QĐ-EVNNPC ngày 19/05/2022 của Tổng Công ty Điện lực miền Bắc về việc duyệt danh mục và tạm giao KHV công trình ĐTXD bổ sung năm 2022 cho Công ty Điện lực Hà Tĩnh	
2	Xây dựng, cải tạo đường dây trung hạ áp và TBA để chống quá tải, giảm tổn thất điện năng, giảm bán kính cấp điện khu vực thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh năm 2023	0,04	0,03			0,01	Phường Văn Yên, Thạch Hưng, Thạch Hạ, Thạch Trung, Thạch Quý, Thạch Linh	0,30					0,30	Quyết định số 2476/QĐ-EVNNPC ngày 04/10/2022 của Tổng Công ty Điện lực miền Bắc về việc Duyệt danh mục và tạm giao KHV công trình ĐTXD năm 2023 cho Công ty Điện lực Hà Tĩnh	
VIII	Đất công trình bưu chính viễn thông	0,41	0,25			0,16		4,50					4,50		
1	Xây dựng các trạm BTS mạng di động trên địa bàn thành phố	0,41	0,25			0,16	Xã Đồng Môn, Thạch Bình, Thạch Hạ, Thạch Hưng, Thạch Trung, Thạch Quý, Văn Yên	4,50					4,50	Quyết định số 1418/QĐ-VTHT-KTĐT ngày 03/11/2022 của Viễn thông Hà Tĩnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các trạm BTS trên địa bàn thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú	
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp			
IX	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	1,00	0,92			0,08		2,00		2,00						
1	QH Trụ sở Đài truyền hình	1,00	0,92			0,08	Phường Thạch Linh	2,00		2,00					Văn bản số 316/TB-UBND ngày 19/8/2022 của UBND tỉnh Thông báo kết luận giao ban UBND tỉnh ngày 09/8/2022	
27	TỔNG A: 27 Danh mục	17,78	14,19			3,59		58,68		4,00	49,48	0,30	4,90			
B. Công trình, dự án cần thu hồi đất đã được HĐND tỉnh thông qua tại các Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021, Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29/4/2022, Nghị quyết số																
I	Đất giao thông	89,77	35,03			54,74		197,62		120,24	70,69	6,15	0,54			
1	Dự án chỉnh trang đô thị phía đông kênh N1-9 (giai đoạn II)	0,04				0,04	Phường Trần Phú	1,50			1,50				Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
2	Đường phía Nam và phía Đông BCHQS tỉnh Hà Tĩnh	2,80	2,80				Phường Nguyễn Du	3,21			3,21				Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
3	Đường Xuân Diệu kéo dài (Đoạn từ đường vành đai khu đô thị Bắc đến đường Ngô Quyền)	8,50	8,00			0,50	Phường Nguyễn Du, xã Thạch Trung	28,24		28,24					Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
4	Đường 70 (Đoạn từ đường Vũ Quang - Hàm Nghi; Đoạn từ đường Nguyễn Công Trứ - Nguyễn Trung Thiên; Đoạn từ đường Trần Phú - Vũ Quang)	19,67	5,55			14,12	Phường Trần Phú, phường Thạch Linh, phường Thạch Quý	14,34		14,34					Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
5	MR Bến xe buýt	0,35	0,35				Phường Thạch Quý	0,54					0,54		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
6	Nâng cấp hệ thống đường giao thông xã Thạch Hạ	1,46	1,03			0,43	Thôn Minh Yên, Tân Lộc & thôn Hạ, xã Thạch Hạ	5,28			5,28			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
7	XD Cầu Hộ Độ tại Km2+800 tuyến đường tỉnh ĐT.549 (Dự án cải tạo mặt đường, chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật đường Quang Trung đoạn từ Nguyễn Huy Lung đến cầu Hộ Độ và bổ sung một đơn nguyên cầu Hộ Độ)	0,03				0,03	Xã Thạch Hạ	0,06		0,06				Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
8	Đường giao thông trục xã Thạch Trung (Đoạn từ đường Trần Phú đến khu dân cư Đồng Xay)	2,00	0,80			1,20	Xã Thạch Trung	3,50			3,50			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
9	Đường giao thông trục xã đoạn từ Ngô Quyền đến đường Mai Lão Bạng	0,01	0,01				Xã Thạch Trung	0,05			0,05			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
10	Đường vành đai phía Đông Thành Phố Hà Tĩnh (GĐ1) đoạn từ km0 đến Km9+535 và đoạn từ Km14+156 đến Km15+785	38,57	4,91			33,66	Phường Văn Yên, phường Đại Nài, xã Thạch Hưng, xã Đồng Môn, xã Thạch Hạ	47,60		47,60				Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
11	Đường Nguyễn Du kéo dài đến đê Đồng Môn	5,08	4,58			0,50	Xã Thạch Hưng	7,30			7,30			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
12	Đường giao thông từ trường Mầm Non Thạch Hưng đến đường Mai Thúc Loan	0,05				0,05	Xã Thạch Hưng	0,50			0,50			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
13	Mở rộng, nâng cấp tuyến đường Đặng Tất xã Thạch Hưng, thành phố Hà Tĩnh	0,10				0,10	Xã Thạch Hưng	0,55			0,55			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
14	Mở rộng đường Phú Hào, phường Hà Huy Tập, thành phố Hà Tĩnh	0,14				0,14	Phường Hà Huy Tập	0,70			0,70			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
15	Đường Lê Ninh kéo dài (đoạn từ trung tâm phòng chống HIV đến phòng CSGT) và kênh T4	0,30	0,20			0,10	Xã Thạch Trung	3,50			3,50			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
16	Đường giao thông đoạn từ Hải Thượng Lãn Ông kéo dài đến đường Nguyễn Du kéo dài	0,05				0,05	Thôn Nam Kinh, Trung Hưng, xã Thạch Hưng	2,00				2,00		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
17	Đường Ngô Quyền - Đòng Môn	0,27	0,27				Thôn Thanh Tiến, xã Đòng Môn	0,70				0,70		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
18	Đường giao thông thôn Liên Hà (Vườn Hùng)	0,50	0,50				Liên Hà, xã Thạch Hạ					1,4		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
19	Đường giao thông liên thôn Đông Đoài, thôn Thượng	0,32	0,05			0,27	Thôn Đông Đoài, xã Thạch Hạ					0,15		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
20	Hạ tầng GT tổ dân phố 1	0,01				0,01	Tổ DP 1 Phường Nam Hà	1,00			1,00			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
21	Đường giao thông (Ngõ 1 Đường Hà Huy Tập - Ngõ 2 đường Võ Liêm Sơn)	0,02				0,02	Phường Nam Hà	0,50			0,50			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
22	Mở thông ngõ 4 đường Trần Phú ra bờ hồ Bắc Hà	0,01				0,01	Phường Bắc Hà	0,30				0,30		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
23	Đường giao thông ngõ 41, đường Hàm Nghi	0,15				0,15	Phường Hà Huy Tập	27,00			27,00			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
24	Đường Lê Duẩn (đoạn từ phía nam Trung tâm thương mại vincom đến đường Nguyễn Xí, và đoạn từ đường Nguyễn Xí đến Quốc lộ 1A)	0,68				0,68	phường Hà Huy Tập	30,00		30,00				Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
25	Đường giao thông trục chính xã Thạch Trung (Đoạn từ đường Ngô Quyền đến đường Trung Hạ)	0,01	0,00			0,01	xã Thạch Trung	0,65				0,65		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
26	Chỉnh trang nút giao thông ngõ 6 đường Hải Thượng Lãn Ông	0,02				0,02	Phường Bắc Hà	3,00			3,00			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
27	Nâng cấp mở rộng tuyến đường giao thông từ thôn Liên Hà ra khu Quy hoạch Đồng Ghè	1,50	1,00			0,50	Xã Thạch Hạ	1,50				1,50		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
28	Nâng cấp 2 tuyến đường giao thông nội đồng cánh đồng Ghè	1,05	1,05				Xã Thạch Hạ	1,00				1,00		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
29	Củng cố nâng cấp tuyến đê Đồng Môn đoạn từ cầu Cày (K0) đến cầu Hộ Độ (K5+340)	0,03				0,03	Xã Thạch Trung	1,00			1,00			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
30	Nâng cấp, mở rộng đường GTNT	0,47	0,47				Xã Thạch Bình	1,00			1,00			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
31	Đường giao thông từ QL1A đến đường Đặng Văn Bá	0,84	0,84				Xã Thạch Bình	2,00			2,00			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
32	Xây dựng đường giao thông đoạn từ trường THCS Hưng Đồng đến đường vào xóm Tiến Hưng, xã Thạch Hưng	0,70	0,40			0,30	Xã Thạch Hưng	1,50			1,50			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
33	Đường vành đai phía tây Hồ Đập Lỗ	0,20				0,20	Xã Thạch Hưng	0,80			0,80			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
34	Đường bao sông Cụt đoạn từ đường 26/3 đến đường Nguyễn Trung Thiên	0,08				0,08	Phường Tân Giang	1,50			1,50			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
35	Đường Lê Ninh kéo dài từ đường Xô Viết Nghệ Tĩnh đến đường vành đai Khu đô thị Bắc	0,12	0,12				Phường Nguyễn Du	0,50			0,50			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
36	Xây dựng đường nội đồng tại các vùng tích tụ ruộng đất, xã Thạch Hạ	0,45	0,45				Xã Thạch Hạ	0,50			0,50			Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
37	Đường giao thông liên tổ dân phố Tân Tiến- Nhật Tân, phường Thạch Linh	0,55	0,55				Phường Thạch Linh	0,60			0,60			Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
38	Nâng cấp đường Đặng Văn Bá, xã Thạch Bình	1,69	0,15			1,54	Xã Thạch Bình	3,00			3,00			Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
39	Đường và mương thoát nước hạ tầng khu dân cư xem đấm TDP4	0,95	0,95				phường Hà Huy Tập	0,70			0,70			Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
II	Đất thủy lợi	4,41	4,23			0,18		8,90		1,00	7,90				
1	Kênh tiêu thoát lũ khu đồng Ngọ Vinh	0,25	0,25				TDP 2, phường Nguyễn Du	0,40			0,40			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
2	Kênh mương phường Hà Huy Tập	0,50	0,50				TDP 3+4+5 phường Hà Huy Tập	0,90			0,90			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
3	Hệ thống kênh tiêu nước vùng Ghè	0,60	0,60				Thôn Liên Thanh, xã Thạch Hạ	1,20			1,20			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
4	Kênh tiêu Thạch Quý từ cống đồng kiên ra kênh T8	0,50	0,50				Phường Thạch Quý	1,50			1,50			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
5	Đê Hữu Phú	0,05	0,05				Xã Thạch Bình	0,10			0,10			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
6	Mương tiêu thoát từ đường Trung Hưng đến Hồ Đập Lỗ	0,10	0,10				Xã Thạch Hưng	0,30			0,30			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú	
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp			
7	Hệ thống thoát nước từ Đại Lộ Xô Viết Nghệ Tĩnh đến kênh thoát lũ Thạch Trung (Dự án Hệ thống thoát nước lưu vực phía Đông Bắc khu đô thị Bắc thành phố Hà Tĩnh)	0,72	0,68			0,04	P. Nguyễn Du và X Thạch Trung	1,00		1,00					Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
8	Mương thoát nước vùng Cầu Vôi	1,00	1,00				Xã Thạch Bình	1,20			1,20				Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
9	Hệ thống tiêu thoát nước từ vùng Học đến mương tiêu vùng Ghè, xã Thạch Hạ	0,20	0,16			0,04	Xã Thạch Hạ	0,60			0,60				Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
10	Tuyến thoát nước từ TDP 2 Nguyễn Du đến cống Trường Lợn Thạch Trung	0,11	0,11				P. Nguyễn Du	0,50			0,50				Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
11	Nâng cấp Kênh Ghè Nghem	0,28	0,18			0,10	Xã Đồng Môn	0,70			0,70				Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
12	Cải tạo, nâng cấp bờ rào xã Đồng Môn	0,10	0,10				Xã Đồng Môn	0,50			0,50				Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
III	Đất xây dựng cơ sở y tế	3,93	3,76			0,17		1,71			0,60	0,11	1,00			
1	Trạm Y tế Đồng Môn	0,12	0,12				Thôn Thắng Lợi xã Đồng Môn	0,31			0,20	0,11			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
2	Đất xây dựng cơ sở Y tế	3,69	3,64			0,05	Phường Thạch Quý, xã Thạch Hưng	1,00					1,00		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
3	Mở rộng Trạm y tế phường Hà Huy Tập	0,12				0,12	Phường Hà Huy Tập	0,40			0,40			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
IV	Đất xây dựng cơ sở giáo dục, đào tạo	24,40	22,30			2,10		36,21			4,00		32,21		
1	QH mở rộng trường THCS Phường Nam Hà	0,06				0,06	Phường Nam Hà	1,00			1,00			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
2	Thành phố giáo dục quốc tế Hà Tĩnh	22,54	20,50			2,04	Phường Nguyễn Du	32,21					32,2	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
3	Xây dựng trường THCS Đại Nài về vị trí mới	1,80	1,80				Phường Đại Nài	3,00			3,00			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
V	Đất cơ sở thể dục, thể thao	0,04				0,04		0,80					0,80		
1	Nâng cấp sân thể thao và chỉnh trang khu vực trung tâm phường Nam Hà	0,04				0,04	Phường Nam Hà	0,80				0,80		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
VI	Đất công trình năng lượng	5,27	5,26			0,01		7,34		6,12	0,08		1,14		

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
1	Xây dựng ĐZ, TBA chống quá tải và giảm tổn thất điện năng lưới điện các xã, phường thuộc thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh	0,31	0,31				Phường Nguyễn Du, Phường Bắc Hà, P. Tân Giang, P. Đại Nài, P. Hà Huy Tập, X. Thạch Trung, X. Thạch Đồng, Phường Thạch Quý, Xã Thạch Hạ	0,47					0,47	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
2	Dự án nâng cao độ tin cậy cung cấp điện ĐZ 374E18.1 huyện Cẩm Xuyên (từ cột số 1 đến cột số 76) đoạn đi qua thành phố Hà Tĩnh	0,01	0,01				Phường Hà Huy Tập	0,02					0,02	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
3	Di dời đường điện trung tâm hành chính tỉnh	4,00	4,00				Phường Thạch Linh	6,12		6,12				Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
4	Dự án tháo dỡ, xây mới DZ 110KV và 220KV đi chung phục vụ giải phóng, phát triển quỹ đất phía Tây thành phố Hà Tĩnh theo hình thức BT	0,67	0,67				Phường Thạch Linh	0,08			0,08			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29/4/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
5	Xây dựng 01 xuất tuyến 22kV sau TBA 110kV Thạch Linh (E18.1) cấp điện cho các xã Thạch Trung, Thạch Hạ, Thạch Môn - thành phố Hà Tĩnh và san tải cho ĐZ 472E18.1	0,03	0,03				Xã Thạch Trung, xã Thạch Hạ, xã Thạch Môn, xã Thạch Đồng, xã Thạch Hưng	0,05					0,05	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
6	Nâng cấp, di dời tuyến đường điện 22KV và mở rộng đường dây 0,4KV vùng NTTS đồng Ghè, xã Thạch Hạ	0,20	0,20				Xã Thạch Hạ	0,40					0,40	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
7	Xây dựng DZ, TBA giảm tổn thất điện năng, nâng cao chất lượng điện áp khu vực thành phố Hà Tĩnh năm 2022; Xây dựng, cải tạo đường dây 372E18.1 để cấp điện mạch vòng nâng cao độ tin cậy cung cấp điện	0,05	0,04			0,01	Phường Đại Nài, Thạch Linh; xã Thạch Hạ	0,20					0,20	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
VIII	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức xã hội	3,10	0,14			2,96		3,00		3,00					
1	MR Trung tâm điều dưỡng người có công và bảo trợ xã hội tại xã Thạch Hạ	3,10	0,14			2,96	Xã Thạch Hạ	3,00		3,00				Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
IX	Đất Bãi thải, xử lý rác thải	0,17				0,17		0,39	-	-	0,39	-			
1	Bãi trung chuyển rác (tại Đập Thượng)	0,17				0,17	Xã Đồng Môn	0,39			0,39			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
X	Đất sinh hoạt cộng đồng	0,91	0,46			0,45		2,71			0,23	2,48			

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
1	XD Nhà văn hóa khối phố	0,15	0,15				KP Tây Yên, phường Văn Yên	0,23			0,23			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
2	Nhà văn hoá và khu thể thao thôn Hồng Hà	0,25				0,25	Thôn Hồng Hà, xã Thạch Trung	1,10				1,10		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
3	Nhà văn hoá và khu thể thao thôn Tân Phú	0,20	0,20				Thôn Tân Phú, xã Thạch Trung	0,40				0,40		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
4	Nhà văn hoá và khu thể thao thôn Bình Yên	0,20				0,20	Thôn Bình Yên xã Thạch Bình	0,70				0,70		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
5	Nhà Văn Hóa Tiên Tiến	0,11	0,11				Thôn Tiên Thiến xã Đông Môn	0,28				0,28		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
XI	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	2,52	1,42			1,10		57,20			56,80	0,40			
1	Công viên trung tâm thành phố	1,10				1,10	Phường Đại Nài, phường Nam Hà	55,00			55,00			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
2	Khu hồ điều hòa kết hợp Tiểu công viên thôn Tân Học	1,30	1,30				Thôn Tân Học, Xã Thạch Hạ	1,80			1,80			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
3	Tiểu công viên kết hợp đường giao thông trục thôn tại xóm Đoài Thịnh, xã Thạch Trung	0,12	0,12				X. Thạch Trung	0,40			0,40			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
XII	Đất ở tại nông thôn	198,35	145,69			52,66		222,33			100,40	22,33	99,60		
1	Đất ở mới (Xen dăm)	0,60				0,60	Thôn Tân Lộc, xã Thạch Hạ	2,29				2,29		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
2	Khu dân cư Đồng Cầu	2,50	2,50				Thôn Kinh Nam, Xã Thạch Hưng	3,82				3,82		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
3	Khu dân cư Cầu Ngan	4,89	4,76			0,13	Thôn Liên Thanh, Tân Học, xã Thạch Hạ	6,12				6,12		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
4	Khu dân cư Tân Học (giai đoạn 2)	1,24	1,24				Thôn Tân Học, xã Thạch Hạ	3,67				3,67		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
5	Khu dân cư Đồi Quang	1,60	1,60				Xã Đồng Môn	3,98				3,98		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
6	Khu dân cư xen dầm thôn Liên Hà (Giai đoạn 2)	1,50				1,50	Xã Thạch Hạ	2,29				2,29		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
7	Khu tái định cư Đội Nếp (TĐC cho dự án đê Đồng Môn)	3,64	3,54			0,10	Xã Thạch Hưng	1,53				1,53		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
8	Hạ tầng dân cư Lý Tự (Quy hoạch đất ở gần trường MN) (Tên cũ: Đất ở mới - khu vực sát trường mầm non)	0,55				0,55	Xã Đồng Môn	1,73				1,73		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
9	Khu dân cư Tân Phú	2,00	2,00				X. Thạch Trung	3,06				3,06		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
10	Khu đô thị 2 bên đường Ngô Quyền	42,79	33,06			9,73	Xã Thạch Trung	28,60				28,60		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
11	Khu đô thị tại xã Thạch Trung và thị trấn Thạch Hà	22,60	10,55			12,05	Xã Thạch Trung	40,00					40,00	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
12	Đất ở mới xen dầm tại các xóm	2,31	0,74			1,57	Xóm Đông Đoài, Minh Yên, Tân Lộc, Liên Thanh, xã Thạch Hạ	3,28				3,28		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
13	Khu dân cư Đồng Hoàng	0,30	0,30				Xóm Tân Phú, xã Thạch Trung	0,46				0,46		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
14	Hạ tầng khu dân cư xen dầm thôn Hồng Hà	0,57	0,38			0,19	Thôn Hồng Hà, xã Thạch Trung	1,20			1,20			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
15	Hạ tầng Khu dân cư Sác Giá, thôn Đức Phú, xã Thạch Trung	0,65	0,65				Thôn Đức Phú, xã Thạch Trung	2,02			2,02			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
16	Đất ở xen dầm thôn Minh Yên	0,80	0,80				Xã Thạch Hạ	1,00				1,00		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
17	Hạ tầng phía Tây thôn Tân Học giai đoạn 4	1,20	1,20				Xã Thạch Hạ	2,60			2,60			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
18	QH xen dầm đất ở 9 thôn	0,60	0,60				Xã Đồng Môn	1,80				1,80		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
19	Hạ tầng khu dân cư xen dầm Đồng Xay, thôn Thanh Phú, xã Thạch Trung (Giai đoạn 3)	0,15	0,15				Xóm Thanh Phú, xã Thạch Trung	0,45			0,45			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
20	Hạ tầng Khu dân cư Cọc Lim, thôn Đông Tiến (giai đoạn 3)	0,90	0,71			0,19	Xóm Đông Tiến, xã Thạch Trung	2,13			2,13			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
21	Khu đô thị, thương mại dịch vụ, biệt thự sinh thái Nam Cầu Phủ	49,91	32,70			17,21	Xã Thạch Bình	36,30			36,30			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
22	Đất ở xen dăm	0,30	0,30				Thôn Kim Nam, xã Thạch Hưng	0,60				0,60		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
23	Khu đô thị mới phía Nam Cầu Cày	20,74	13,01			7,73	Thạch Trung	31,00					31,0	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
24	Đất ở (Xen dăm các thôn)	1,26	1,26				Xã Thạch Hạ	1,00				1,00		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
25	Khu dân cư xen dăm dọc 2 bên tuyến đường Lê Ninh kéo dài (lô OT7.11 theo Quy hoạch phân khu xây dựng xã Thạch Trung)	0,70	0,70				Xã Thạch Trung	1,00				1,00		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
26	Hạ tầng dân cư vùng Đồng Tim, Tẻ Quạt	4,98	4,98				Thôn Thượng, thôn Đông Đoài, xã Thạch Hạ	5,00			5,00			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
27	Khu dân cư xen dăm Vườn Đề, Ngọ Nhâm	1,08	1,08				Thôn Liên Hà, xã Thạch Hạ	1,20			1,20			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
28	Hạ tầng khu dân cư Sác Năn II	1,87	1,87				Xã Thạch Trung	2,00			2,00			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
29	Khu xen dầm dân cư thôn Tiền Tiến	2,60	2,48			0,12	X. Đồng Môn	3,00			3,00			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
30	Hạ tầng khu dân cư vùng Giếng Đồng thôn Tiến Giang, xã Đồng Môn	2,10	2,00			0,11	X. Đồng Môn	2,50			2,50			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
31	Hạ tầng khu dân cư thôn Tân Phú	3,05	2,90			0,15	X. Thạch Trung	3,50			3,50			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
32	Hạ tầng khu dân cư Đồng Kênh, đồng Cửa Miếu	4,10	4,10				X. Thạch Hưng	10,00			10,00			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
33	Hạ tầng khu dân cư thôn Thanh Tiến	2,85	2,85				Xã Đồng Môn	3,00			3,00			Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
34	Hạ tầng khu dân cư Khu N Quy hoạch trung tâm hành chính xã Thạch Hưng	2,50	2,45			0,05	Xã Thạch Hưng	3,10			3,10			Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
35	Hạ tầng khu dân cư Khu M Quy hoạch trung tâm hành chính xã Thạch Hưng	4,51	4,51				Xã Thạch Hưng	3,10			3,10			Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
36	Hạ tầng khu dân cư Đồng Cửa Hàng, xã Thạch Bình	2,51	2,21			0,30	Xã Thạch Bình	2,00			2,00			Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
37	Hạ tầng khu dân cư thôn Liên Nhật (giai đoạn 2)	1,90	1,52			0,38	Xã Thạch Hạ, Đồng Môn	2,00			2,00			Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
XIII	Đất ở tại đô thị	177,84	129,24			48,60		356,56		14,10	59,68	8,25	274,53		
1	Khu đô thị tại phường Hà Huy Tập	22,50	21,20			1,30	Phường Hà Huy Tập	15,14					15,14	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
2	Đất ở mới (Xen dăm)	1,70	1,70				Phường Thạch Linh	2,60				2,60		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
3	Quỹ đất thanh toán cho dự án tháo dỡ, xây mới DZ 110KV và 220KV	3,45	3,00			0,45	Phường Thạch Linh	4,59			4,59			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
4	Khu đô thị thương mại và du lịch Văn Yên	70,63	43,83			26,80	Phường Văn Yên	195,99					195,99	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
5	Quỹ đất tái định cư phục vụ dự án tái định cư	0,74	0,74				TDP 6, phường Nguyễn Du	1,13			1,13			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
6	Đất ở mới (Xen dăm)	0,90	0,90				TDP 7, phường Nguyễn Du	1,37				1,37		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
7	Khu đô thị tại thành phố Hà Tĩnh	6,03	3,22			2,81	phường Nguyễn Du	15,00					15,00	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
8	Đất ở mới (Xen dăm)	0,10	0,10				Phường Thạch Quý	0,15				0,15		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
9	Di dời xưởng chế biến Hương nển, chiếu trúc và giấy màu	0,60				0,60	Phường Thạch Quý	1,20		1,20				Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
10	Dự án Khu phức hợp thể thao, nhà ở Sông Đông	7,20	6,70			0,50	Phường Thạch Linh,	9,30			9,30			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
11	Nhà văn hoá khối phố 3 sang đất ở	0,02				0,02	Phường Nam Hà	0,30				0,30		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
12	Khu dân cư Tổ dân phố 4, Tổ dân phố 7, Phường Hà Huy Tập	0,80	0,80				TDP 4, TDP 7, Phường Hà Huy Tập	1,00			1,00			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
13	Dự án chỉnh trang đô thị hạ tầng dân cư TDP7	4,54	3,15			1,39	Phường Hà Huy Tập	7,00			7,00			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh (Tách ra từ mục Khu dân cư Tổ dân phố 4, tổ dân phố 7)	
14	Khu dân cư Đội Mỹ	0,16	0,16				TDP Bắc Quý, Tâm Quý, P. Thạch Quý	0,50			0,50			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
15	Xen dầm đất ở	0,01				0,01	TDP1. Phường Nam Hà	0,30				0,30		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
16	Khu đất phía Đông bộ chỉ huy quân sự tỉnh	2,50	2,50				Phường Nguyễn Du	3,50		3,50				Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
17	Đất ở xem dầm (NVH TDP 1 cũ)	0,01				0,01	Tổ dân phố 1, Phường Nam Hà	0,03				0,03		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
18	Khu đô thị tại xã Thạch Trung	20,75	9,20			11,55	xã Thạch Trung, Phường Nguyễn Du	27,40					27,4	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
19	Khu đô thị Thạch Quý, thành phố Hà Tĩnh	10,18	9,06			1,12	Phường Thạch Quý	21,00					21,0	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
20	Đất ở xen dầm từ NVH TDP 6 (tên cũ: Hạ tầng tổ dân phố 6)	0,02				0,02	Phường Hà Huy Tập	5,20		5,20				Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
21	Hạ tầng tổ dân phố 7	0,44				0,44	Phường Hà Huy Tập	4,20		4,20				Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
22	Hạ tầng khu dân cư Đồng Bàu Ra	0,15				0,15	Phường Hà Huy Tập	3,00			3,00			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
23	Đất ở mới (Xen dăm)	1,41	0,84			0,57	Khối phố 9, phường Đại Nài	1,50				1,50		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
24	Xen dăm đất ở KP Nhật Tân và KP Đại Đồng	0,08	0,08				Phường Thạch Linh	0,40				0,40		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
25	Hạ tầng khu dân cư xen dăm TDP 3,4	0,69	0,67			0,02	Phường Hà Huy Tập	0,80				0,80		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
26	Hạ tầng dân cư đồng Lâm nghiệp	1,42	1,42				Phường Văn Yên	2,00			2,00			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
27	Quy hoạch vùng Kê Se	2,05	2,05				Phường Đại Nài	2,50			2,50			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
28	Khu dân cư vùng Đồng Dinh	0,87	0,87				Phường Đại Nài	1,00			1,00			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
29	Khu dân cư tổ dân phố 8 (vị trí 1,3,4,6,7)	4,31	4,31				Phường Đại Nài	5,00			5,00			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
30	Khu dân cư tổ dân phố 7 (vị trí 1,2)	0,93	0,93				Phường Đại Nài	1,00			1,00			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
31	Xen dậm TDP Yên Đồng	0,40	0,40				Phường Thạch Linh	0,50				0,50		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
32	Xen dậm TDP Đại Đồng	0,15	0,15				Phường Thạch Linh	0,30				0,30		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
33	QH đất ở mới (phía Đông đường Lê Ninh) tổ 6	0,50	0,50				TDP 6 Phường Nguyễn Du	0,80			0,80			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
34	QH xen dậm khu dân cư Tổ 2	1,20	1,20				TDP 2, Phường Nguyễn Du	1,50			1,50			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
35	Hạ tầng khu dân cư Khối phố Tuy Hòa (đối diện Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh), phường Thạch Linh	1,59	1,49			0,10	P. Thạch Linh	2,00			2,00			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
36	Hạ tầng tổ dân phố 6, phường Nguyễn Du (Bám mặt đường Xuân Diệu theo QHPK Đô thị Bắc)	1,31	1,13			0,18	P. Nguyễn Du	1,50			1,50			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
37	Hạ tầng hai bên Kênh phía Tây thành phố, phường Thạch Linh	4,21	3,79			0,42	P. Thạch Linh	4,60			4,60			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
38	Hạ tầng khu tái định cư khối phố Tân Quý, phường Thạch Quý	3,15	3,15				Phường Thạch Quý	3,16			3,16			Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
39	Hạ tầng khu dân cư phía Nam đường Nguyễn Du	0,14				0,14	Phường Thạch Quý	8,10			8,10			Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
XIV	Đất trụ sở cơ quan	0,62	0,62					0,95			0,95				

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
1	Trung tâm hành chính phường	0,62	0,62				KP Hòa Bình, phường Văn Yên	0,95			0,95			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
XV	Đất mặt nước chuyên dùng	0,03				0,03		1,50			1,50				
1	MR hồ Công Đoàn	0,03				0,03	TDP 1, phường Bắc Hà	1,50			1,50			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
XVI	Đất công trình bưu chính viễn thông	0,06	0,06					0,15					0,15		
1	QH các trạm BTS mạng di động (2 trạm: Đồng Môn, Thạch Bình)	0,06	0,06				Xã Đồng Môn, Thạch Bình	0,15					0,15	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
XVII	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	0,29				0,29		3,00		3,00					
1	QH mở rộng Võ Miếu	0,29				0,29	Phường Tân Giang	3,00		3,00				Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
XVIII	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	0,50	0,50					0,80			0,80				
1	Mở rộng nghĩa trang Cồn Bông	0,50	0,50				Phường Hà Huy Tập	0,80			0,80			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
XIX	Đất cơ sở văn hóa	3,28	3,28					5,02			5,02				
1	XD Trụ sở Bảo tàng	3,28	3,28				Phường Nguyễn Du	5,02			5,02			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
157	Tổng B: 157 Danh mục	515,50	352,00			163,49		906,19		147,46	309,04	40,52	409,17		
184	Tổng A+B: 184 Danh mục	533,27	366,19			167,08		964,86		151,46	358,51	40,82	414,07		

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

**PHỤ LỤC 1.2. TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẦN THU HỒI ĐẤT NĂM 2023
CỦA THỊ XÃ HỒNG LĨNH**

(Kèm theo Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã...)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
(1)	(2)	(3)=(4)+(5) +(6)+(7)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(10)+... +(14)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
A. Công trình, dự án thu hồi đất đề xuất mới trong năm 2023															
I	Đất phát triển hạ tầng	10,00	2,72			7,28		10,50	5,50		5,00				
1.1	Đất giao thông	0,66				0,66		3,00			3,00				
1	Đường Nguyễn Khuyến	0,10				0,10	TDP La Giang, Phường Trung Lương	1,50			1,50			NQ 42/NQ-HĐND ngày 23/9/2022 HĐND thị xã	
2	Nâng cấp mở rộng các tuyến đường GTĐT	0,56				0,56	Các TDP, phường Trung Lương	1,50			1,50			Văn bản số 1493/UBND-QLĐT ngày 4/10/2022 của UBND thị xã Hồng Lĩnh	
1.2	Đất thủy lợi	7,34	0,72			6,62		5,50	5,50						
1	Xử lý cấp bách các công xung yếu dưới đê tỉnh Hà Tĩnh thuộc dự án Xử lý cấp bách các công xung yếu dưới đê từ đê cấp III trở lên	0,14				0,14	Thị xã Hồng Lĩnh	0,50	0,50					Quyết định số 3805/QĐ-BNN-PCTT ngày 07/10/2022 phê duyệt dự án. Văn bản số: 983/BQLDA-KHĐT ngày 25/10/2022 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
2	Dự án hệ thống tiêu úng các xã trọng điểm sản xuất nông nghiệp các huyện Đức Thọ, Can Lộc, Thị xã Hồng Lĩnh (Kênh 19.5)	7,20	0,72			6,48	Thị xã Hồng Lĩnh	5,00	5,00					Văn bản số: 983/BQLDA-KHĐT ngày 25/10/2022 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
1.3	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	2,00	2,00					2,00			2,00				
1	Quy hoạch mở rộng nghĩa trang Cồn Vạc	2,00	2,00				TDP 6, phường Nam Hồng	2,00			2,00			Văn bản 177/TB-UBND ngày 05/07/2022 Thông báo Kết luận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã	
II	Đất sinh hoạt cộng đồng	0,04				0,04		0,20				0,20			
1	Mở rộng NVH TDP 6	0,04				0,04	Phường Nam Hồng	0,20				0,20		Bản vẽ quy hoạch tỷ lệ 1/500 ký duyệt ngày 10/5/2022	
III	Đất ở tại nông thôn	3,45	3,45					7,00			6,50	0,50			
1	Khu dân cư Cựạ Trộ thôn Chùa, xã Thuận Lộc	1,50	1,50				Thôn Chùa, xã Thuận Lộc	3,00			3,00			Công văn số 1546/UBND-TNMT ngày 28/9/2022 của UBND thị xã Hồng Lĩnh về việc đồng ý chủ trương khảo sát khu đất để lập quy hoạch các khu dân cư trên địa bàn xã Thuận Lộc	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
2	Khu dân cư Cải Tạo thôn Chùa, xã Thuận Lộc	1,80	1,80				Thôn Chùa, xã Thuận Lộc	3,50			3,50			Công văn số 1546/UBND-TNMT ngày 28/9/2022 của UBND thị xã Hồng Lĩnh về việc đồng ý chủ trương khảo sát khu đất để lập quy hoạch các khu dân cư trên địa bàn xã Thuận Lộc	
3	Khu dân cư xen dăm thôn Đồi Cao	0,15	0,15				Thôn Đồi Cao, xã Thuận Lộc	0,50				0,50		Công văn số 1498/UBND-TNMT ngày 26/9/2022 của UBND thị xã Hồng Lĩnh về việc lập quy hoạch khu dân cư để giao đất có thu tiền sử dụng đất.	
IV	Đất ở tại đô thị	1,80	1,50			0,30		3,50			3,00	0,50			
1	Khu dân cư Đồng Lồng	1,50	1,50				TDP Tuần Cầu, phường Trung Lương	3,00			3,00			Văn bản số 1422/UBND-QLĐT ngày 14/9/2022 của UBND thị xã Hồng Lĩnh	
2	Hạ tầng khu dân cư khối 7,8	0,30				0,30	TDP 7,8 phường Đức Thuận	0,50				0,50		Quyết định số 2317/QĐ-UBND ngày 25/8/2021 của UBND thị xã Hồng Lĩnh	
V	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	5,70	5,70					4,00			4,00				
1	Hạ tầng kỹ thuật công viên trung tâm thị xã Hồng Lĩnh (giai đoạn I)	5,70	5,70				phường Đức Thuận, Bắc Hồng	4,00			4,00			Nghị quyết số 27/NQ-HĐND của HĐND thị xã Hồng Lĩnh ngày 15/4/2022	
12	TỔNG A: 12 Danh mục	20,99	13,37			7,62		25,20	5,50		18,50	1,20			

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã...)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
B. Công trình, dự án cần thu hồi đất đã được HĐND tỉnh thông qua tại các Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021, Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29/4/2022, Nghị quyết số															
I	Đất cụm công nghiệp	90,24	14,64			75,60	102,00					102,00			
1	Cụm công nghiệp Nam Hồng	6,00	6,00				15,00					15,00	NQ 61 ngày 16/12/2021 HĐND tỉnh		
2	Cụm công nghiệp Trung Lương	9,24	8,64			0,60	12,00					12,00	NQ 61 ngày 16/12/2021 HĐND tỉnh		
3	Cụm công nghiệp Cổng Khánh 3	75,00				75,00	75,00					75,00	NQ 61 ngày 16/12/2021 HĐND tỉnh		
II	Đất phát triển hạ tầng	69,66	14,71	16,93		38,02	102,32		23,00	45,40	0,47	33,45			
2.1	Đất giao thông	17,06	7,68	1,60		7,78	66,57		16,00	39,10	0,47	11,00			
1	Đường trục chính trung tâm thị xã Hồng Lĩnh	0,85				0,85	3,00		3,00				NQ 61 ngày 16/12/2021 HĐND tỉnh		
2	Đường Thái Kính, phường Đâu Liêu, thị xã Hồng Lĩnh	0,20				0,20	2,50			2,50			NQ 61 ngày 16/12/2021 HĐND tỉnh		
3	Mở rộng đường đi chùa Hang	1,70		1,60		0,10	11,00					11,00	NQ 61 ngày 16/12/2021 HĐND tỉnh		
4	Nâng cấp tuyến đường Nguyễn Du, phường Đức Thuận	0,65				0,65	3,00		3,00				NQ 61 ngày 16/12/2021 HĐND tỉnh		
5	Tuyến đường Ngô Đức Kế kéo dài (Đoạn từ cầu ông Đạt đến đường Phan Hưng Tạo)	1,42	1,12			0,30	6,00			6,00			NQ 61 ngày 16/12/2021 HĐND tỉnh		

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã...)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
6	Chỉnh trang đô thị các tuyến đường giao thông nội phường Đức Thuận	0,10				0,10	TDP Thuận Hồng, TDP Thuận Minh, TDP Thuận Hòa, TDP Thuận An, TDP Thuận Tiến, phường Đức Thuận	1,57			1,10	0,47		NQ 61 ngày 16/12/2021 HĐND tỉnh	
7	Đường Nguyễn Thiếp	5,60	3,00			2,60	xã Thuận Lộc; Ph. Nam Hồng	11,00			11,00			NQ 61 ngày 16/12/2021 HĐND tỉnh	
8	Đường vành đai TX Hồng Lĩnh Hà Tĩnh (Đoạn QL 8 - Tiên Sơn) giai đoạn 1	0,50	0,50				Ph. Trung Lương, Ph. Đức Thuận	15,00			15,00			NQ 61 ngày 16/12/2021 HĐND tỉnh	
9	Xây dựng các tuyến đường chỉnh trang đô thị	1,05				1,05	Phường Đức Thuận, Trung Lương, Nam Hồng, Bắc Hồng, Đậu Liêu	0,50			0,50			NQ 61 ngày 16/12/2021 HĐND tỉnh	
10	Nâng cấp, mở rộng đường Cao Thắng	0,11				0,11	Phường Bắc Hồng	0,50			0,50			NQ 61 ngày 16/12/2021 HĐND tỉnh	
11	Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Văn Giai; Hoàng Xuân Hãn	0,21				0,21	Phường Bắc Hồng	0,50			0,50			NQ 61 ngày 16/12/2021 HĐND tỉnh	
12	Nâng cấp, mở rộng đường Lê Hữu Trác	0,04				0,04	Phường Bắc Hồng	0,20			0,20			NQ 61 ngày 16/12/2021 HĐND tỉnh	
13	Nâng cấp, mở rộng ngõ 05 đường Suối Tiên	0,03				0,03	Phường Bắc Hồng	0,20			0,20			NQ 61 ngày 16/12/2021 HĐND tỉnh	
14	Đường trục chính trung tâm thị xã Hồng Lĩnh đoạn từ QL8A đến đường Nguyễn Thiếp, chiều dài tuyến 1,5km	4,05	2,86			1,19	Phường Bắc Hồng, Nam Hồng	10,00		10,00				NQ 61 ngày 16/12/2021 HĐND tỉnh	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã...)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
15	Nâng cấp mở rộng chính trang đô thị TDP Ngọc Sơn (2 tuyến)	0,30				0,30	Phường Đức Thuận	0,90			0,90			NQ 61 ngày 16/12/2021 HĐND tỉnh	
16	Các công trình chính trang đô thị trên địa bàn phường Đậu Liêu	0,20	0,20				TDP 3,4,5,6,7, Phường Đậu Liêu	0,50			0,50			NQ 61 ngày 16/12/2021 HĐND tỉnh	
17	Xây dựng đường giao thông chính trang đô thị ngõ 59, đường Trần Phú, TDP 2	0,05				0,05	TDP 2, phường Nam Hồng	0,20			0,20			NQ 83 ngày 15/7/2022 HĐND tỉnh	
2.2	Đất thủy lợi	1,95				1,95		5,00			5,00				
1	Kè khe Bình Lạng	0,95				0,95	Phường Bắc Hồng	4,00			4,00			NQ 61 ngày 16/12/2021 HĐND tỉnh	
2	Dự án sửa chữa nâng cao an toàn đập khu vực Hồ Đá Bạc (WB8)	1,00				1,00	Phường Đậu Liêu	1,00			1,00			NQ 61 ngày 16/12/2021 HĐND tỉnh	
2.3	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	2,10	1,30			0,80		4,00			4,00				
1	Mở rộng xây dựng trường liên cấp 1-2 phường Đức Thuận.	0,90	0,30			0,60	Đức Thuận	1,00			1,00			NQ 61 ngày 16/12/2021 HĐND tỉnh	
2	Mở rộng khuôn viên trường Mầm non, THCS và THCS	1,20	1,00			0,20	Phường Trung Lương	3,00			3,00			NQ 61 ngày 16/12/2021 HĐND tỉnh	
2.4	Đất thể dục thể thao	1,40	1,30			0,10		2,00			2,00				
1	Xây dựng Sân vận động trung tâm phường Trung Lương	1,40	1,30			0,10	Phường Trung Lương	2,00			2,00			NQ 61 ngày 16/12/2021 HĐND tỉnh	
2.5	Đất công trình năng lượng	2,72	0,82	1,44		0,46		10,95					10,95		
1	Dự án đường dây 110 kV Hưng Đông - Can Lộc và Hưng Đông - Linh Cảm	2,46	0,73	1,44		0,29	Phường Trung Lương, P Bắc Hồng, P. Nam Hồng, P. Đậu Liêu	10,00					10,00	NQ 61 ngày 16/12/2021 HĐND tỉnh	
2	Dự án xây dựng đường dây và trạm biến áp 110 KVA Hồng Lĩnh	0,21	0,06			0,15	Phường Nam Hồng	0,80					0,80	NQ 61 ngày 16/12/2021 HĐND tỉnh	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã...)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
3	Xây dựng DZ, TBA chống quá tải và giảm thất điện năng lưới điện các phường thuộc thị xã Hồng Lĩnh	0,05	0,03			0,02	Các phường, xã	0,15					0,15	NQ 61 ngày 16/12/2021 HĐND tỉnh	
2.6	Đất bưu chính viễn thông	0,55	0,16			0,39		1,50					1,50		
1	Xây dựng các trạm BTS mạng di động Vinaphone trên địa bàn thị xã Hồng Lĩnh	0,55	0,16			0,39	Phường Trung Lương, Đức Thuận, Bắc Hồng, Nam Hồng, Đậu Liêu và Xã Thuận Lộc	1,50					1,50	NQ 61 ngày 16/12/2021 HĐND tỉnh	
2.7	Đất tôn giáo	17,26		11,89		5,37		2,00		2,00					
1	Mở rộng Di tích lịch sử - văn hóa chùa Long Đàm	4,30		2,50		1,80	Phường Đức Thuận	0,50		0,50				NQ 61 ngày 16/12/2021 HĐND tỉnh	
2	Mở rộng khu di tích lịch sử chùa Đại Hùng	12,96		9,39		3,57	TDP 7, Phường Đậu Liêu	1,50		1,50				NQ 61 ngày 16/12/2021 HĐND tỉnh	
2.8	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	26,62	3,45	2,00		21,17		10,30			0,30		10,00		
1	Nghĩa trang Vĩnh Hằng	24,62	1,45	2,00		21,17	TDP8 - Phường Đậu Liêu	10,00					10,00	NQ 61 ngày 16/12/2021 HĐND tỉnh	
2	Nghĩa trang Bà Đại	2,00	2,00				TDP Thuận An, phường Đức Thuận	0,30			0,30			NQ 61 ngày 16/12/2021 HĐND tỉnh	
III	Đất sinh hoạt cộng đồng	0,11	0,11					0,60			0,60				
1	Quy hoạch NVH TDP Phúc Sơn	0,11	0,11				Phường Trung Lương	0,60			0,60			NQ 61 ngày 16/12/2021 HĐND tỉnh	
IV	Đất ở tại nông thôn	6,87	6,61			0,26		9,70			9,19	0,51			
1	Khu dân cư thôn Hồng Nguyệt	0,90	0,90				Thôn Hồng Nguyệt, xã Thuận Lộc	1,70			1,19	0,51		NQ 61 ngày 16/12/2021 HĐND tỉnh	
2	Điều chỉnh khu dân cư Nền Tế	3,00	3,00				Xã Thuận Lộc	4,00			4,00			NQ 61 ngày 16/12/2021 HĐND tỉnh	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã...)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
3	Khu dân cư Mù Tý, thôn Đồi Cao	2,97	2,71			0,26	Xã Thuận Lộc	4,00			4,00			NQ 71 ngày 29/4/2022 HĐND tỉnh	
V	Đất ở tại đô thị	29,54	17,78			11,76		60,28			60,28				
1	Đất ở phía Bắc đường Ngô Đức Kế (Đồng Vòng)	1,22	1,22				Phường Bắc Hồng	2,20			2,20			NQ 61 ngày 16/12/2021 HĐND tỉnh	
2	Khu dân cư TDP 6 P. Đâu Liêu	0,98	0,98				TDP 5, 6 P. Đâu Liêu	2,00			2,00			NQ 61 ngày 16/12/2021 HĐND tỉnh	
3	Khu dân cư mới TDP Thuận Tiến - Thuận An	0,05				0,05	Ph. Đức Thuận	3,50			3,50			NQ 61 ngày 16/12/2021 HĐND tỉnh	
4	Đất ở phía Tây khu TTHC Phường (mới) đồng Nhà Mưa, đồng Đưng	2,53	2,53				TDP 6, Phường Nam Hồng	4,00			4,00			NQ 61 ngày 16/12/2021 HĐND tỉnh	
5	Khu dân cư TDP Thuận Minh, Thuận Hồng	4,50				4,50	TDP Thuận Minh, Thuận Hồng P Đức Thuận	11,68			11,68			NQ 61 ngày 16/12/2021 HĐND tỉnh	
6	Xen dầm khu dân cư Dăm Quan, phường Trung Lương (giai đoạn 2)	4,89	4,46			0,43	TDP Tiên Sơn, P Trung Lương	10,90			10,90			NQ 61 ngày 16/12/2021 HĐND tỉnh	
7	QH khu dân cư phía Đông đường Thống Nhất	4,70	4,62			0,08	Ph. Đức Thuận	9,00			9,00			NQ 61 ngày 16/12/2021 HĐND tỉnh	
8	QH khu dân cư phía Đông Bệnh viện	4,46	1,71			2,75	Ph. Đức Thuận	9,00			9,00			NQ 61 ngày 16/12/2021 HĐND tỉnh	
9	QH khu dân cư tổ 2 phường Bắc Hồng	2,00				2,00	Phường Bắc Hồng	2,00			2,00			NQ 61 ngày 16/12/2021 HĐND tỉnh	
10	Khu dân cư TDP 3, phường Đâu Liêu (Giai đoạn 2)	2,26	2,26				Phường Đâu Liêu	4,00			4,00			NQ 61 ngày 16/12/2021 HĐND tỉnh	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
11	Xen dầm đất ở tại TDP Thuận Tiến, Thuận An, Ngọc Sơn, Thuận Hoà, phường Đức Thuận	1,95				1,95	Phường Đức Thuận	2,00			2,00			NQ 61 ngày 16/12/2021 HĐND tỉnh	
VI	Đất tín ngưỡng	1,30				1,30		1,00			1,00				
1	Mở rộng Đền Bùi Cầm Hổ	1,30				1,30	TDP 4, Phường Đậu Liêu	1,00			1,00			NQ 61 ngày 16/12/2021 HĐND tỉnh	
49	TỔNG B: 49 Danh mục	197,72	53,85	16,93		126,94		275,90		23,00	116,47	0,98	135,45		
61	TỔNG A + B: 61 Danh mục	218,71	67,22	16,93		134,56		301,10	5,50	23,00	134,97	2,18	135,45		

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

**PHỤ LỤC 1.3. TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CÀN THU HỒI ĐẤT NĂM 2023
CỦA THỊ XÃ KỲ ANH**

(Kèm theo Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
(1)	(2)	(3)=(4)+(5) +(6)+(7)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(10)+.. ..+(14)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
A. Công trình, dự án thu hồi đất đề xuất mới trong năm 2023															
I	Đất giao thông	3,21				3,21		3,96		3,72	0,20	0,04			
1	Đường từ Quốc lộ 12C đi Khu liên hợp gang thép Formosa Hà Tĩnh (bổ sung)	3,10				3,10	P. Kỳ Thịnh, P. Kỳ Long	3,92		3,72	0,20			Nghị quyết số 74/HĐND ngày 23/6/2022 của HĐND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư một số dự án thuộc chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội	
2	Nâng cấp đường Lý Tự Trọng (Giai đoạn 2)	0,06				0,06	P. Hưng Trí	0,01				0,01		Quyết định số 39/QĐ-UBND ngày 07/01/2022 của UBND thị xã Kỳ Anh V/v phân bổ nguồn vốn bổ sung mục tiêu ngân sách tỉnh hỗ trợ năm 2022	
3	Nâng cấp đường Nguyễn Biểu giai đoạn 2 (Kỳ Trinh)	0,05				0,05	P. Kỳ Trinh	0,03				0,03		Quyết định số 39/QĐ-UBND ngày 07/01/2022 của UBND thị xã Kỳ Anh V/v phân bổ nguồn vốn bổ sung mục tiêu ngân sách tỉnh hỗ trợ năm 2022	
II	Đất thủy lợi	3,90				3,90		0,34			0,10	0,24			
1	Kè biển dọc theo khu tái định cư thôn Minh Huệ	3,00				3,00	X. Kỳ Nam	0,24					0,24	Văn bản số 2563/SKHĐT-TĐGSĐT ₃ ngày 15/9/202 của Sở KHĐT về chủ trương đầu tư xây dựng kè biển dọc theo khu tái định cư thôn Minh Huệ, xã Kỳ Nam	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
2	Cải tạo tuyến kênh thoát nước ở phía hạ lưu hồ Thủy Sơn	0,90				0,90	P. Hưng Trí	0,10			0,10			Văn bản số 2481/UBND-TCKH ngày 14/11/2022 của UBND thị xã Kỳ Anh V/v triển khai dự án Cải tạo tuyến kênh thoát nước ở phía hạ lưu hồ Thủy Sơn	
III	Đất năng lượng	10,66	0,30	7,40		2,96		0,84					0,84		
1	Dự án xuất tuyến 110kv sau TBA 220kv Vũng Áng	2,66	0,30			2,36	P. Kỳ Trinh, P. Kỳ Thịnh	0,20					0,20	Văn bản số 9078/CPMB-PĐBN Ngày 26/10/2022 của Ban QLDA các công trình điện Miền Trung về việc xây dựng dự án TBA 220v Vũng Áng và đấu nối trên địa bàn thị xã Kỳ Anh	
2	Dự án Tổng kho xăng dầu Phúc Lâm	2,00		2,00			X. Kỳ Lợi	0,16					0,16	VB số 5443/UBND-GT ngày 14/8/2020 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương nghiên cứu khảo sát đầu tư dự án Tổng kho xăng dầu Phúc Lâm Petro Hà Tĩnh	
3	Dự án Tổng kho xăng dầu Giang Nam	6,00		5,40		0,60	X. Kỳ Lợi	0,48					0,48	VB số 5443/UBND-GT ngày 14/8/2020 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương nghiên cứu khảo sát đầu tư dự án Tổng kho xăng dầu Phúc Lâm Petro Hà Tĩnh	
IV	Đất ở nông thôn	239,54				239,54		19,10	16,80				2,30		
1	Quy hoạch chi tiết xây dựng khu đô thị nghỉ dưỡng tại xã Kỳ Ninh	28,76				28,76	X. Kỳ Ninh	2,30					2,30	VB số 8274/UBND-XD ₁ của UBND tỉnh về việc lập quy hoạch khu đô thị nghỉ dưỡng tại xã Kỳ Ninh	
2	Di dời tái định cư các hộ dân thôn Hải Phong 1 và thôn Hải Phong 2	210,78				210,78	X. Kỳ Lợi	16,80	16,80					Quyết định số 2333/QĐ-UBND ngày 14/11/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án di dời các hộ dân thôn Hải Phong 1 và thôn Hải Phong 2 xã Kỳ Lợi	
V	Đất ở đô thị	273,10	8,70			264,40		27,15					27,15		

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
1	Tái định cư xã Kỳ Lợi (Hải Thanh) tại p.Hung Trí	35,00				35,00	P. Hưng Trí, P. Kỳ Lợi	0,44			0,44			Văn bản số 5219/UBND-KT ₁ ngày 11/8/2021 của UBND tỉnh V/v khảo sát lập quy hoạch chi tiết xây dựng các khu tái định cư trên địa bàn thị xã Kỳ Anh	
2	Quy hoạch khu dân cư Nam Phong	3,90				3,90	Phường Kỳ Thịnh	0,30			0,30			Văn bản số 8274/UBND-XD ₁ của UBND tỉnh v/v lập quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư Nam Phong, phường Kỳ Thịnh	
3	Khu tái định cư phục vụ dự án Đường trục chính trung tâm nối QL1 đoạn tránh thị xã Kỳ Anh đến cụm cảng nước sâu Vũng Áng, tỷ lệ 1/500 tại phường Kỳ Trinh	3,10				3,10	P. Kỳ Trinh	0,25			0,25			Văn bản số 6064/UBND-GT ₁ ngày 25/10/2022 của UBND tỉnh V/v khảo sát lập quy hoạch xây dựng các khu tái định cư phục vụ dự án Đường trục chính trung tâm nối Quốc lộ 1 đoạn tránh thị xã Kỳ Anh đến cụm cảng nước sâu Vũng Áng - Sơn Dương	
4	Khu tái định cư phục vụ dự án Đường trục chính trung tâm nối QL1 đoạn tránh thị xã Kỳ Anh đến cụm cảng nước sâu Vũng Áng, tỷ lệ 1/500 tại phường Kỳ Thịnh	13,90				13,90	P. Kỳ Thịnh	1,20			1,20			Văn bản số 6064/UBND-GT ₁ ngày 25/10/2022 của UBND tỉnh V/v khảo sát lập quy hoạch xây dựng các khu tái định cư phục vụ dự án Đường trục chính trung tâm nối Quốc lộ 1 đoạn tránh thị xã Kỳ Anh đến cụm cảng nước sâu Vũng Áng - Sơn Dương	
5	Khu đô thị xung quanh hồ Mộc Hương, phường Kỳ Trinh	207,00				207,00	P. Kỳ Trinh	16,56			16,56			Văn bản số 4513/UBND-XD ₁ ngày 16/8/2022 của UBND tỉnh V/v lập quy hoạch xây dựng chi tiết xung quanh hồ Mộc Hương, phường Kỳ Trinh	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
6	Khu dân cư đô thị tại xã Kỳ Hoa và phường Hưng Trí	8,70	8,70				P. Hưng Trí, X Kỳ Hoa	7,00			7,00			Văn bản số 409/ UBND-XD ₁ của UBND tỉnh V/v lập quy hoạch khu tái định cư tại xã Kỳ Hoa và phường Hưng Trí	
7	Quy hoạch phân lô đất ở Cầu Bàu xã Kỳ Hưng	1,50			1,50		P. Hưng Trí	1,40			1,40			QĐ số 3735/QĐ-UBND ngày 25/9/2017 V/v phê duyệt Quy hoạch phân lô ở Cầu Bàu xã Kỳ Hưng, tỷ lệ 1/500	
VI	Đất cơ sở văn hoá	2,30			2,30			0,18				0,18			
1	Quy hoạch tổng mặt bằng nhà văn hóa tổ dân phố Tân Phong, phường Kỳ Thịnh, thị xã Kỳ Anh	2,30			2,30		P. Kỳ Thịnh	0,18				0,18		Văn bản số 837/UBND-QLĐT ngày 04/5/2022 của UBND thị xã Kỳ Anh V/v giới thiệu địa điểm, cho phép khảo sát lập quy hoạch xây dựng nhà văn hoá các tổ dân phố Tân Phong và Nam Phong phường Kỳ Trinh	
VII	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	0,30			0,30			0,02				0,02			
1	Mở rộng nghĩa trang xã Kỳ Nam	0,30			0,30		X. Kỳ Nam	0,02				0,02		VB số 2552/ UBND-XD ₁ Ngày 20/5/2022 của UBND tỉnh Vv lập quy hoạch mở rộng nghĩa trang xã Kỳ Nam	
VIII	Đất khu công nghiệp	16,00	2,20		13,80			1,28					1,28		
1	Dự án Nhà máy sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn công nghệ cao (chuyển đổi vị trí)	16,00	2,20		13,80		P. Kỳ Trinh	1,28					1,28	QĐ số 103/QĐ-KKT ngày 17/7/2021 của Ban QLKKT tỉnh V/v phê duyệt đề án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng nhà máy sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn công nghệ cao tỷ lệ 1/500	
20	Tổng A: 20 Danh mục	549,01	11,20	7,40	530,41			52,87	16,80	3,72	29,75	0,24	2,36		
B. Công trình, dự án cần thu hồi đất đã được HĐND tỉnh thông qua tại các Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021, Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29/4/2022, Nghị quyết số 83/NQ-															
I	Đất cơ sở văn hoá	1,60			1,60			1,60			1,60				
1	Trung tâm Văn hóa thể thao thị xã (phần mở rộng)	1,60			1,60		P. Hưng Trí	1,60			1,60			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
II	Đất giao thông	302,07	79,90	13,68	208,49			287,29	150,08	97,71	36,68	2,82			
1	Đường từ Quốc lộ 12C đi Khu liên hợp gang thép Formosa, tỉnh Hà Tĩnh	25,90	24,60		1,30		P. Kỳ Thịnh, P. Kỳ Long	1,56		1,56				Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
2	Đường trục dọc Khu đô thị trung tâm thị xã Kỳ Anh	6,50	6,00			0,50	P. Hưng Trí và P. Kỳ Trinh	0,60		0,60				Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
3	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường nối từ đường Nguyễn Huy Oánh đi đường Phạm Tiêm	0,60	0,40			0,20	P. Hưng Trí	0,24		0,24				Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
4	Tuyến đường trục chính khu vực khu công nghiệp, dịch vụ phụ trợ phía Tây Nam đường tránh Quốc lộ 1, Khu kinh tế Vũng Áng	3,14				3,14	P. Kỳ Trinh	3,77		3,77				Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
5	Hạ tầng giao thông phía Tây Khu công nghiệp đa ngành, Khu kinh tế Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh	11,37	0,50			10,87	P. Kỳ Trinh	13,04		13,04				Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
6	Dự án đường trục chính trung tâm nối Quốc lộ 1B đến cụm Cảng nước sâu Sơn Dương tỉnh Hà Tĩnh (bổ sung)	24,85	24,85				P. Kỳ Trinh, P. Kỳ Long, P. Kỳ Lợi	31,00			31,00			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
7	Cảng cá Cửa Khẩu	25,00				25,00	X. Kỳ Ninh	17,50		17,50				Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
8	Dự án đường trục chính trung tâm nối Quốc lộ 1B đến cụm Cảng nước sâu Sơn Dương tỉnh Hà Tĩnh	24,29	18,79			5,50	P. Kỳ Thịnh	41,83	41,83					Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
9	Dự án đường vành đai phía Nam Khu kinh tế Vũng Áng	31,98				31,98	P. Kỳ Thịnh, P. Kỳ Long, P. Kỳ Liên	38,11	38,11					Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
10	Dự án đường từ công viên Hồ Mộc Hương đi khu sản xuất chăn nuôi Mũi Động, phường Kỳ Trinh (đài 1,4km, rộng 10m)	0,70				0,70	P. Kỳ Trinh	0,57			0,57			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
11	Dự án đường từ Khu công nghiệp đa ngành đi khu công nghệ cao Khu kinh tế Vũng Áng	33,83	3,47			30,36	P. Kỳ Trinh	50,95	50,95					Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
12	Dự án xây dựng hạ tầng Khu tái định cư xã Kỳ Lợi giai đoạn 2 (diện tích QH 7,93ha)	1,20				1,20	P. Kỳ Trinh, P. Hưng Trí	0,64			0,64			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
13	Dự án khu dịch vụ hậu cảng và Đầu mối Logistic của QH chi tiết bến cảng Vũng Áng - Sơn Dương	0,20				0,20	X. Kỳ Lợi	1,60	1,60					Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
14	Dự án kỹ thuật khu vực hậu cảng Vũng Áng (giai đoạn 1)	28,65	1,29			27,36	X. Kỳ Lợi	17,07	17,07					Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
15	Dự án mở rộng đường trục ngang KĐT Trung tâm - KĐT du lịch Kỳ Ninh giai đoạn 1 (thuộc quy hoạch đường 62m)	0,25				0,25	X. Kỳ Ninh	0,32			0,32			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
16	Dự án đường trục trung tâm đi quảng trường khu du lịch biển Kỳ Ninh	0,75				0,75	X. Kỳ Ninh	0,91			0,91			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
17	Cảng cá Cửa khẩu Kỳ Ninh	25,00		5,00		20,00	X. Kỳ Ninh	0,52	0,52					Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
18	Mở rộng đường giao thông nông thôn thôn Bắc Hà	0,14				0,14	Thôn Bắc Hà, xã Kỳ Hà	2,10				2,10		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
19	Mở rộng các tuyến đường giao thông nông thôn	0,60				0,60	X. Kỳ Ninh	0,72				0,72		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
20	Kè, vỉa hè, đường du lịch ven biển Kỳ Ninh	2,70		2,00		0,70	Thôn Tiên Thắng, Hải Hà, X. Kỳ Ninh	3,24			3,24			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
21	Dự án đường trục chính Trung tâm nối Quốc lộ 1 đoạn tránh thị xã Kỳ Anh đến cụm Cảng nước sâu Vũng Áng - Sơn Dương, tỉnh Hà Tĩnh (phần diện tích bổ sung)	42,40		6,68		35,72	Các xã, phường: Kỳ Lợi, Kỳ Thịnh, Kỳ Long	50,00		50,00				Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022	
22	Dự án đường Vành đai phía Nam Khu kinh tế Vũng Áng (phần diện tích bổ sung)	8,02				8,02	Các phường: Kỳ Trinh, Kỳ Thịnh, Kỳ Long, Kỳ Liên	6,00		6,00				Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022	
23	Đất khu bến thủy đội cảng, giao thông và Cây xanh tại cảng Vũng Áng	4,00				4,00	X. Kỳ Lợi	5,00		5,00				Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022	
III	Đất thủy lợi	93,98	40,61	4,00		49,37		98,66	75,00	13,39	10,27				

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú	
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp			
1	Dự án hệ thống kênh tách nước phân lũ cho các xã phía nam huyện Kỳ Anh (giai đoạn 2 và 3 từ cầu Tây Yên - Hoà Lộc) (bổ sung)	71,18	38,70			32,48	P. Kỳ Thịnh, P. Kỳ Trinh	75,00	75,00						Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
2	Cải tạo tuyến kênh thoát nước, chống ngập QL1A đoạn qua TDP. Hưng Thịnh, phường Hưng Trí	0,90	0,41			0,49	P. Hưng Trí	1,03		1,03					Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
3	Dự án xử lý sạt lở bờ biển xã Kỳ Nam	2,00				2,00	X. Kỳ Nam	0,07			0,07				Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
4	Sửa chữa, nâng cao an toàn đập Hồ Lôi Đồng	1,20				1,20	P. Kỳ Trinh	0,12		0,12					Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
5	Đê Hoàng Đình	5,00	1,50			3,50	P. Hưng Trí, P. Kỳ Trinh	6,00		6,00					Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
6	Đê ngăn mặn Eo Bù đoạn từ cầu cũ thôn Tân Thắng đến thôn Tân Thành	5,20				5,20	X. Kỳ Ninh	6,24		6,24					Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
7	Xử lý sạt lở bờ biển xã Kỳ Ninh, thị xã Kỳ Ninh	8,50		4,00		4,50	X. Kỳ Ninh	10,20			10,20				Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
IV	Đất công trình năng lượng	147,13	35,99	35,40		75,74		105,08	58,00	7,14	0,23		39,71			
1	Xây dựng đường dây 500kV Vũng Áng - Quảng Trạch, đoạn đi qua địa bàn tỉnh Hà Tĩnh (Mạch 3)	2,00	1,00	1,00			X. Kỳ Lợi, X. Kỳ Nam, P. Kỳ Trinh, P. Kỳ Thịnh, P. Kỳ Long, P. Kỳ Liên, P. Kỳ Phương	1,20	1,20						Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
2	Thu hồi đất, bồi thường đất trong hành lang đường dây 500kV Quảng Trạch - Vũng Áng đoạn qua Tô dân phố Tây Yên và Yên Thịnh	2,30				2,30	P. Kỳ Thịnh	1,38		1,38					Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
3	Trạm biến áp 220kV Vũng Áng và đầu nối	9,60	0,20	4,98		4,42	P. Kỳ Thịnh, P. Kỳ Trinh, xã Kỳ Lợi	5,76		5,76					Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
4	Dự án cải tạo mạch vòng 35KV giữa TBA 110KV Kỳ Anh và 1BA 110KV Cẩm Xuyên	0,01				0,01	P. Hưng Trí	0,01			0,01				Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
5	Dự án xây dựng đường dây, TBA chống quá tải và giảm tổn thất điện năng lưới điện các địa phương	0,05				0,05	P. Kỳ Long, X. Kỳ Hoa, P. Hưng Trí	0,06					0,06	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
6	Dự án bãi thải xỉ Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 2	49,00	29,86			19,14	P. Kỳ Trinh, xã Kỳ Lợi	52,97	52,97					Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
7	Dự án xây dựng Đường dây, trạm biến áp chống quá tải và giảm tổn thất điện năng	0,05				0,05	P. Kỳ Trinh	0,06					0,06	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
8	Dự án nâng cao độ tin cậy cung cấp điện của lưới điện trung áp 35Kv đoạn qua thị xã Kỳ Anh theo phương pháp đa chia - đa nối	0,04	0,04				P. Kỳ Trinh, P. Hưng Trí, X. Kỳ Hà	0,05				0,05		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
9	Dự án xây dựng ĐZ, TBA nâng cao chất lượng điện năng tại phường Kỳ Trinh, Kỳ Thịnh	0,04	0,03			0,01	P. Kỳ Trinh, P. Kỳ Thịnh	0,05				0,05		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
10	Dự án Trang trại phong điện HBRE Hà Tĩnh	28,73		17,73		11,00	P. Kỳ Trinh, P. Kỳ Thịnh, P. Kỳ Long, P. Kỳ Liên, P. Kỳ Phương	3,69					3,69	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
11	Dự án đường dây 500kV Vũng Áng - rẽ Hà Tĩnh - Đà Nẵng	3,30	0,87			2,43	X. Kỳ Hoa, P. Hưng Trí, P. Kỳ Trinh, X. Kỳ Lợi	2,90					2,90	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
12	Dự án tuyến ống thải tro xỉ dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 2 của Công ty Cổ phần nhiệt điện Vũng Áng 2	5,40		1,84		3,56	X. Kỳ Lợi	3,83	3,83					Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
13	Dự án đường dây 110kV và Trạm biến áp 110kV dự án Trang trại Phong điện HBRE Hà Tĩnh	1,60				1,60	P. Kỳ Long, P. Kỳ Thịnh, P. Kỳ Trinh	1,00					1,00	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
14	Xây dựng mạch vòng 22kV giữa trạm biến áp 110kV Vũng Áng (E18,5) và TBA 110kV Kỳ Anh (E18,3), nâng cấp độ tin cậy cung cấp điện theo phương án đa chia đa nối khu vực thị xã Kỳ Anh	0,06	0,05			0,01	Phường Kỳ Trinh, Kỳ Thịnh, Kỳ Hưng	0,20					0,20	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
15	Xây dựng xuất tuyến 35kV trạm E18,5 cấp điện KCN Phú Vinh và các KCN phụ trợ lân cận thuộc KKT Vũng Áng, thị xã Kỳ Anh	0,05				0,05	Phường Kỳ Trinh, Kỳ Thịnh, Kỳ Long, Kỳ Liên	0,60					0,60	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
16	Nhà máy điện gió Kỳ Nam	17,50	3,20			14,30	X Kỳ Nam	21,00					21,00	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
17	Tuyến điện chiếu sáng đường Nguyễn Thị Bích Châu đoạn từ Kho bạc Nhà nước thị xã Kỳ Anh đi đê Kỳ Ninh	0,05				0,05	P. Kỳ Trinh, X. Kỳ Hà	0,06			0,06			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
18	Xây dựng Đường dây 22kV cấp điện cho khu CN phụ trợ tại khu vực cạnh Hồ Mộc Hương- TX Kỳ Anh	0,05				0,05	X, Kỳ Hoa, P. Hưng Trí, P. Kỳ Trinh	0,06			0,06			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
19	Dự án xây dựng Đường dây 500kV Vũng Áng - Quảng Trạch, đoạn đi qua địa bàn tỉnh Hà Tĩnh (Mạch 3)	10,27	0,41	6,85		3,01	Toàn thị xã							Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
20	Bãi chứa vật tư bổ sung phục vụ thi công Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng II	17,00	0,30	3,00		13,70	Thôn Hải Phong, X. Kỳ Lợi	10,20					10,20	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
21	Dự án cấp điện nhà máy sản xuất pin - Công ty CP giải pháp năng lượng Vines - thuộc tập đoàn Vingroup	0,03	0,03				P. Kỳ Thịnh, P. Kỳ Long							Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022	
V	Đất bãi thải, xử lý chất thải	38,59				38,59		8,32		8,20		0,12			
1	Điểm trung chuyển rác	0,09				0,09	X. Kỳ Nam	0,12					0,12	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
2	Bãi thải phục vụ cao tốc Bắc - Nam	17,70				17,70	P. Hưng Trí							Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29/4/2022	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú	
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp			
3	Bãi đổ thải thuộc dự án Đường trục chính Trung tâm nội Quốc lộ 1 đoạn tránh thị xã Kỳ Anh đến cụm Cảng nước sâu Vũng Áng - Sơn Dương, tỉnh Hà Tĩnh	18,00				18,00	P. Kỳ Trinh	8,00		8,00					Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022	
4	Dự án Hệ thống thu gom xử lý nước thải KKT Vũng Áng (giai đoạn 1)	2,80				2,80	P. Kỳ Phương, X. Kỳ Nam, P. Kỳ Thịnh	0,20		0,20					Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
VI	Đất ở nông thôn	77,67	35,26	1,50		40,91		122,62		103,00	2,55	16,12	0,95			
1	Đất ở nông thôn	0,62				0,62	Thôn Bắc Hà, X. Kỳ Hà	0,05				0,05			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
2	Đất ở nông thôn	0,41	0,41				Thôn Hải Hà, X. Kỳ Hà	0,50				0,50			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
3	Khu dân cư Bàu Đá (Diện tích quy hoạch khu 6,50 ha)	0,79	0,79				Vùng Đồng Lám, Bàu Đá, X. Kỳ Hoa	0,96				0,96			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
4	Khu DV tổng hợp và dân cư Hoa Trung của CT TNHH Hùng Cường	0,78	0,78				Thôn Hoa Trung, X. Kỳ Hoa	0,95					0,95		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
5	Khu dân cư Mang Tang (giai đoạn 2)	0,30	0,30				Vùng Mang Tang, thôn Quý Huệ, X. Kỳ Nam	0,36			0,36				Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
6	Đất ở nông thôn (xen dăm)	0,25	0,04			0,21	Thôn Quý Huệ X. Kỳ Nam	0,30				0,30			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
7	Đất ở nông thôn	1,00				1,00	Thôn Tân Thành, X. Kỳ Nam	1,33				1,33			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
8	Đất ở nông thôn	0,11	0,11				Thôn Tân Thắng, X. Kỳ Ninh	0,13				0,13			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
9	Khu dân cư Tân Thắng (giai đoạn 2)	1,80				1,80	X. Kỳ Ninh	2,19			2,19				Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
10	Đất ở nông thôn	0,03				0,03	Thôn Tiên Thắng, X. Kỳ Ninh	0,04				0,04			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
11	Đất ở nông thôn	0,24				0,24	Thôn Tân Tiến, X. Kỳ Ninh	0,29				0,29		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
12	Đất ở nông thôn	0,06				0,06	Thôn Bàn Hải, X. Kỳ Ninh	0,04				0,04		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
13	Đất ở nông thôn (xen dăm)	0,80				0,80	Toàn xã, X. Kỳ Ninh	0,97				0,97		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
14	Đất ở nông thôn	1,50		1,50			Thôn Tam Hải 2, X. Kỳ Ninh	0,16				0,16		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
15	Tái định cư xã Kỳ Ninh	45,80	25,60			20,20	X. Kỳ Ninh	82,00		82,00				Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
16	Tái định cư xã Kỳ Nam	11,00				11,00	X. Kỳ Nam	19,00		19,00				Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
17	Quy hoạch đất ở thôn Nam Hà	0,45				0,45	Thôn Nam Hà, xã Kỳ Hà	0,54				0,54		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
18	Quy hoạch đất ở thôn Bắc Hà	0,80				0,80	Thôn Bắc Hà, xã Kỳ Hà	0,97				0,97		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
19	Khu tái định cư xã Kỳ Nam	7,23	7,23				Thôn Tân Tiến xã Kỳ Nam	9,04				9,04		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
20	Đất ở nông thôn	0,70				0,70	Thôn Nam Hà, Đông Hà, Bắc Hà, X. Kỳ Hà	0,80				0,80		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
21	Khu tái định cư Dự án xây dựng đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông	3,00				3,00	Xã Kỳ Hoa	2,00		2,00				Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29/4/2022	
VII	Đất ở đô thị	345,60	11,05			334,55		471,82		425,52	22,98	15,32	8,00		
1	TĐC cho các hộ dân thôn Hải Phong 1, thôn Hải Phong 2 xã Kỳ Lợi tại P. Kỳ Trinh	0,17				0,17	P. Kỳ Trinh	0,20		0,20				Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
2	Tái định cư Kỳ Lợi tại phường Kỳ Trinh (bổ sung)	40,74				40,74	P. Kỳ Trinh	48,89		48,89				Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
3	Tái định cư Kỳ Thịnh (bổ sung)	178,69				178,69	P. Kỳ Thịnh	214,43		214,43				Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
4	Khu dân cư TDP Nam Phong	2,00				2,00	TDP Nam Phong, P.Kỳ Thịnh	2,42				2,42		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
5	Phân lô đất ở TDP Hưng Nhân	0,90	0,90				P. Hưng Trí	1,08			1,08			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
6	Khu dân cư đô thị tại tổ dân phố 2	6,44	6,44				P. Hưng Trí	8,00				8,00		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
7	Đất ở (tại khu đất thu hồi của Hợp tác xã Môi trường Kỹ Phương)	0,04				0,04	P. Kỳ Phương	0,50			0,50			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
8	Khu dân cư Cánh Buồm (Đất ở 5,85 ha; Đất hạ tầng 2,51 ha)	1,85	0,46			1,39	Cánh Buồm, Khu phố 3, P. Hưng Trí	21,21			21,21			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
9	Đất ở đô thị	0,71				0,71	Bàu Đá, Tổ dân phố 1, P. Hưng Trí	0,70				0,70		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
10	Khu dân cư Nam bờ Hưng Trí (Đất ở 3,30 ha; Đất hạ tầng 1,41 ha)	0,80				0,80	Nam bờ Hưng Trí, TDP Hưng Nhân, P. Hưng Trí	0,80				0,80		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
11	Đất ở đô thị (xen dầm)	0,60				0,60	Toàn phường, P. Hưng Trí	0,78				0,78		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
12	Đất ở đô thị (xen dầm)	0,20				0,20	Toàn phường, P. Kỳ Trinh	0,24				0,24		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
13	TĐC cho các hộ dân thôn Hải Phong 1, thôn Hải Phong 2 xã Kỳ Lợi tại P. Kỳ Trinh	2,00				2,00	P. Kỳ Trinh	0,19			0,19			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
14	Tái định cư Kỳ Lợi tại phường Kỳ Trinh	32,00				32,00	P. Kỳ Trinh	57,00		57,00				Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
15	Tái định cư Kỳ Thịnh	60,00				60,00	P. Kỳ Thịnh	100,00		100,00				Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
16	Khu dân cư TDP Hoành Nam	1,05				1,05	P. Kỳ Liên	1,26				1,26		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
17	Đất ở đô thị	1,00	1,00				Rộc Phù, KP Trung Lượng, P. Hưng Trí	1,20				1,20		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
18	Đất ở đô thị	0,25				0,25	TDP Nhân Thắng 1, P. Kỳ Phương	0,30				0,30		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
19	Khu dân cư TDP Nam Phong (QH rộng 2 ha)	1,01				1,01	P. Kỳ Thịnh	1,21				1,21		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
20	Đất ở đô thị	0,25	0,25				TDP Hoà Lộc, P. Kỳ Trinh	0,30				0,30		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
21	Đất ở đô thị	2,00	2,00				Đường Trục Ngang, TDP Đông Trinh, P. Kỳ Trinh	2,40				2,40		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
22	Khu dân cư (cồn ông Lồng)	1,00				1,00	TDP Hoà Lộc, P. Kỳ Trinh	1,20				1,20		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
23	Đất ở đô thị	0,50				0,50	TDP Hoàng Trinh, P. Kỳ Trinh	0,60				0,60		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
24	Đất ở đô thị	0,18				0,18	TDP Tây Trinh, P. Kỳ Trinh	0,22				0,22		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
25	Đất ở đô thị	0,99				0,99	TDP Quyền Thượng, P. Kỳ Trinh	1,19				1,19		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
26	Tái định cư tại phường Kỳ Thịnh phục vụ dự án Đường trục chính Trung tâm nổi Quốc lộ 1 đoạn tránh thị xã Kỳ Anh đến cụm Cảng nước sâu Vũng Áng - Sơn Dương	10,00				10,00	P. Kỳ Thịnh	5,00		5,00				Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022	
27	Quy hoạch phân lô đất ở	0,23				0,23	P. Hưng Trí	0,50				0,50		Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022	
VIII	Đất giáo dục, đào tạo	2,30				2,30		6,00					6,00		
1	Trường mầm non King Bee	2,30				2,30	P. Kỳ Thịnh	6,00					6,00	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
IX	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	0,01		0,01				0,01	0,01						
1	Dự án XD Trạm quan trắc môi trường nước biển tự động, liên tục	0,01		0,01			khu vực Mũi Dung, X. Kỳ Lợi	0,01	0,01					Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
X	Đất cơ sở tôn giáo	6,30	0,66			5,64		7,56				7,56			
1	Dự án XD chùa Vĩnh Phúc và Trung tâm phật giáo thị xã Kỳ Anh	5,00				5,00	TDP Hồng Hải I, P. Kỳ Phương	6,00				6,00		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
2	XD trường học giáo lý và sinh hoạt cuat Giáo xứ Đồng Hoà	0,50	0,50				X. Kỳ Hà	0,60			0,60			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
3	Mở rộng khuôn viên chùa Thanh Phúc	0,80	0,16			0,64	X. Kỳ Nam	0,96			0,96			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
XI	Đất khu vui chơi giải trí	15,71		3,23		12,48		5,61			5,61				
1	Dự án Lâm viên khu đô thị Trung tâm thị xã Kỳ Anh (đôi Cúp Bắp)	12,00				12,00	P. Hưng Trí, P. Kỳ Trinh	3,36			3,36			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
2	Dự án Quảng trường khu du lịch biển Kỳ Ninh	3,44		3,23		0,21	X. Kỳ Ninh	1,93			1,93			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
3	MR Công viên Nguyễn Trọng Bình	0,27				0,27	P. Hưng Trí	0,32			0,32			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
XII	Đất cơ sở tín ngưỡng	0,36		0,21		0,15		0,13			0,13				
1	Mở rộng khuôn viên đền công chúa Liễu Hạnh	0,15				0,15	X. Kỳ Nam	0,11			0,11			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
2	Dự án Cầu và bến thả hoa đăng tại Đền thờ Chế Thắng phu nhân Nguyễn Thị Bích Châu	0,21		0,21			X. Kỳ Ninh	0,02			0,02			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
XIII	Đất cụm công nghiệp	4,50		4,50				0,47			0,47				
1	Dự án Cụm công nghiệp Kỳ Ninh	4,50		4,50			X. Kỳ Ninh	0,47			0,47			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
XIV	Đất khu công nghiệp	1438,96	895,83	20,24		522,89		4018,00					4018,00		
1	Nhà máy sản xuất ô tô và linh phụ kiện kết hợp cảng biển tại Khu kinh tế Vũng Áng	1428,51	886,38	20,24		521,89	P. Kỳ Thịnh, P. Kỳ Long, P. Kỳ Phương, X. Kỳ Lợi	4000,00					4000,00	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
	- Đất khu công nghiệp	1180,81	817,72			363,09									
	- Đất cây xanh	5,73	3,54			2,19									
	- Khu trung tâm Logistis Sơn Dương	159,84	33,69			126,15									
	- Khu bến cảng	34,00		20,24		13,76									
	- Đất giao thông	48,13	31,43			16,70									
2	Trung tâm nghiên cứu và phát triển ô tô điện Hà Tĩnh	10,45	9,45			1,00	Các xã, phường Kỳ Lợi, Kỳ Thịnh, Kỳ Long	18,00					18,00	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
XV	Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp	12,80				12,80		15,36					15,36		
1	Dự án nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh xuất khẩu của công ty TNHH Growbest	12,80				12,80	TDP Đông Yên, P. Kỳ Phương	15,36					15,36	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
XVI	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	39,87	0,55			39,32		28,38	13,80	7,00	7,58				
1	Nghĩa trang Kỳ Lợi tại Kỳ Trinh	1,20				1,20	P. Kỳ Trinh	1,44				1,44		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
2	Nghĩa Trang cho nhân dân thôn 4 Đông Yên, xã Kỳ Lợi di dời Khu tái định cư thôn Minh Huệ (Quý Huệ) xã Kỳ Nam.	5,00				5,00	Thôn Quý Huệ X. Kỳ Nam	6,00				6,00		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
3	Mở rộng nghĩa trang Kỳ Lợi tại Kỳ Trinh	2,80				2,80	P. Kỳ Trinh	0,14				0,14		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
4	QH nghĩa trang xã Kỳ Ninh	15,07	0,55			14,52	X. Kỳ Ninh	13,80	13,80					Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
5	Dự án mở rộng nghĩa trang xã Kỳ Lợi tại phường Hưng Trí, thị xã Kỳ Anh	4,00				4,00	P. Hưng Trí	1,50		1,50				Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022	
6	Dự án mở rộng nghĩa trang xã Kỳ Nam, thị xã Kỳ Anh.	11,80				11,80	X. Kỳ Nam	5,50		5,50				Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022	
XVII	Đất chợ	0,80	0,67			0,13		0,96				0,96			
1	XD Chợ Tây Yên	0,30	0,17			0,13	P. Kỳ Thịnh	0,36				0,36		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
2	XD Chợ Kỳ Trinh	0,50	0,50				TDP Quyền Thượng, P. Kỳ Trinh	0,60				0,60		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
XVIII	Đất sinh hoạt cộng đồng	0,25	0,25					0,30				0,30			
1	QH NVH thôn Hoa Sơn	0,25	0,25				Thôn Hoa Sơn, X. Kỳ Hoa	0,30				0,30		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
XIX	Đất bưu chính viễn thông	0,50				0,50		1,60				1,60			
1	Xây dựng trạm BTS thị xã Kỳ Anh	0,50				0,50	Toàn Thị xã	1,60				1,60		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
128	TỔNG B: 128 Danh mục	2.529,00	1.100,77	82,77		1.345,46		5.179,77	283,09	668,76	95,08	44,82	4.088,02		
148	TỔNG A+B: 148 Danh mục	3.078,01	1.111,97	90,17		1.875,87		5.232,64	299,89	672,48	124,83	45,06	4.090,38		

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

**PHỤ LỤC 1.4. TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẦN THU HỒI ĐẤT NĂM 2023
CỦA HUYỆN NGHI XUÂN**

(Kèm theo Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
(1)	(2)	(3)=(4)+(5) +(6)+(7)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(10)+.....+(14)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
A. Công trình, dự án thu hồi đất đề xuất mới trong năm 2023															
Tổng A: 0 Danh mục															
B. Công trình, dự án cần thu hồi đất đã được HĐND tỉnh thông qua tại các Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021, Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29/4/2022, Nghị quyết số															
I	Đất khu công nghiệp	251,69	59,80			191,89		249,92		49,92			200,00		
1	Các lô đất thuộc quy hoạch Khu công nghiệp Gia Lách	51,69	24,80			26,89	Thị trấn Xuân An, xã Xuân Viên	49,92		49,92				NQ số 61/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	
2	Mở rộng khu công nghiệp Gia Lách	200,00	35,00			165,00	Xã Xuân Viên	200,00					200	NQ số 61/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	
II	Đất cụm công nghiệp	9,68				9,68		3,00					3,00		
1	Mở rộng cụm công nghiệp Xuân Lĩnh	9,68				9,68	Xã Xuân Lĩnh	3,00					3,00	NQ số 61/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	
III	Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp	1,50	1,13			0,37		0,60					0,60		
1	Xây dựng nhà máy nước các xã Cổ Đạm, Xuân Liên, Cương Gián, huyện Nghi Xuân	1,50	1,13			0,37	Xã Cổ Đạm	0,60					0,60	NQ số 61/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	
IV	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	0,31				0,31		0,29					0,29		
1	Mở rộng trường Mầm non điểm 2	0,06				0,06	Xã Xuân Hồng	0,04					0,04	NQ số 61/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	
2	Trường mầm non xã Xuân Hải	0,25				0,25	Xã Xuân Hải	0,25					0,25	Nghị quyết số 83/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	
V	Đất thể dục thể thao	42,00	12,00			30,00		42,00					42,00		

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
1	Quy hoạch đất thể thao cây xanh	42,00	12,00			30,00	Xã Xuân Thành, xã Cổ Đạm	42,00					42,00	NQ số 61/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	
VI	Đất giao thông	5,62	2,22			3,40		3,21		0,30	1,09	1,82			
1	Xây dựng tuyến đường qua khu xử lý rác thải tại xã Xuân Thành, huyện Nghi Xuân	0,30	0,30				Xã Xuân Thành	0,30		0,30				NQ số 61/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	
2	Nâng cấp tuyến đường HL 01 (Giang- Viên- Lĩnh) đoạn qua thôn An Tiên, xã Xuân Giang	0,20				0,20	Xã Xuân Giang	0,12			0,12			NQ số 61/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	
3	Xây dựng đường giao thông xã Xuân Hải	0,30				0,30	Xã Xuân Hải	0,18			0,18			NQ số 61/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	
4	Xây dựng đường giao thông xã Xuân Liên	0,20				0,20	Xã Xuân Liên	0,12				0,12		NQ số 61/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	
5	Hạ tầng khu du lịch biển Xuân Thành	1,28	0,42			0,86	Xã Xuân Thành	0,68			0,68			NQ số 61/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	
6	Nâng cấp tuyến đường giao thông liên xã Phở - Hải - Yên	0,19				0,19	Xã Xuân Phở	0,11			0,11			NQ số 61/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	
7	Hệ thống điện và điện chiếu sáng, các ki ốt kinh doanh và hạng mục phụ trợ cho bãi đậu xe đền chợ Cùi	0,30				0,30	Xã Xuân Hồng	0,30				0,30		Nghị quyết số 83/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	
8	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông nội đồng tuyến từ cầu Cao thôn 4 đi ngã ba quán bà Viện thôn 6	1,80	1,30			0,50	Xã Xuân Hồng	0,90				0,90		Nghị quyết số 83/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	
9	Nâng cấp đường trục xã, trục thôn	1,05	0,20			0,85	Xã Xuân Hồng	0,50				0,50		Nghị quyết số 83/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	
VII	Đất thủy lợi	11,72	5,00			6,72		9,62		9,62					
1	Đê Hội Thống Giai đoạn 2	0,72				0,72	Xuân Hải, Xuân Phở	2,66		2,66				NQ số 61/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	
2	Xử lý ngập úng vùng đất sản xuất nông nghiệp KCN Gia Lách	8,00	5,00			3,00	TT Xuân An, Xã Xuân Viên	5,20		5,20				NQ số 61/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
3	Hồ Cao Sơn	3,00				3,00	Xã Cương Gián	1,76		1,76				NQ số 61/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	
VIII	Đất công trình năng lượng	2,60				2,60		2,43			0,02		2,41		
1	Xây dựng ĐZ, TBA nâng cao chất lượng điện năng tại các xã Xuân Hải, Xuân Trường, Xuân Hội, Xuân Mỹ thuộc huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh năm 2021	0,03				0,03	Xã Xuân Hải, Xuân Trường, Xuân Hội, Xuân Mỹ	0,03					0,03	NQ số 61/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	
2	Lộ xuất tuyến 35Kv sau TBA 110 Nghi Xuân	0,10				0,10	Xuân Linh, Xuân Viên	0,60					0,60	NQ số 61/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	
		0,10				0,10	Xuân An, Xuân Giang	0,60					0,60	NQ số 61/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	
3	Cải tạo DZ 100 KV Hưng Đông - Can Lộc	0,23				0,23	Xuân Lam	0,13					0,13	NQ số 61/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	
4	Xây dựng trạm biến áp	0,75				0,75	Xuân Hải, Đan Trường, Xuân Hội, Cổ Đạm, Xuân Mỹ	0,42					0,42	NQ số 61/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	
5	XD mạch vòng cấp điện cho trạm biến áp Nghi Xuân và chống quá tải lưới điện huyện Nghi Xuân	0,20				0,20	TT. Tiên Điền, Xuân Giang, Tiên Điền, Xuân Viên, Xuân Hải, TT. Xuân An	0,02					0,02	NQ số 61/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	
6	Chống quá tải và nâng cao độ tin cậy cung cấp điện trên lưới điện	0,06				0,06	Xuân Thành, Xuân Hồng, Xuân Yên, Xuân Phở, Xuân Hội, Cương Gián, Xuân Linh	0,04					0,04	NQ số 61/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	
7	Xây dựng trạm biến áp, đường dây huyện Nghi Xuân	1,04				1,04	17 xã, thị trấn huyện Nghi Xuân	0,55					0,55	NQ số 61/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	
8	Xây dựng 2 lộ xuất tuyến 22KV mạch kép sau TBA	0,02				0,02	TT Xuân An	0,01					0,01	NQ số 61/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
	110KV Nghi Xuân để cải tạo đường dây 971,973 TGNX lên	0,04				0,04	Xã Xuân Giang	0,01					0,01	NQ số 61/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	
9	Xây dựng ĐZ, TBA chống quá tải và giảm tổn thất điện năng lưới điện các xã, thị trấn thuộc huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh năm 2020	0,03				0,03	TT Tiên Điền, TT Xuân An	0,02			0,02			NQ số 61/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	
IX	Đất chợ	0,53				0,53		0,50					0,50		
1	Mở rộng chợ Giang Đình	0,43				0,43	TT Tiên Điền	0,50					0,50	NQ số 61/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	
2	Mở rộng chợ Xuân An	0,10				0,10	TT Xuân An	1,00					1,00	NQ số 61/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	
X	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	0,36	0,10			0,26									
1	Mở rộng khu di tích LS-VH Nguyễn Công Trứ	0,36	0,10			0,26	Xã Xuân Giang	0,50					0,50	NQ số 61/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	
XI	Đất ở tại nông thôn	651,39	129,07	33,90		488,42		638,03				10,64	627,39		
1	Xen dầm dân cư thôn 3, 8 (thôn Kỳ Tây, Vân Thanh)	0,13				0,13	Xã Cổ Đạm	0,07				0,07		NQ số 61/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	
2	Khu dân cư nông thôn mới Trường Quý	4,96	0,60			4,36	Xã Xuân Trường	4,50					4,50	NQ số 61/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	
3	Khu dân cư nông thôn mới Trung Vân	5,00	5,00				Xã Xuân Hải	4,90					4,90	NQ số 61/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	
4	Dự án Khu dân cư xã Xuân Giang (Thôn Hồng Thịnh)	9,20	3,85			5,35	Xã Xuân Giang, TT Tiên Điền	8,30					8,30	NQ số 61/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	
5	Đất ở khu dân cư nông thôn vùng Đồng Xuân Hải thôn 7 và vùng thôn 7+8	1,40	0,90			0,50	Xã Xuân Hồng	0,75				0,75		NQ số 61/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	
6	Đất ở thôn 1, thôn 4 và thôn 5	0,50				0,50	Xã Xuân Hồng	0,27				0,27		NQ số 61/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	
7	Khu đô thị mới Xuân Thành	45,51	1,00			44,51	Xã Xuân Thành, Cổ Đạm	40,00					40,00	NQ số 61/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	
8	Đất ở xen dầm thôn 1	0,30	0,23			0,07	Xã Xuân Lĩnh	0,10				0,10		NQ số 61/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	
9	Đất ở xen dầm thôn 3	1,00	0,70			0,30	Xã Xuân Lĩnh	0,10				0,10		NQ số 61/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
10	Xen dầm dân cư Bồi Lồi, thôn Lam Long	0,30	0,30				Xã Xuân Hải	0,30				0,30		NQ số 61/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	
11	Đất ở thôn Tân Ninh Châu	8,10	5,50			2,60	Xã Xuân Hội	7,60					7,60	NQ số 61/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	
12	Đất ở thôn Hội Thái, thôn Hội Tiến, thôn Hội Thành, thôn Thái Phong	2,23	0,10			2,13	Xã Xuân Hội	1,18				1,18		NQ số 61/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	
13	Đất ở thôn Thanh Văn	6,00	2,50			3,50	Xã Xuân Thành	6,00					6,00	NQ số 61/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	
14	Đất ở thôn Thành Sơn, xen dầm các thôn	0,68				0,68	Xã Xuân Thành	0,65				0,65		NQ số 61/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	
15	Vùng xen dầm dân cư thôn Trường Thanh vùng 2, xen dầm dân cư thôn Bình Phúc	0,40				0,40	Xã Đan Trường	0,29				0,29		NQ số 61/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	
16	Vùng Đồng Nương thôn An Phúc Lộc	1,00				1,00	Xã Xuân Liên	0,20				0,20		NQ số 61/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	
17	Quy hoạch xen dầm đất ở dân cư thôn An Phú Lộc (phía tây dự án khu dân cư NTM An Phúc Lộc)	1,08				1,08	Xã Xuân Liên	0,48				0,48		NQ số 61/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	
18	Xen dầm đất ở thôn Thuận Mỹ	0,62				0,62	Xã Xuân Mỹ	0,36				0,36		NQ số 61/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	
19	Xen dầm dân cư Đồng Mới thôn Xuân Ang + Phúc Tuy	0,80				0,80	Xã Xuân Viên	0,43				0,43		NQ số 61/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	
20	Xen dầm dân cư Cồn Lều, hội quán thôn Nam Sơn, thôn Nam Viên cũ	0,50	0,20			0,30	Xã Xuân Viên	0,20				0,20		NQ số 61/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	
21	Xen dầm dân cư thôn Hợp Giáp (Nhà Ngâm)	0,40				0,40	Xã Xuân Yên	0,10				0,10		NQ số 61/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	
22	Xen dầm dân cư thôn Văn Thanh Bắc, Thuận Hợp và Kỳ Đông, nhà văn hóa thôn Phú Thuận Hợp	0,52				0,52	Xã Cồ Đạm	0,35				0,35		NQ số 61/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	
23	Đất ở Thanh Văn	1,20				1,20	Xã Xuân Thành	0,80				0,80		NQ số 61/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	
24	Khu dân cư nông thôn mới thôn Song Long	4,98	2,30			2,68	Xã Cương Gián	4,50					4,50	NQ số 61/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
25	Đất ở thôn Phúc Mỹ, Trường Mỹ, Quang Mỹ	1,00	0,71			0,29	Xã Xuân Mỹ	0,53				0,53		NQ số 61/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	
26	Khu đô thị du lịch Xuân Đan, Xuân Phở (Đất ở 35,00 ha; Đất thương mại, dịch vụ trong khu đô thị 17,55 ha; Đất giao thông 47,33 ha; Đất khu vui chơi, giải trí 37,78 ha; Đất công trình công cộng đô thị 8,59 ha; Đất rừng phòng hộ kết hợp dịch vụ du lịch 8,00 ha)	154,30	7,50	8,00		138,80	Xã Đan Trường, xã Xuân Phở	154,30					154,30	NQ số 61/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	
27	Khu đô thị du lịch Xuân Yên						Xã Xuân Yên							NQ số 61/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	
-	Đất ở tại nông thôn	19,50	2,81			16,69		79,90					79,90		
-	Đất thương mại dịch vụ trong khu đô thị	11,36				11,36		8,71					8,71		
-	Đất hạ tầng giao thông	21,17				21,17		82,50					82,50		
-	Đất khu vui chơi giải trí	13,95				13,95		17,00					17,00		
-	Đất tôn giáo	0,02				0,02		0,68					0,68		
-	Đất rừng phòng hộ kết hợp dịch vụ du lịch	2,90		2,90											
28	Khu dân cư nông thôn mới (thôn Kỳ Tây)	20,00	4,50			15,50	Xã Cổ Đạm	9,00					9,00	NQ số 61/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	
29	Quy hoạch xen dăm đất ở thôn Hội Thành	0,30				0,30	Xã Xuân Hội	0,05				0,05		NQ số 61/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	
30	Quy hoạch đất ở vùng đồng Nây, thôn 1	0,64	0,64				Xã Xuân Lam	0,30				0,30		NQ số 61/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	
31	Khu đô thị du lịch Đan Trường - Xuân Hội						Xã Đan Trường, xã Xuân Hội							NQ số 61/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	
-	Trong đó : Đất ở	56,93	26,00			30,93		38,50					38,50		
-	Đất thương mại dịch vụ trong khu đô thị	78,00	18,00			60,00		51,40					51,40		
-	Đất hạ tầng giao thông	90,00	25,00			65,00		58,30					58,30		
-	Đất khu vui chơi giải trí	41,00	15,00			26,00		40,20					40,20		
-	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	3,37				3,37		1,10					1,10		

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
-	Đất rừng phòng hộ kết hợp dịch vụ du lịch	23,00		23,00											
32	Khu đô thị, thương mại dịch vụ Trường Vĩnh, xã Đan Trường					Xã Đan Trường								NQ số 61/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	
-	Trong đó : Đất ở	3,50			3,50		2,60					2,60			
-	Đất hạ tầng giao thông	2,10			2,10		2,40					2,40			
33	Khu dân cư tại thôn Trường Thanh và Trường Hải xã Đan Trường					Xã Đan Trường								NQ số 61/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	
-	Trong đó: Đất ở	3,00	3,00				2,60					2,60			
-	Đất hạ tầng giao thông	2,50	2,50				2,40					2,40			
34	Quy hoạch xen dầm thôn Bình Phúc, Hợp Phúc, nhà văn hóa cũ thôn Hợp Phúc, Trường Châu, vùng làng sang thôn Kiều Thắng LợiĐất ở(Trường Vĩnh, Trường Thanh, Song Giang)	0,98			0,98	Xã Đan Trường	0,55				0,55			NQ số 61/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	
35	Đất ở nông thôn (Bàng Trung thôn Thịnh Mỹ); thôn Hồng Mỹ	0,71	0,23		0,48	Xã Xuân Mỹ	0,32				0,32			NQ số 61/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	
36	Đất ở công trạng (thôn Quang Mỹ)	1,57			1,57	Xã Xuân Mỹ	0,50				0,50			NQ số 61/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	
37	Đất ở Thôn Hợp giáp	0,73			0,73	Xã Xuân Yên	1,00				1,00			NQ số 61/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	
38	Đất ở xen dầm thôn Phúc an	0,42			0,42	Xã Xuân Phô	0,25				0,25			NQ số 61/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	
39	Đất ở thôn Phúc an và Ninh hòa	1,10			1,10	Xã Xuân Phô	0,20				0,20			NQ số 61/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	
40	Đất ở thôn Kiều văn, thống nhất và Trường An	0,53			0,53	Xã Xuân Phô	0,31				0,31			NQ số 61/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	
XII	Đất ở đô thị	160,19	51,15		109,04		148,96				1,86	147,10			

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú	
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp			
1	Xen dậm đất ở TDP Hòa Thuận 2; Qh xen dậm TDP Minh Quang (Đội Cồn) TDP Hòa Thuận (gần nhà ông Thu Hồng)	1,30				1,30	TT Tiên Điền	0,72				0,72			NQ số 61/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	
2	Vùng dân cư Cây Sanh TDP7	0,26				0,26	TT Xuân An	0,14				0,14			NQ số 61/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	
3	Khu đô thị PARK CITY	26,77	12,87			13,90	TT Xuân An	26,0					26,0		NQ số 61/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	
4	Dự án khu đô thị thương mại dịch vụ nam bờ Sông Lam						TT Xuân An								NQ số 61/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	
-	Trong đó : Đất ở	11,00				11,00		12,2					12,2			
-	Đất thương mại dịch vụ	5,60				5,60		5,1					5,1			
-	Đất hạ tầng giao thông	5,80				5,80		5,8					5,8			
5	Dự án Khu dân cư thị trấn Tiên Điền	3,00	3,00				TT Tiên Điền	3,0					3,0		NQ số 61/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	
6	Khu dân cư tại TDP Hồng Lam và Phong Giang, thị trấn Tiên Điền						TT Tiên Điền								NQ số 61/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	
-	Trong đó : Đất ở	3,00	3,00					2,7					2,7			
-	Đất hạ tầng giao thông	2,28	2,28					2,3					2,3			
7	Qh đất ở TDP Phong Giang (vùng Đồng Ky)	1,18				1,18	TT Tiên Điền	0,5				0,5			NQ số 61/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	
8	QH xen dậm TDP An Mỹ	1,60				1,60	TT Tiên Điền	0,5				0,5			NQ số 61/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	
9	Xây dựng đô thị Xuân An giai đoạn 2						TT Xuân An								NQ số 61/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	
-	Trong đó: Đất ở	30,00	20,00			10,00		32,6					32,6			
-	Đất thương mại dịch vụ	23,40	4,00			19,40		19,3					19,3			
-	Đất hạ tầng giao thông	20,00	3,00			17,00		22,6					22,6			
-	Đất cây xanh khu vui chơi giải trí	25,00	3,00			22,00		15,5					15,5			
XIII	Đất cơ sở tín ngưỡng	0,98				0,98		0,57				0,47	0,10			
1	Đền Phú Hoa	0,17				0,17	Xã Xuân Mỹ	0,10				0,10			NQ số 61/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	
2	Đền thờ Trần Hưng Đạo	0,81				0,81	Xã Cổ Đạm	0,47				0,47			NQ số 61/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
XIV	Đất cơ sở tôn giáo	25,15	9,70	0,50		14,95		10,84					10,84		
1	Mở rộng chùa Vạn Phúc	0,50				0,50	Xã Xuân Yên	0,27					0,27	NQ số 61/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	
2	Mở rộng chùa Hộ Quốc	0,05				0,05	Xã Cổ Đạm	0,09					0,09	NQ số 61/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	
3	Mở rộng và tôn tạo đình hát Chùa Diên Phúc (thôn Cát Thủy)	4,00				4,00	Xã Xuân Viên	2,13					2,13	NQ số 61/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	
4	Xây dựng Chùa Văn Giác	0,60	0,20			0,40	Xã Xuân Giang	0,60					0,60	QH chi tiết tỷ lệ 1/500 được UBND tỉnh phê duyệt	
5	Thiền Viện Trúc Lâm (thôn Trung Sơn)	20,00	9,5	0,50		10,00	Xã Xuân Viên	7,75					7,75	NQ số 61/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	
XV	Đất sinh hoạt cộng đồng	0,40				0,40		0,22					0,22		
1	Mở rộng nhà văn hóa thôn Hồng Mỹ	0,20				0,20	Xã Xuân Mỹ	0,11					0,11	NQ số 61/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	
2	Mở rộng nhà văn hóa thôn Thuận Mỹ	0,20				0,20	Xã Xuân Mỹ	0,11					0,11	NQ số 61/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	
89	Tổng B: 89 Danh mục	1164,12	270,17	34,40		859,55		1110,19		59,84	1,58	14,93	1033,84		
89	Tổng A+B: 89 Danh mục	1164,12	270,17	34,40		859,55		1110,19		59,84	1,58	14,93	1033,84		

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

**PHỤ LỤC 1.5. TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẦN THU HỒI ĐẤT NĂM 2023
CỦA HUYỆN THẠCH HÀ**

(Kèm theo Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)+(7)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(10)+....+(14)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
A. Công trình, dự án cần thu hồi đất đề xuất mới trong năm 2023															
I	Đất giao thông	8,12	4,40	0,50		3,22		6,21		3,80	2,41				
1	Mở rộng đường từ HL03 - Đường Hàm Nghi kéo dài	1,05	0,60			0,45	Xã Thạch Đài	0,10				0,1		Quyết định số: 75/QĐ - UBND, ngày 10 tháng 05 năm 2022 của UBND xã Thạch Đài	
2	Tiểu dự án Cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị Thạch Hà, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh	1,83	1,40			0,43	Thị trấn Thạch Hà	1,70		1,7				Quyết định số 1085/QĐ-TTg, ngày 23/8/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chủ trương đầu tư 05 tiểu dự án thuộc Dự án "Cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị nhằm giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu cho 04 tỉnh ven biển Bắc Trung Bộ" sử dụng vốn vay của Cơ quan Phát triển Pháp	
3	Đường giao thông liên xã Ngọc Sơn - Lưu Vĩnh Sơn	0,04				0,04	Ngọc Sơn, Lưu Vĩnh Sơn	0,01				0,01		Quyết định số 4125/QĐ-UBND ngày 25/6/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Thạch Hà về việc Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Đường giao thông liên xã Ngọc Sơn - Lưu Vĩnh Sơn	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
4	Dự án thành phần 1: Đường trục ngang khu du lịch biển Văn - Trị	2,30		0,50		1,80	Xã Thạch Văn	2,10		2,1				Quyết định số 3256/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh về việc phê duyệt BCNCKT của dự án cải thiện cơ sở hạ tầng cho các xã chịu ảnh hưởng của Dự án khai thác mỏ sắt Thạch Khê, thực hiện Đề án phát triển bền vững kinh tế - xã hội các xã chịu ảnh hưởng của Dự án khai thác mỏ sắt Thạch Khê - Giai đoạn 2 (Đề án 946)	
5	Đường giao thông trục chính xã Lưu Vĩnh Sơn, huyện Thạch Hà	2,90	2,40			0,50	Xã Lưu Vĩnh Sơn	2,30				2,3		Quyết định số 13572/QĐ-UBND, ngày 4/10/2021 của UBND huyện Thạch Hà.	
II	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	0,30	0,30					0,10				0,10			
1	Đất sân vận động thôn Ninh	0,30	0,30				Thôn Ninh, xã Thạch Liên	0,1					0,1	Văn bản số 2314/UBND-KTHT ngày 14/11/2022 của UBND huyện Thạch Hà.	
III	Đất công trình bưu chính, viễn thông	0,70	0,24			0,46		0,06					0,06		
1	Đất xây dựng trạm BTS của Viễn Thông	0,70	0,24			0,46	Các xã: Đinh Bàn, Lưu Vĩnh Sơn, Thạch Lạc, Thạch Long, Thạch Ngọc, Thạch Sơn, Thạch Trị, Thạch Văn, Thạch Xuân, Việt Tiến, thị trấn Thạch Hà, huyện Thạch Hà	0,06					0,06	Quyết định số 1409/ QĐ-VTHT-KTĐT Ngày 5/11/2021 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các trạm BTS trên địa bàn huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh	
IV	Đất sinh hoạt cộng đồng	2,07	1,84			0,23		2,20					2,20		
1	Nhà văn hoá thôn Phú Quý	0,42	0,42				Thôn Phú Quý, xã Thạch Liên	0,57					0,57	Văn bản số 2314/UBND-KTHT ngày 14/11/2022 của UBND huyện Thạch Hà.	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
2	Công trình nhà văn hóa, sân bóng đá thôn Đông Hà 2	1,20	1,20				Thôn Đông Hà 2, xã Thạch Long	1,62				1,62		Căn cứ nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 18/01/2021 của HĐND xã Thạch Long về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng các công trình năm 2021 xã Thạch Long	
3	Đất nhà văn hoá	0,45	0,22			0,23	Tổ dân phố 12, thị trấn Thạch Hà	0,01				0,01		Nghị quyết số 02 /NQ-HĐND ngày 11/01/2022 của Hội đồng nhân dân thị trấn Thạch Hà	
V	Đất ở nông thôn	18,86	14,82			4,04		18,63		2,86		15,77			
1	Đất ở nông thôn	0,32	0,32				Thôn Hoà Bình, Phúc Điền, xã Nam Điền	0,10				0,1		QH chi tiết đất ở dân cư do UBND huyện Thạch Hà Phê duyệt ngày 28/12/2021;	
2	Đất ở nông thôn	1,14	1,14				Thôn Hanh, thôn Khang, thôn Thọ, xã Thạch Liên	0,72				0,72		QH chi tiết đất ở dân cư do UBND huyện Thạch Hà Phê duyệt ngày 02/6/2010; QH chi tiết đất ở dân cư do UBND huyện Thạch Hà Phê duyệt ngày 23/10/2018	
3	Đất ở nông thôn	0,50	0,50				Vùng Nhà Xăng, thôn Ninh, xã Thạch Liên	0,15				0,15		QH chi tiết đất ở dân cư do UBND huyện Thạch Hà Phê duyệt năm 2016;	
4	Đất ở Cửa Hoà Thôn Phú	0,17	0,17				Thôn Phú Quý, xã Thạch Liên	0,05				0,05		QH chi tiết đất ở dân cư do UBND huyện Thạch Hà Phê duyệt ngày 21/01/2020;	
5	Khu TĐC đường cao tốc tại xã Thạch Ngọc	0,80	0,80				Thôn Mỹ Châu, xã Thạch Ngọc	1,08				1,08		Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 11/02/2022 của Chính phủ	
6	Đất ở nông thôn	0,80	0,80				Thôn Trần Phú, xã Thạch Trị	0,28				0,28		Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 phê duyệt ngày 05/11/2020	
7	Đất ở nông thôn	1,00	1,00				Thôn Tri Khê, xã Thạch Sơn	0,85				0,85		Quyết định số 3824/ QĐ-UBND ngày 17/6/2021 của UBND huyện Thạch Hà về phê duyệt điều chỉnh, bổ sung đồ án quy hoạch XD NTM xã Thạch Sơn	
8	Đất ở nông thôn	1,60	1,60				Thôn Mộc Hải, Quý Hải, xã Thạch Ngọc	2,16				2,16		Quy hoạch chi tiết thôn Quý Hải, xã Thạch Ngọc, phê duyệt ngày 21/10/2019, tỷ lệ 1/500	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
9	Đất ở nông thôn	2,13	1,52			0,61	Vùng Nương Xuông, thôn Tri Lễ, vùng Nhà Máy, thôn Hoà Hợp, thôn Thượng Nguyên, vùng Nhà Chiên thôn Chi Lưu, thôn Tri Nang, xã Thạch Kênh	2,05					2,05	QH đất ở chi tiết vùng Đồng Cao, Vùng nương xuông, vùng nhà văn hoá thôn Tri Lễ được UBND huyện phê duyệt ngày 14/11/2020, Bản đồ QH Tổng mặt bằng sử dụng đất được UBND huyện phê duyệt ngày 05/01/2020. Bản đồ Điều chỉnh QH xen dầm dân cư vùng ông nông, vùng xóm 2 và xóm 5 cũ thôn chi lưu được UBND huyện phê duyệt năm 2018.	
10	Đất ở nông thôn	0,90	0,20			0,70	Vùng Đồng Ông Bộ, thôn Tri Lễ, Vùng Bắc xóm, thôn Thượng Nguyên, xã Thạch Kênh	0,52					0,52	Bản đồ QH chi tiết tỉ lệ vùng Bắc xóm thượng nguyên được UBND huyện Thạch Hà phê duyệt năm 2012	
11	Đất ở nông thôn	1,30	1,30				Xứ Cấp Tứ, Dọc sông Vách Nam, Thôn Nam Giang, xã Thạch Long	1,2					1,2	Quy hoạch tổng mặt bằng phê duyệt ngày 19/7/2019, tỷ lệ 1/500	
12	Đất ở nông thôn	0,47				0,47	Thôn Đông Hà 1, Xã Thạch Long	0,2					0,2	Quy hoạch tổng mặt bằng phê duyệt ngày 4/9/2020, tỷ lệ 1/500	
13	Đất ở nông thôn	0,03				0,03	Thôn Hội Cát, xã Thạch Long							Quy hoạch tổng mặt bằng phê duyệt ngày 19/6/2014, tỷ lệ 1/500	
14	Đất ở nông thôn	0,31	0,31				Thôn Hoà Bình, xã Thạch Thắng	0,42					0,42	Quy hoạch chi tiết 1/500 ngày 30 tháng 6 năm 2019	
15	Đất ở nông thôn	0,90	0,90				Thôn Đông Sơn, xã Thạch Xuân	1,21					1,21	Quy hoạch chi tiết được UBND huyện Thạch Hà phê duyệt ngày 26/9/2018	
16	Đất ở nông thôn	0,40	0,40				Thôn Tân Thanh, xã Thạch Xuân	0,54					0,54	Quy hoạch chi tiết được UBND huyện Thạch Hà phê duyệt năm 2020	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
17	Đất ở nông thôn	2,43	0,20			2,23	Thôn Đoài Phú, Thượng Phú, Sâm Lộc, Hà Thanh, Bắc Bình, Phú Sơn, Hoà Mỹ, xã Tượng Sơn	2,22				2,22		Quy hoạch chi tiết được UBND huyện Thạch Hà phê duyệt ngày 24/10/2019	
18	Đất ở nông thôn	1,50	1,50				Ông Quý Hoan, xã Đinh Bàn	2,02				2,02		Quy hoạch chi tiết 1/500 phê duyệt ngày 28 tháng 8 năm 2017	
19	Khu TĐC đường cao tốc tại xã Thạch Xuân (bổ sung diện tích)	0,43	0,43				Đồng Bông, thôn Tân Thanh, xã Thạch Xuân	0,65		0,65				Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 11/02/2022 của Chính phủ	
20	Khu TĐC đường cao tốc tại xã Thạch Ngọc (bổ sung diện tích)	0,45	0,45				Đồng Cửa Trộc, thôn Ngọc Sơn, xã Thạch Ngọc	0,63		0,63				Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 11/02/2022 của Chính phủ	
21	Khu TĐC đường cao tốc tại xã Tân Lâm Hương (bổ sung diện tích)	0,28	0,28				Đồng Vực, thôn Bình Tiến, xã Tân Lâm Hương	0,38		0,38				Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 11/02/2022 của Chính phủ	
22	Đất ở tái định cư đường Ngô Quyền	1	1				Xã Lưu Vĩnh Sơn	1,2		1,2				Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 11/02/2022 của Chính phủ	
VI	Đất đô thị	1,25	1,25					1,69		1,69					
1	Đất ở tái định cư đường Ngô Q	1,25	1,25				Tổ dân phố 12, thị trấn Thạch Hà	1,69		1,69				Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 11/02/2022 của Chính phủ	
VII	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	0,88	0,88					1,03		0,21		0,82			
1	Khuôn viên UBND xã	0,61	0,61				Thôn Mộc Hải, xã Thạch Ngọc	0,82				0,82			
2	Trụ sở Đài phát thanh và Truyền hình tỉnh	0,27	0,27				Xã Tân Lâm Hương	0,21		0,21				Văn bản số 656/CV-PTTH ngày 24/10/2022 của Đài phát thanh và Truyền hình tỉnh.	
35	TỔNG A: 35 Danh mục	32,18	23,73	0,50		7,95		29,92		8,56	2,41	18,95			
B. Công trình, dự án cần thu hồi đất đã được HĐND tỉnh thông qua tại các Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021, Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29/4/2022, Nghị quyết số 83/NQ-															
I	Đất rừng phòng hộ	8,70	4,20			4,50		8,18		8,18					
1	Dự án bảo vệ nước thượng nguồn hồ Bộc Nguyên	8,70	4,20			4,50	Xã Nam Điền	8,18		8,18				Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
II	Đất cụm công nghiệp	1,97	1,97					3,28					3,28		

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
1	Nhà máy chế biến gỗ rừng trồng Thạch Hà tại cụm công nghiệp Phù Việt, xã Việt Tiến, huyện Thạch Hà	1,97	1,97				Thôn Thống nhất, xã Việt Tiến	3,28					3,28	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
III	Đất giao thông	47,55	26,64			20,91		144,11	5,30	115,23	21,25	2,32			
1	Nâng cấp mở rộng tuyến đường từ nhà ông Phạm Quế đi bãi Luỹ thôn Sông Tiên	0,13	0,07			0,06	Thôn Sông Tiên, Sơn Tiên, xã Thạch Sơn	0,01				0,01		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
2	Mở rộng đường giao thông cầu cỏ Tuyên đi thôn Thống Nhất	0,80	0,80				Thôn Thống Nhất, xã Thạch Đài	0,06				0,06		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
3	Nâng cấp, mở rộng đường nối Quốc lộ 1 tại ngã 3 Thạch Long đi đường tỉnh ĐT.549	0,97	0,34			0,63	Xã Thạch Long, Thạch Sơn huyện Thạch Hà	3,00	1,00	2,00				Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
4	Dự án thành phần 3: Đường giao thông nông thôn xã Thạch Hải	0,50	0,32			0,18	Xã Thạch Hải	1,00	0,30	0,70				Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
5	Hạ tầng dân cư	0,69	0,69				Tổ 7, Tổ 13, thị trấn Thạch Hà	1,00				1,00		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
6	Đường giao thông	0,02				0,02	Thôn Đại Hải, xã Thạch Hải	0,04				0,04		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
7	Dự án nâng cấp mở rộng đường huyện lộ ĐH 102	1,50	1,00			0,50	Xã Thạch Đài, xã Thạch Xuân	3,21			3,21			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
8	Mở rộng đường nội đồng tại các khu vực: Đồng Trạp, Đồng Trước, Đồng Con Sinh, Đồng Cầu Quanh.	0,11	0,11				Xã Thạch Ngọc	0,13				0,13		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
9	Đường Hàm Nghi kéo dài	17,68	8,80			8,88	Xã Thạch Đài, xã Thạch Xuân	101,81		101,81				Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
10	Tiểu dự án Cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị Thạch Hà, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh	15,90	14,00			1,90	Thị trấn Thạch Hà	14,72	4,00	10,72				Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
11	Mở rộng đường Đồng Văn Năng	0,04				0,04	ngã 3 giao đường Đồng Văn Năng và QL1A, tổ dân phố 9, thị trấn Thạch Hà	1,00				1,00		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
12	Cầu Bàu Láng	0,06	0,06				Thôn Bàu Láng, xã Thạch Đài	0,09				0,09		Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022	NQ 83
13	Đường giao thông từ Quốc lộ 15B, xã Việt Tiến đến đường Thượng Ngọc, xã Thạch Ngọc	0,80	0,40			0,40	Xã Việt Tiến, xã Thạch Ngọc, huyện Thạch Hà	3,22			3,22			Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022	NQ 83
14	Đường giao thông tổ dân phố 9, thị trấn Thạch Hà	0,35	0,05			0,30	Thị trấn Thạch Hà	1,47			1,47			Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022	NQ 83
15	Đường trục ngang ven biển huyện Thạch Hà	8,00				8,00	Các xã: Thạch Hải, Thạch Trị, Thạch Văn, Thạch Hội, huyện Thạch Hà	13,36			13,36			Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022	NQ 83
IV	Đất thủy lợi	70,24	13,09			57,15		39,12		0,02	38,70	0,40			
1	Kè sông cày (2km)	5,00	1,00			4,00	Tổ Dân Phố 2,3, thị trấn thạch hà	0,40			0,40			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
2	Hồ Đá Đen	0,06				0,06	Xã Thạch Ngọc	0,02		0,02				Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
3	Dự án Củng cố, nâng cấp tuyến đê Hữu Phú đoạn từ cầu Cửa Sốt đến núi Nam Giới, huyện Thạch Hà	15,12	1,94			13,18	Xã Đinh Bàn, huyện Thạch Hà	3,43			3,43			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
4	Tiểu dự án thành phần Khắc phục, sửa chữa, nâng cấp tuyến đê Hữu Nghèn huyện Thạch Hà	9,00	2,50			6,50	Xã Thạch Kênh, xã Thạch Sơn	8,70			8,70			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
5	Dự án bồi thường, hỗ trợ và TĐC bảo vệ môi trường khu vực thượng nguồn và ven hồ Bộc Nguyên (gd2)	22,30	5,10			17,20	Xã Nam Điền	17,73			17,73			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
6	Dự án thành phần 7: Kênh tiêu úng phục vụ sản xuất và dân sinh xã Thạch Hải	0,16	0,16				Xã Thạch Hải	0,22			0,22			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
7	Xử lý cấp bách tuyến đê Hữu Phù huyện Thạch Hà, đoạn từ K10+00 đến K10+315	18,60	2,39			16,21	Xã Thạch Khê, xã Đinh Bàn	8,62			8,62			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
V	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	0,16				0,16		0,01				0,01			
1	Đài tưởng niệm	0,16				0,16	Thôn Kỳ Phong, xã Thạch Đài	0,01				0,01		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
VI	Đất xây dựng cơ sở y tế	0,05				0,05		0,04				0,04			
1	Mở rộng trạm y tế	0,05				0,05	Xã Thạch Thắng	0,04				0,04		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
VII	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	1,85	0,40			1,45		1,49				1,49			
1	Mở rộng trường Mầm non Tân Lâm Hương	0,4				0,40	Thôn Trung Thành, xã Tân Lâm Hương	0,03				0,03		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
2	Mở rộng trường THCS Hàm Nghi	0,1				0,10	Thôn Kỳ Phong, xã Thạch Đài	0,01				0,01		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
3	Mở rộng trường THCS Đồng Tiến	0,33	0,33				Thôn Hồng Dinh, xã Thạch Trị	0,03				0,03		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
4	Mở rộng trường mầm non	0,11	0,07			0,04	Thôn Tri Lễ, xã Thạch Khê	0,20				0,20		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
5	Mở rộng khuôn viên trường THPT Nguyễn Trung Thiên	0,91				0,91	Thôn Đồng Giang, xã Thạch Khê	1,23				1,23		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
VIII	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	0,20				0,20		0,50				0,50			
1	Mở rộng sân thể thao thôn 17	0,20				0,20	Thôn 17, xã Tân Lâm Hương	0,50				0,50		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
IX	Đất công trình năng lượng	0,10	0,08			0,02		0,01				0,01			

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
1	Trạm Biến áp	0,1	0,08			0,02	Các xã Thạch Xuân, Ngọc Sơn, Việt Tiến, Thạch Đài, Thạch Trị, Thạch Khê, Thạch Liên, Nam Điền, Lưu Vĩnh Sơn, Thạch Ngọc, Tân Lâm Hương, thị trấn Thạch Hà và Tượng Sơn	0,01					0,01	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
X	Đất bãi thải, xử lý chất thải	11,50	5,84			5,66		23,72		23,22	0,50				
1	Nhà máy xử lý nước thải của Tiểu dự án Cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị Thạch Hà, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh	0,30	0,30				Thị trấn Thạch Hà	0,50			0,50			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
2	Bãi tập kết vật liệu thải phục vụ dự án đường Cao Tốc tại xã Thạch Ngọc	1,10	0,17			0,93	Thôn Mỹ Châu, xã Thạch Ngọc	0,24		0,24				Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29/4/2022	NQ 71
3	Bãi tập kết vật liệu thải phục vụ dự án đường Cao Tốc tại xã Thạch Ngọc	0,50	0,01			0,49	Thôn Ngọc Sơn, xã Thạch Ngọc	0,05		0,05				Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29/4/2022	NQ 71
4	Bãi tập kết vật liệu thải phục vụ dự án đường Cao Tốc tại xã Thạch Ngọc, Việt Tiến	5,00	4,60			0,4	Thôn Đông Châu, xã Thạch Ngọc, xã Việt Tiến	6,52		6,52				Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29/4/2022	NQ 71
5	Bãi tập kết vật liệu thải phục vụ dự án đường Cao Tốc tại xã Thạch Đài	0,60	0,21			0,39	Thôn Bàu Láng, xã Thạch Đài	0,30		0,30				Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29/4/2022	NQ 71
6	Bãi tập kết vật liệu thải phục vụ dự án đường Cao Tốc tại xã Thạch Đài	2,00	0,55			1,45	Thôn Liên Vinh, xã Thạch Đài	0,81		0,81				Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29/4/2022	NQ 71
7	Bãi tập kết vật liệu thải phục vụ dự án đường Cao Tốc tại xã Thạch Xuân	2,00				2,00	Thôn Tân Thanh, xã Thạch Xuân	15,30		15,30				Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29/4/2022	NQ 71

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã...)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
XI	Đất cơ sở tôn giáo	6,69	5,27			1,42		11,67				11,67			
1	Mở rộng nhà thờ giáo họ Thu Chi	0,63				0,63	Thôn Bắc Lạc, xã Thạch Lạc	0,85				0,85		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
2	Mở rộng nhà thờ giáo họ Lộc Thủy	0,10				0,10	Thôn Đông Hà 2, xã Thạch Long	3,00				3,00		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
3	Mở rộng đất giáo họ Thanh Thủy	0,50				0,50	Thôn Sơn Tiến xã Thạch Sơn	1,00				1,00		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
4	Mở rộng khuôn viên giáo xứ Tiên Thủy	0,19				0,19	Xã Thạch Sơn	0,38				0,38		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
5	Xây dựng chùa Kênh Cạn	4,60	4,60				Xã Thạch Kênh	5,49				5,49		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
6	Mở rộng chùa Chi Lư	0,67	0,67				Thôn Chi Lư, xã Thạch Kênh	0,95				0,95		Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022	NQ 83
XII	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	1,20	1,10			0,10		1,39				1,39			
1	Mở rộng nghĩa trang	0,20	0,20				Đập Mụ Bùa, thôn Tây Sơn, xã Đinh Bàn	0,12				0,12		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
2	Đất Nghĩa trang nghĩa địa	1,00	0,90			0,10	Thôn Trung Tiến, Hoà Bình, Thống Nhất, xã Việt Tiến	1,28				1,28		Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022	NQ 83
XIII	Đất sinh hoạt cộng đồng	3,34	2,23			1,11		2,33				2,33			
1	Nhà văn hoá thôn Đông Sơn	0,95	0,95				Thôn Đông Sơn, xã Thạch Xuân	0,08				0,08		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
2	Mở rộng nhà văn hóa thôn Đan Khê	0,08				0,08	Thôn Đan Khê, xã Thạch Khê	0,01				0,01		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
3	Đất nhà văn hoá	0,77				0,77	Tổ dân phố 8, thị trấn Thạch Hà	0,06				0,06		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
4	Nhà văn hoá thôn Nam Thắng	0,56	0,30			0,26	Thôn Nam Thắng	0,79				0,79		Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022	NQ 83
5	Nhà văn hoá thôn Cao Thắng	0,53	0,53				Thôn Cao Thắng, xã Thạch Thắng	0,75				0,75		Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022	NQ 83
6	Nhà văn hoá thôn Trung Phú	0,45	0,45				Thôn Trung Phú, xã Thạch Thẩn	0,64				0,64		Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022	NQ 83
XIV	Đất ở nông thôn	86,35	62,30			24,05		75,00		46,54		28,46			

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã...)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
1	Đất ở nông thôn (xen dăm)	0,43	0,07			0,36	Xen dăm (5 lô), xen kẹp (15 thửa) các thôn, xã Thạch Xuân	0,09				0,09		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
2	Đất ở nông thôn (xen dăm)	1,46	0,40			1,06	Các thôn, xã Tân Lâm Hương	0,12				0,12		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
3	Đất ở nông thôn	1,2	0,80			0,40	Thôn Yên Trung, Văn Bình, Tân Tiến, Hương Mỹ, Sơn Trinh, Phái Nam, Kỳ Các, xã Lưu Vĩnh Sơn	0,10				0,10		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
4	Đất ở nông thôn	0,36	0,35			0,01	Thôn Nam Bình, thôn Bắc Thượng, xã Thạch Đài	0,03				0,03		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
5	Đất ở nông thôn (xen dăm)	0,62				0,62	Thôn Vạn Đò, Đình Hàn, Tân Hợp, Sơn Tiến, xã Thạch Sơn	0,05				0,05		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
6	Đất ở nông thôn	1,25	0,76			0,49	Thôn Trung Tâm, Thôn Nam Sơn, thôn Ngọc Hà, Đồng Bà Hối, thôn Khe Giao II, thôn Trung Tâm, xã Ngọc Sơn	0,16				0,16		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
7	Đất ở nông thôn	1,2				1,20	Thôn Ngọc Hà, thôn Trung Tâm, xã Ngọc Sơn	0,16				0,16		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
8	Đất ở nông thôn	0,9	0,10			0,80	Thôn Trường Xuân, Tây Sơn, Văn sơn, Bình Sơn và xen dăm các thôn, xã Đình Bàn	0,08				0,08		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
9	Đất ở nông thôn	0,09	0,09				Thôn Thiên Thai và xen dầm các thôn, xã Lưu Vĩnh Sơn	0,02					0,02	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
10	Đất ở nông thôn	0,27	0,27				Thôn Nam Thắng, thôn Trung Phú, xã Thạch Thắng	0,10					0,10	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
11	Đất ở nông thôn	1,05				1,05	Thôn Liên Hải, thôn Đại Hải, thôn Bắc Hải, xã Thạch Hải	0,09					0,09	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
12	Đất ở nông thôn	1,6	1,6				Thôn Bình Dương, thôn Liên Quý, thôn Liên Phố, thôn Bắc Thai, thôn Liên Mỹ, xã Thạch Hội	0,15					0,15	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
13	Đất ở nông thôn	2	2				Thôn Phúc, thôn Việt Yên, thôn Ba Giang, thôn Trung Tiến, xã Việt Tiến	0,06					0,06	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
14	Đất ở nông thôn	0,43	0,43				Thôn Trung Lạc, xã Thạch Lạc	0,04					0,04	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
15	Đất ở nông thôn	1,79	0,78			1,01	Vùng Địa Seo, thôn Đoài Phú, vùng Gương Trung, thôn Hà Thanh, thôn Sâm Lộc, vùng Cồn Mói, vùng Địa Seo, thôn Đoài Phú và xen dầm các thôn, xã Trượng Sơn	0,15					0,15	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
16	Đất ở nông thôn	5,49	5,49				Vùng Đội Rai, thôn Sâm Lôc, xã Trưng Sơn	0,44				0,44		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
17	Đất ở nông thôn (xen dăm)	0,30				0,30	Thôn Ngọc Hà, thôn Trung Tâm - xã Ngọc Sơn	0,01				0,01		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
18	Đất ở nông thôn	0,41	0,41				Thôn Kim Sơn, xã Lưu Vĩnh Sơn	0,03				0,03		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
19	Đất ở nông thôn	1,08	0,31			0,77	Thôn Đông Sơn, Đông Sơn, Lộc Nội, Đồng Xuân, Quý Linh - xã Thạch Xuân	0,51				0,51		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
20	Đất ở nông thôn	1,74	0,54			1,20	Thôn Hòa Bình, xã Nam Điền	0,13				0,13		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
21	Đất ở nông thôn (xen dăm)	0,95				0,95	Thôn Bắc Thượng, Liên Vinh, Liên Hương, Kỳ Sơn, Kỳ Phong, Thống Nhất, Bàu Láng, Nam Bình - xã Thạch Đài	0,03				0,03		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
22	Đất ở nông thôn	1,05	0,36			0,69	Thôn Phúc Thanh, Đan Khê, Thanh Lan, Đồng Giang, Tân Phúc, Tân Hương, Vĩnh Tiến - xã Thạch Khê	0,07				0,07		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
23	Đất ở nông thôn	1,73				1,73	Thôn Đại Hải, Liên Hải, xã Thạch Hải	0,56				0,56		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
24	Đất ở nông thôn	0,33				0,33	Thôn Liên Hải, xã Thạch Hải	0,80				0,80		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã...)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
25	Đất ở Tò 9 thôn Trường Xuân	0,58	0,44			0,14	Thôn Trường Xuân, xã Đình Bàn	0,80				0,80		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
26	Đất ở tở 8 thôn Tân Phong	0,50				0,50	Thôn Tân Phong, xã Đình Bàn	0,70				0,70		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
27	Đất ở nông thôn	3,00	3,00				Thôn Hòa Bình, Thống Nhất, Việt Yên, Yên Thượng, Tùng Lâm, Tùng Sơn, Trung Long, Lộc Hồ, Lâm Hưng, Phúc Điền, Tân Lộc, Nam Lĩnh, Tân Đông, Hưng Hòa, xã Nam Điền	4,00				4,00		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
28	Đất ở trạm điện cũ thôn Nguyên	0,10	0,07			0,03	Thôn Nguyên, xã Thạch Liên	0,20				0,20		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
29	Đất ở nông thôn	1,00				1,00	Thôn Lộc Nội, xã Thạch Xuân	1,01				1,01		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
30	Thu hồi đất, bồi thường GPMB tạo quỹ đất sạch hai bên đường Hàm Nghi để đấu giá đất	22,00	20,00			2,00	Xã Thạch Đài	35,00		35,00				Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
31	Đất ở nông thôn	0,50	0,20			0,30	Thôn Đình Hàn, Vạn Đò, Sơn Hà, xã Thạch Sơn	1,00				1,00		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
32	Đất ở xen dăm các thôn	0,70	0,20			0,50	Các Thôn, xã Thạch Thắng	0,71				0,71		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
33	Đất ở nông thôn	0,22	0,12			0,10	Thôn Xuân Sơn, xã Lưu Vĩnh Sơn	0,14				0,14		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
34	Đất ở nông thôn	0,39	0,39				Thôn Kim Sơn, xã Lưu Vĩnh Sơn	0,47				0,47		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
35	Đất ở nông thôn	0,25	0,25				Thôn Trường Ngọc, xã Ngọc Sơn	0,30				0,30		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã...)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
36	Đất ở nông thôn	0,38	0,38				Thôn Nam Bình, xã Thạch Đài	0,45				0,45		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
37	Đất ở nông thôn	0,10				0,10	Cù Vải, thôn Liên Vinh, xã Thạch Đài	0,12				0,12		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
38	Đất ở nông thôn	1,00	1,00				Đường 15B Trẹm Pooc, tổ 19, thôn Trường Xuân, xã Đinh Bàn	0,44				0,44		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
39	Đất ở nông thôn	0,50				0,50	Thôn Liên Quý, xã Thạch Hội	0,17				0,17		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
40	Đất ở nông thôn	0,06	0,06				Thôn Long Tiến, xã Thạch Khê	0,07				0,07		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
41	Đất ở nông thôn	0,17				0,17	Thôn Đan Khê, xã Thạch Khê	0,12				0,12		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
42	Đất ở nông thôn	0,30				0,30	Thôn Thanh Lan, xã Thạch Khê	0,12				0,12		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
43	QH đất ở dọc đường TL 26 (T. Đồng Giang)	1,60	0,40			1,20	Phía Tây, phía Nam Thôn Đồng Giang, xã Thạch Khê	1,19				1,19		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
44	Đất ở nông thôn	1,20	1,20				Nam Cầu Nga, thôn Gia Ngãi 1, xã Thạch Long	1,43				1,43		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
45	Đất ở nông thôn	0,32				0,32	Đồng Con Lã, Đồng Mụ Cuối, Dốc Trường Rọ, xã Thạch Ngọc	0,24				0,24		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
46	Đất ở nông thôn	0,70	0,70				Vùng Chùm Lau, xã Thạch Sơn	0,60				0,60		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
47	Đất ở nông thôn	0,70				0,70	Thôn Đinh Hàn, xã Thạch Sơn	0,50				0,50		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
48	Đất ở nông thôn	1,50	1,50				Thôn Yên Trung, xã Tân Lâm Hương	0,66				0,66		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
49	Đất ở nông thôn	0,18	0,18				Thôn Trung Phú, xã Thạch Thắng	0,21				0,21		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã...)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
50	Đất ở nông thôn	0,09	0,09				Thôn Yên Thượng, xã Nam Điền	0,11				0,11		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
51	Đất ở nông thôn	0,15				0,15	Thôn Thống Nhất (Tây Hương cũ), xã Nam Điền	0,18				0,18		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
52	Đất ở nông thôn	0,32				0,32	Thôn Trung Tâm, thôn Ngọc Hà, xã Ngọc Sơn	0,10				0,10		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
53	Đất ở nông thôn (xen dăm) xã Thạch Đình cũ	0,30	0,10			0,20	Toàn xã, xã Đình Bàn	0,27				0,27		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
54	Đất ở nông thôn	0,45				0,45	Thôn Đại Hải, xã Thạch Hải	0,36				0,36		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
55	Đất ở nông thôn	0,12	0,12				Thôn Yên Nghĩa, xã Lưu Vĩnh Sơn	0,16				0,16		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
56	Đất ở nông thôn	0,20	0,20				Lồi Ao, thôn Trần Phú, xã Thạch Trị	0,12				0,12		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
57	Đất ở nông thôn	1,00	1,00				Đông Khấp, thôn Bắc trị, xã Thạch Trị	0,24				0,24		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
58	Đất ở nông thôn	0,80	0,50			0,30	Thôn Tân Thanh, xã Thạch Xuân	0,60				0,60		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
59	Đất ở nông thôn	3,40	3,40				Thôn Phú Sơn, xã Tượng Sơn	0,40				0,40		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
60	Đất ở nông thôn	4,15	4,15				Thôn Hà Thanh, xã Tượng Sơn	5,60				5,60		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
61	Đất ở nông thôn	0,35	0,35				Thôn Nguyên, xã Thạch Liên	0,27				0,27		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
62	Đất ở nông thôn (tái định cư của dự án AFD)	0,42				0,42	Thôn Gia Ngải 1, Xã Thạch Long	0,36				0,36		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
63	Khu TĐC đường cao tốc tại xã Thạch Xuân	0,36	0,34			0,02	Đông Bồng, thôn Tân Thanh, xã Thạch Xuân	0,48		0,48				Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29/4/2022	NQ 71
64	Khu TĐC đường cao tốc tại xã Thạch Ngọc	1,24	1,10			0,14	Đông Cửa Trộc, thôn Ngọc Sơn, xã Thạch Ngọc	1,56		1,56				Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29/4/2022	NQ 71

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
65	Khu TĐC đường cao tốc tại xã Lưu Vĩnh Sơn	4,43	4,03			0,40	Đồng Cửa Trùa, thôn Vĩnh Cát, xã Lưu Vĩnh Sơn	5,85		5,85				Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29/4/2022	NQ 71
66	Khu TĐC đường cao tốc tại xã Tân Lâm Hương	0,34	0,30			0,04	Đồng Vực, thôn Bình Tiến, xã Tân Lâm Hương	0,43		0,43				Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29/4/2022	NQ 71
67	Khu TĐC đường cao tốc tại xã Tân Lâm Hương	1,00	0,90			0,10	Đồng Dung, thôn Văn Bình, xã Tân Lâm Hương	1,28		1,28				Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29/4/2022	NQ 71
68	Khu TĐC đường cao tốc tại xã Nam Điền	0,64	0,62			0,02	Xã Nam Điền	0,88		0,88				Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29/4/2022	NQ 71
69	Quy đất thanh toán cho dự án tháo dỡ, xây mới DZ 110KV và 220KV	0,75	0,25			0,50	Tân Lâm hương, Thạch Đài	1,06		1,06				Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29/4/2022	NQ 71
70	Đất ở nông thôn	0,16				0,16	Thôn Long Minh, xã Việt Tiến	0,06				0,06		Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022	NQ 83
XV	Đất ở đô thị	48,75	35,76			12,99		67,99				6,63	61,36		
1	Đất ở đô thị (xen dăm)	1,7	0,50			1,20	các tổ dân phố, thị trấn Thạch Hà	0,14				0,14		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
2	Đất ở đô thị	1,25	0,58			0,67	Đất ông Bình, đối góc trường mầm non, TDP 11, thị trấn Thạch Hà	3,00				3,00		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
3	Đất ở đô thị	1,26	0,93			0,33	Ngõ ông Phúc, ông Linh, TDP 8, thị trấn Thạch Hà	1,70				1,70		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
4	Khu đô thị mới TDP9, TDP10 (HDB)	38,84	32,25			6,59	Thị trấn Thạch Hà	53,06				53,06		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
5	Khu đô thị và dịch vụ thương mại tổng hợp đồng Cầu Cày	4,20				4,20	Cồn Cỏ Nông, thị trấn Thạch Hà	8,30				8,30		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
6	Đất ở đô thị	1,50	1,50				TDP 9, TDP10 thị trấn Thạch Hà	1,79				1,79		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
XVI	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	1,08	1,08					0,09				0,09			

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
1	Trụ sở Viện Kiểm Sát	0,48	0,48				Tổ dân phố 7, thị trấn Thạch Hà	0,04				0,04		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
2	Trụ sở toà án nhân dân	0,6	0,6				Tổ dân phố 7, thị trấn Thạch Hà	0,05				0,05		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
132	TỔNG B: 132 Danh mục	289,73	159,96			129,77		378,92	5,30	193,19	60,45	55,32	64,65		
167	TỔNG A+B: 167 Danh mục	321,91	183,69	0,50		137,72		408,84	5,30	201,75	62,86	74,27	64,65		

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

**PHỤ LỤC 1.6. TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẦN THU HỒI ĐẤT NĂM 2023
CỦA HUYỆN CẨM XUYÊN**

(Kèm theo Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)+(7)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(10)+...+(14)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
A. Công trình, dự án thu hồi đất đề xuất mới trong năm 2023															
I	Đất xây dựng cơ sở y tế	1,00	1,00					0,48			0,48				
1	Mở rộng Bệnh viện đa khoa huyện Cẩm Xuyên	1,00	1,00				Thị trấn Cẩm Xuyên	0,48			0,48			Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 06/11/2021 của HĐND tỉnh về Quyết định chủ trương đầu tư Dự án nâng cấp, cải tạo Bệnh viện đa khoa huyện Cẩm Xuyên	
II	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	0,93	0,83			0,10		0,49			0,49				
1	Mở rộng trường THCS Mỹ Duệ	0,10				0,10	Xã Cẩm Duệ	0,06			0,06			Quyết định số 2986/QĐ-UBND ngày 17/6/2022 v/v phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất Trường THCS Mỹ Duệ	
2	Mở rộng trường THCS Minh Lạc	0,40	0,40				Xã Cẩm Lạc	0,20			0,20			Nghị quyết số 103/NQ-HĐND ngày 08/07/2022 của HĐND huyện Cẩm Xuyên về việc thông qua dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2023	
3	Trường tiểu học Cẩm Lộc	0,43	0,43				Xã Cẩm Lộc	0,23			0,23			Nghị quyết số 87/NQ-HĐND ngày 31/12/2021 của HĐND huyện Cẩm Xuyên về việc quyết định chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công	
III	Đất giao thông	17,73	10,20	0,30		7,23		16,13			14,58	1,55			

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
1	Đường giao thông vào khu quy hoạch đất dân cư TDP6	0,02				0,02	Thị trấn Cẩm Xuyên	0,15				0,15		Quyết định số 3678/QĐ-UBND ngày 26/07/2022 của UBND huyện Cẩm Xuyên về quy hoạch điều chỉnh khu dân cư	
2	Nâng cấp đường trục xã Cẩm Huy Cũ, đoạn từ QL1A đi ĐH 131	1,75	0,45			1,30	Thị trấn Cẩm Xuyên	3,07			3,07		Nghị quyết số 87/NQ-HĐND ngày 31/12/2021 của HĐND huyện Cẩm Xuyên về việc quyết định chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công		
3	Nâng cấp, mở rộng đường Phạm Lê Đức	0,25	0,10			0,15	Thị trấn Cẩm Xuyên	0,48			0,48		Nghị quyết số 87/NQ-HĐND ngày 31/12/2021 của HĐND huyện Cẩm Xuyên về việc quyết định chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công		
4	Nâng cấp đường vành đai 1, thị trấn Cẩm Xuyên	1,90	0,90			1,00	Thị trấn Cẩm Xuyên	3,60			3,60		Nghị quyết số 87/NQ-HĐND ngày 31/12/2021 của HĐND huyện Cẩm Xuyên về việc quyết định chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công		
5	Nâng cấp đường huyện ĐH 131 (Thạch Bình - Cẩm Thăng)	3,00	2,10			0,90	Xã Cẩm Bình, Cẩm Quang, TT Cẩm Xuyên	2,05			2,05		Nghị quyết 110/NQ-HĐND ngày 17/05/2021 của HĐND huyện Cẩm Xuyên v/v quyết định chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công năm 2021		
6	Xây dựng Cầu qua kênh Xô Viết, thôn Tiên Hưng	0,03				0,03	Xã Cẩm Hưng	0,02			0,02		Nghị quyết số 87/NQ-HĐND ngày 31/12/2021 của HĐND huyện Cẩm Xuyên về việc quyết định chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công		
7	Nâng cấp tuyến đường giao thông nông thôn phục vụ SX nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản kết hợp bảo vệ rừng thôn Trung Tiến	1,08		0,30		0,78	Xã Cẩm Dương	0,14			0,14		Vốn WB và vốn đối ứng theo Quyết định phê duyệt 286/QĐ-BNN-HTQT ngày 21/01/2019		

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
8	Nâng cấp đường huyện ĐH 132 (Cẩm Hưng - Cẩm Lộc)	3,18	2,20			0,98	Xã Cẩm Hưng, Cẩm Thịnh, Cẩm Hà, Cẩm Lộc	2,20			2,20			Nghị quyết 110/NQ-HĐND ngày 17/05/2021 của HĐND huyện Cẩm Xuyên v/v quyết định chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công năm 2021	
9	Nâng cấp tuyến đường giao thông phục vụ sản xuất thôn 3, 6 xã Cẩm Lĩnh (Lạc An - Xứ Bực, thôn 6)	1,40	0,60			0,80	Xã Cẩm Lĩnh	1,00			1,00			Vốn WB và vốn đối ứng theo Quyết định phê duyệt 286/QĐ-BNN-HTQT ngày 21/01/2019	
10	Hạ tầng đường giao thông trong khu dân cư thôn 5 (vùng gần nhà anh Triều)	0,40	0,40				Xã Cẩm Minh	0,22				0,22		Quyết định số 5460/QĐ-UBND ngày 17/10/2022 về Quy hoạch chi tiết đất ở	
11	Nâng cấp tuyến đường giao thông nội đồng phục vụ sản xuất thôn 4,7 xã Cẩm Minh, huyện Cẩm Xuyên	0,75	0,75				Xã Cẩm Minh	0,40			0,40			Vốn WB và vốn đối ứng theo Quyết định phê duyệt 286/QĐ-BNN-HTQT ngày 21/01/2019	
12	Nâng cấp đường Cẩm Quan - Cẩm Duệ	1,36	0,90			0,46	Xã Cẩm Quan, Cẩm Duệ	0,90			0,90			Nghị quyết số 87/NQ-HĐND ngày 31/12/2021 của HĐND huyện Cẩm Xuyên về việc quyết định chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công	
13	Nâng cấp đường trục xã từ trung tâm xã đi kênh N1	1,01	0,80			0,21	Xã Cẩm Sơn	0,70			0,70			Nghị quyết số 87/NQ-HĐND ngày 31/12/2021 của HĐND huyện Cẩm Xuyên về việc quyết định chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công	
14	Nâng cấp đường Cẩm Sơn - Cẩm Thịnh (đường tránh lũ)	1,60	1,00			0,60	Xã Cẩm Sơn, xã Cẩm Thịnh	1,20			1,20			Nghị quyết số 87/NQ-HĐND ngày 31/12/2021 của HĐND huyện Cẩm Xuyên về việc quyết định chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công	
IV	Đất thủy lợi	21,90				21,90		1,00		1,00					
1	Dự án cấp nước khu kinh tế Vũng Áng	21,90				21,90	Xã Cẩm Thịnh	1,00		1,00				Quyết định số 1272/QĐ-UBND ngày 02/05/2012 về việc phê duyệt quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất dự án	
V	Đất công trình năng lượng	0,15	0,15					0,08					0,08		

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
1	Xây dựng tuyến 481 sau TBA 110kv Hà Tĩnh kết nối với đường dây 471E18.9 TBA 110kv Cẩm Xuyên	0,13	0,13				Xã Cẩm Vinh, xã Cẩm Bình	0,07					0,07	Quyết định số 1402/QĐ-UBND ngày 31/08/2022 về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình tuyến 481	
2	Nâng cao độ tin cậy cung cấp điện của lưới điện trung áp 22kV tỉnh Hà Tĩnh theo phương pháp đa chia - đa nối	0,02	0,02				Xã Yên Hòa	0,01					0,01	Quyết định 1289/QĐ-PCHT ngày 30/7/2022 của Công ty Điện lực Hà Tĩnh về việc phê duyệt BCKTKT đầu tư xây dựng công trình Nâng cao độ tin cậy cung cấp điện của lưới điện trung áp 22kV	
VI	Đất công trình bưu chính viễn thông	0,16				0,16		0,08					0,08		
1	Trạm BTS mạng di động Vinaphone tại thôn Hà Vãn	0,04				0,04	Xã Cẩm Lạc	0,02					0,02	Quyết định số 1428/QĐ-VTHT-KTĐT ngày 04/11/2022 của Viễn thông Hà Tĩnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án xây dựng cơ sở hạ tầng các trạm BTS trên địa bàn huyện Cẩm Xuyên	
2	Trạm BTS mạng di động Vinaphone tại thôn Thiên Nộ	0,04				0,04	Xã Cẩm Quan	0,02					0,02	Quyết định số 1428/QĐ-VTHT-KTĐT ngày 04/11/2022 của Viễn thông Hà Tĩnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án xây dựng cơ sở hạ tầng các trạm BTS trên địa bàn huyện Cẩm Xuyên	
3	Trạm BTS mạng di động Vinaphone tại thôn Đồng Bàu	0,04				0,04	Xã Cẩm Thành	0,02					0,02	Quyết định số 1428/QĐ-VTHT-KTĐT ngày 04/11/2022 của Viễn thông Hà Tĩnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án xây dựng cơ sở hạ tầng các trạm BTS trên địa bàn huyện Cẩm Xuyên	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
4	Trạm BTS mạng di động Vinaphone tại thôn Trung Thành	0,04				0,04	Xã Cẩm Trung	0,02					0,02	Quyết định số 1428/QĐ-VTHT-KTĐT ngày 04/11/2022 của Viễn thông Hà Tĩnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án xây dựng cơ sở hạ tầng các trạm BTS trên địa bàn huyện Cẩm Xuyên	
VII	Đất di tích lịch sử - văn hóa	8,50		2,30		6,20		0,78		0,78					
1	Mở rộng khu mộ cổ tổng bí thư Hà Huy Tập	8,50		2,30		6,20	Xã Cẩm Hưng	0,78		0,78				Công văn số 705-CV/TU ngày 26/11/2021 của Tỉnh ủy Hà Tĩnh về trùng tu, tôn tạo khu lưu niệm Tổng bí thư Trần Phú và Tổng bí thư Hà Huy Tập	
VIII	Đất bãi thải, xử lý chất thải	0,05				0,05		0,01				0,01			
1	Xử lý nước thải khu dân cư thôn Trung Thành	0,05				0,05	Xã Cẩm Trung	0,01				0,01		Văn bản số 8605/UBND-NL2 ngày 22/12/2021 của UBND tỉnh về việc thực hiện mô hình xử lý nước thải sinh hoạt khu dân cư tập trung tại các địa phương	
IX	Đất ở tại nông thôn	18,13	16,79			1,34		10,11			7,30	2,81			
1	Đất ở khu trung tâm xã Cẩm Bình	6,30	6,30				Xã Cẩm Bình	3,30			3,30			Văn bản số 2225/UBND-XD1 ngày 05/05/2022 của UBND tỉnh về việc soát xét, tham mưu về đề xuất lập quy hoạch chi tiết khu dân cư thôn Đông Nam Lý, xã Cẩm Bình	
2	Đất ở đồng Nương Cộ Ngoài (thôn Nguyễn Đồi)	0,60	0,60				Xã Cẩm Hà	0,32				0,32		Quyết định số 4878/QĐ-UBND ngày 26/10/2021 của UBND huyện về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết đất ở	
3	Đất ở vùng gần chợ ông Khoa (thôn Đông Tây Xuân)	0,10	0,10				Xã Cẩm Hà	0,05				0,05		Quyết định số 2335/QĐ-UBND ngày 29/5/2018 về quy hoạch chi tiết đất ở	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
4	Đất ở vùng sân bóng cũ (thôn Đình Hồ)	0,30				0,30	Xã Cẩm Lạc	0,16				0,16		Quyết định số 4451/QĐ-UBND ngày 06/08/2012 của UBND huyện về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết phân lô đất ở	
5	Đất ở vùng gần trường mầm non (thôn Minh Lộc)	0,35	0,35				Xã Cẩm Lộc	0,18				0,18		Bản vẽ quy hoạch dân cư thôn 4,5 cũ (thôn Minh Lộc) do UBND huyện phê duyệt	
6	Đất ở thôn 3	0,09				0,09	Xã Cẩm Minh	0,07				0,07		Quyết định số 6223/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 về Quy hoạch chi tiết đất ở	
7	Đất ở thôn 4	0,15				0,15	Xã Cẩm Minh	0,08				0,08		Quyết định số 4122/QĐ-UBND ngày 29/6/2012 về Quy hoạch chi tiết đất ở	
8	Đất ở thôn 5 (vùng gần sân thể thao thôn 6 cũ)	0,10				0,10	Xã Cẩm Minh	0,06				0,06		Quyết định số 1983/QĐ-UBND ngày 07/5/2018 về Quy hoạch chi tiết đất ở	
9	Đất ở thôn 5 (vùng gần nhà anh Triều)	0,40	0,40				Xã Cẩm Minh	0,23				0,23		Quyết định số 5460/QĐ-UBND ngày 17/10/2022 về Quy hoạch chi tiết đất ở	
10	Đất ở thôn 5 (vùng gần nhà ông Nguyễn Công Tam, thôn 5)	0,06				0,06	Xã Cẩm Minh	0,05				0,05		Quyết định số 2961/QĐ-UBND 13/7/2021 về QH chi tiết khu dân cư	
11	Đất ở thôn 7	0,06				0,06	Xã Cẩm Minh	0,03				0,03		Bản vẽ quy hoạch chi tiết phân lô đất dân cư thôn 7, xã Cẩm Minh do UBND phê duyệt ngày 16/05/2005	
12	Đất ở thôn 9	0,06				0,06	Xã Cẩm Minh	0,05				0,05		Quyết định số 4122/QĐ-UBND ngày 29/6/2012 về Quy hoạch chi tiết đất ở	
13	Đất ở vùng Cây Đa (thôn Quốc Tuấn)	0,12				0,12	Xã Cẩm Mỹ	0,06				0,06		Quyết định số 2333/QĐ-UBND ngày 29/05/2018 của UBND huyện về việc phê duyệt quy hoạch phân lô đất ở	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
14	Đất ở vùng Nguyễn Bút, gần nhà ông Khoan (thôn Mỹ Đông)	0,07				0,07	Xã Cẩm Mỹ	0,01				0,01		Quyết định số 4263/QĐ-UBND ngày 19/08/2022 của UBND huyện về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch xen ghép đất ở khu dân cư thôn Mỹ Đông	
15	Đất ở thôn Vĩnh Phú, Thanh Mỹ, Thượng Long	0,50	0,50				Xã Cẩm Quan	0,33				0,33		Quyết định số 5103/QĐ-UBND ngày 11/11/2021 của UBND huyện v/v phân lô đất ở khu dân cư nông thôn	
16	Đất ở vùng Thọ Sơn (giao đất)	0,09				0,09	Xã Cẩm Sơn	0,01				0,01		Quyết định số 5058/QĐ-UBND ngày 10/11/2021 của UBND huyện v/v phê duyệt quy hoạch phân lô đất ở dân cư vùng gần nhà ông Dương, thôn Thọ Sơn và vùng gần nhà ông Đoàn, thôn Vĩnh Sơn	
17	Đất ở vùng Lĩnh Sơn (giao đất)	0,02				0,02	Xã Cẩm Sơn	0,01				0,01		Quyết định số 3984/QĐ-UBND ngày 28/9/2018 của UBND huyện v/v phê duyệt quy hoạch phân lô đất ở dân cư thôn An Sơn, thôn Thọ Sơn và thôn Lĩnh Sơn	
18	Đất ở vùng Phúc Sơn (đấu giá)	0,24	0,24				Xã Cẩm Sơn	0,13				0,13		Quyết định số 4815/QĐ-UBND ngày 20/10/2021 của UBND huyện v/v thu hồi đất nông nghiệp để thực hiện dự án: quy hoạch đất ở vùng Khoai Bọp Gát thôn 7 (nay là thôn Phúc Sơn)	
19	Đất ở vùng Lĩnh Sơn (đấu giá)	0,24	0,24				Xã Cẩm Sơn	0,13				0,13		Quyết định số 1984/QĐ-UBND 08/05/2018 về QH chi tiết khu dân cư	
20	Đất ở thôn Bộc Nguyên	0,15	0,15				Xã Cẩm Thạch	0,11				0,11		Quyết định số 4743/QĐ-UBND ngày 09/09/2022 về quy hoạch chi tiết đất ở	
21	Đất ở thôn Xuân Lâu	0,12				0,12	Xã Cẩm Thạch	0,23				0,23		Quyết định số 5056/QĐ-UBND ngày 22/9/2022 về quy hoạch chi tiết đất ở	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
22	Đất ở, kết hợp TMDV vùng Ổ Gà dưới (thôn Đông Hạ, Tam Đồng)	7,00	7,00				Xã Cẩm Vĩnh	4,00			4,00			Văn bản số 4479/UBND-XD1 ngày 15/08/2022 của UBND tỉnh về việc lập quy hoạch chi tiết khu dân cư thôn Đông Hạ, xã Cẩm Vĩnh	
23	Đất ở vùng gần sân thể thao thôn 5 cũ (thôn Hưng Quang)	0,21	0,21				Xã Nam Phúc Thăng	0,11				0,11		Quyết định số 5059/QĐ-UBND ngày 22/09/2022 về phê duyệt quy hoạch đất ở chi tiết	
24	Xen dầm đất ở vùng Thống Tiết, vùng gần ông Lê Thông (thôn Tây Nguyên)	0,10			0,10		Xã Nam Phúc Thăng	0,01				0,01		Quyết định số 5059/QĐ-UBND ngày 22/09/2022 về phê duyệt quy hoạch đất ở chi tiết	
25	Đất ở vùng gần nhà bà Hồng (thôn Nam Yên)	0,30	0,30				Xã Nam Phúc Thăng	0,17				0,17		Quyết định số 5059/QĐ-UBND ngày 22/09/2022 về phê duyệt quy hoạch đất ở chi tiết	
26	Đất ở thôn Bình Thọ	0,40	0,40				Xã Yên Hòa	0,22				0,22		Quyết định số 5048/QĐ-UBND ngày 03/10/2016 về quy hoạch chi tiết đất ở	
X	Đất ở tại đô thị	0,38	0,33			0,05		0,18				0,18			
1	Đất ở vùng nhà ông Nhiên (TDP Tân Phú)	0,23	0,18			0,05	Thị trấn Thiên Cẩm	0,09				0,09		Quyết định số 5057/QĐ-UBND ngày 22/09/2022 về quy hoạch chi tiết phân lô đất ở	
2	Đất ở vùng nhà ông Việp (TDP Trần Phú)	0,15	0,15				Thị trấn Thiên Cẩm	0,09				0,09		Quyết định số 5057/QĐ-UBND ngày 22/09/2022 về quy hoạch chi tiết phân lô đất ở	
XI	Đất sinh hoạt cộng đồng	0,14	0,14					0,07				0,07			
1	Nhà văn hoá thôn Đại Tăng	0,14	0,14				Xã Cẩm Thạch	0,07				0,07		Quyết định số 3784/QĐ-UBND ngày 06/08/2021 về quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất nhà văn hóa thôn Đại Tăng	
56	Tổng A: 56 Danh mục	69,07	29,44	2,60	21,90	15,13		29,41		1,78	22,85	4,62	0,16		
B. Công trình, dự án cần thu hồi đất đã được HĐND tỉnh thông qua tại các Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021, Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29/4/2022, Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 nay chuyển sang thực hiện trong năm 2023															
I	Đất cụm công nghiệp	18,41	13,41			5,00		10,06					10,06		

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
1	Cụm công nghiệp Cẩm Nhượng	5,00				5,00	Xã Cẩm Nhượng	2,93					2,93	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
2	Cụm công nghiệp Bắc Cẩm Xuyên (phần đất chưa cho thuê)	13,41	13,41				Xã Cẩm Vĩnh	7,13					7,13	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
II	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	4,46	0,94			3,52		2,91					2,91		
1	Công trình thu trạm bơm cấp I của Nhà nước máy Nam Cẩm Xuyên (tại vùng sông Rác, thôn Hoa Thám, xã Cẩm Lạc)	0,02				0,02	Xã Cẩm Lạc	2,12					2,12	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
2	Nhà máy nước và hệ thống đường ống Nam Cẩm Xuyên (Khu vực nhà máy-tại vùng Núi Tròn, thôn Hoa Thám, xã Cẩm Lạc)	3,50				3,50	Xã Cẩm Minh, Cẩm Lạc, Cẩm Sơn, Cẩm Thịnh, Cẩm Trung, Cẩm Lộc, Cẩm Hà, Cẩm Lĩnh, Cẩm Hưng, Cẩm Nhượng, Nam Phúc Thăng, và thị trấn Thiên	0,36					0,36	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
3	Trụ sở điều hành của Nhà máy nước Nam Cẩm Xuyên và trạm bơm tăng áp (tại vùng Đập Bóm, thôn Hương Sơn, xã Cẩm Sơn)	0,94	0,94				Xã Cẩm Sơn	0,43					0,43	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
III	Đất xây dựng cơ sở y tế	0,25				0,25		0,05					0,05		
1	Trạm y tế xã Cẩm Bình (lây từ đất UBND cũ tại thôn Bình Quang)	0,25				0,25	Xã Cẩm Bình	0,05					0,05	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
IV	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	5,56	4,78			0,78		3,76			0,40	3,36			
1	Mở rộng trường THPT Cẩm Bình (thôn Tân An)	0,53				0,53	Xã Cẩm Bình	0,24			0,24			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
2	Mở rộng trường Tiểu học Cẩm Duệ tại thôn Trần Phú	0,15				0,15	Xã Cẩm Duệ	0,08			0,08			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
3	Mở rộng Trường mầm non Cẩm Hà	0,15	0,15				Xã Cẩm Hà	0,08			0,08			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã...)	Khái toán kinh phí	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
4	Trường Tiểu học Cẩm Hưng (thôn Thăng Thành)	2,97	2,87			0,10	Xã Cẩm Hưng	1,50				1,50		Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022	
5	Mở rộng trường mầm non xã Cẩm Minh	0,46	0,46				Xã Cẩm Minh	0,21				0,21		Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022	
6	Xây dựng mới Trường Mầm Non xã Cẩm Quan tại thôn Thanh Sơn (điều chỉnh sang vị trí mới)	1,10	1,10				Xã Cẩm Quan	1,57				1,57		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
7	Mở rộng trường Tiểu học Cẩm Thành (thôn Đồng Bàu)	0,20	0,20				Xã Cẩm Thành	0,08				0,08		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
V	Đất giao thông	87,20	0,78			86,42		5,88		2,00	1,55	2,33			
1	Đất giao thông lấy từ đất trồng cây lâu năm	3,00				3,00	Các xã, Thị trấn	1,76				1,76		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
2	Cải tạo, nâng cấp quốc lộ QL8C	1,88	0,58			1,30	TT Thiên Cẩm, xã Nam Phúc Thăng, TT Cẩm Xuyên	1,00		1,00				Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022	
3	Nâng cấp tuyến đường giao thông phục vụ sản xuất từ đường Hưng Hà đến thôn Nguyễn Đồi, xã Cẩm Hà	0,42	0,20			0,22	Xã Cẩm Hà	0,30				0,30		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
4	Xây dựng cầu Truộc Nhãng, xã Cẩm Lạc	0,40				0,40	Xã Cẩm Lạc	0,12				0,12		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
5	Đường gom Quốc lộ 15B	0,06				0,06	Xã Cẩm Lĩnh	0,18			0,18			Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022	
6	Đường trục xã TX05	0,54				0,54	Xã Cẩm Mỹ	0,13				0,13		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
7	Đường nối đường gom từ đường QL 15B vào cụm công nghiệp Cẩm Nhượng	0,80				0,80	Xã Cẩm Nhượng	0,12			0,12			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
8	Dự án khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Cửa Nhượng	73,80				73,80	Xã Cẩm Nhượng, Cẩm Lĩnh	1,00		1,00				Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
9	Điểm nút giao thông và đất công cộng trước trường Đại Học, xã Cẩm Vĩnh	0,40				0,40	Xã Cẩm Vĩnh	0,02				0,02		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
10	Đường giao thông liên xã LX.03 từ thị trấn Thiên Cẩm đi Yên Hòa	5,90				5,90	Xã Yên Hòa, Cẩm Dương, Thị trấn Thiên Cẩm	1,25			1,25			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
	Đất thủy lợi	42,95	1,41			41,54		12,76			12,53	0,23			
1	Dự án tăng cường khả năng tiêu thoát lũ vùng hạ du công trình thủy lợi Kê Gõ, tỉnh Hà Tĩnh (đoạn qua huyện Cẩm Xuyên)	42,65	1,26			41,39	Xã Cẩm Duệ, Cẩm Hưng, Cẩm Mỹ, Cẩm Nhung, Cẩm Quan, Cẩm Quang, TT. Cẩm Xuyên, Thị trấn Thiên Cẩm, Yên Hòa, Cẩm	12,53			12,53			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
2	Dự án nâng cấp tuyến mương nội đồng phục vụ sản xuất nông nghiệp từ kênh N6 đến xứ đồng Sắn, xã Cẩm Hà	0,30	0,15			0,15	Xã Cẩm Hà	0,23				0,23		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
VI	Đất công trình năng lượng	10,91	1,24			9,67		1,59					1,59		
1	Đường dây 500KV Quảng Trạch - Quỳnh Lưu (Đường dây 500kV Nhiệt điện Vũng Áng 3 – Quỳnh Lập), đoạn qua huyện Cẩm Xuyên)	9,92	0,75			9,17	Các xã: Cẩm Minh, Cẩm Lạc, Cẩm Sơn, Cẩm Thịnh, Cẩm Hưng, Cẩm Quan, Cẩm Mỹ, Cẩm Duệ, Cẩm Thạch	0,97					0,97	Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022	
2	Mạch vòng 22kV TBA 110kV Cẩm Xuyên (E18.9) và TBA 110KV Thạch Linh (E 18.1) huyện Cẩm Xuyên và thành phố Hà Tĩnh	0,10	0,05			0,05	Thị trấn Cẩm Xuyên, Cẩm Quang, Cẩm Bình,	0,02					0,02	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
3	Nhà máy điện mặt trời Cẩm Hưng (cho thuê phần diện tích đất còn lại theo quy hoạch)	0,12				0,12	Xã Cẩm Hưng	0,01					0,01	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
4	Nhà máy Thủy điện Sông Rác	0,20				0,20	Xã Cẩm Lạc	0,06					0,06	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
5	Cải tạo mạch vòng 35kV giữa TBA 110kv Kỳ Anh và TBA 110kv Cẩm Xuyên	0,18	0,17			0,01	Xã Cẩm Minh, Cẩm Lạc, Cẩm Lộc, Cẩm Thịnh, Cẩm Trung, Cẩm	0,10					0,10	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
6	Dự án Mạch vòng 22 kV TBA 110 kV Cẩm Xuyên (E18.9) và TBA 110 kV Thạch Linh; (E18.1)- huyện Cẩm Xuyên và thành phố Hà Tĩnh	0,09	0,07			0,02	Xã Cẩm Quang, Cẩm Thành, Cẩm Bình, Cẩm Vĩnh và TT. Cẩm Xuyên	0,32					0,32	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
7	Xây dựng DZ, TBA giảm tổn thất điện năng, nâng cao chất lượng điện áp khu vực huyện Cẩm Xuyên	0,30	0,20			0,10	Xã Cẩm Vĩnh, Cẩm Thành, Cẩm Trung, Cẩm Lạc, Cẩm Thịnh, Cẩm Lĩnh, Cẩm Duệ, Cẩm Lộc, Cẩm Hà, Cẩm Thạch,	0,11					0,11	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
VII	Đất công trình bưu chính viễn thông	0,47	0,08			0,39		0,19					0,19		
1	Trạm BTS mạng di động Vinaphone tại thôn Bình Quang	0,04				0,04	Xã Cẩm Bình	0,02					0,02	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
2	Trạm BTS mạng di động Vinaphone tại thôn 4	0,04	0,04				Xã Cẩm Lĩnh	0,02					0,02	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
3	Trạm BTS mạng di động Vinaphone thôn Đông Phong	0,03				0,03	Xã Cẩm Lộc	0,01					0,01	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
4	Bưu điện văn hóa xã, thôn Mỹ Sơn	0,03				0,03	Xã Cẩm Mỹ	0,02					0,02	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
5	Trạm BTS mạng di động Vinaphone tại Dốc Miếu, thôn Mỹ Sơn	0,03				0,03	Xã Cẩm Mỹ	0,01					0,01	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
6	Trạm BTS mạng di động Vinaphone tại thôn Liên Thành	0,04				0,04	Xã Cẩm Nhượng	0,01					0,01	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
7	Trạm BTS mạng di động Vinaphone tại thôn 2	0,04	0,04				Xã Cẩm Quang	0,02					0,02	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
8	Trạm BTS mạng di động Vinaphone tại thôn Vinh Sơn	0,04				0,04	Xã Cẩm Sơn	0,02					0,02	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
9	Trạm BTS mạng di động Vinaphone tại thôn Yên Khánh	0,03				0,03	Xã Cẩm Vịnh	0,01					0,01	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
10	Trạm BTS mạng di động Vinaphone tại thôn 1	0,04				0,04	Xã Nam Phúc Thăng	0,01					0,01	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
11	Trạm BTS mạng di động Vinaphone tại thôn Xuân Lâu	0,03				0,03	Xã Cẩm Thạch	0,01					0,01	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
12	Trạm BTS mạng di động Vinaphone tại thôn Nhân Hòa	0,04				0,04	Xã Yên Hòa	0,02					0,02	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
13	Trạm BTS mạng di động Vinaphone tại TDP 2	0,04				0,04	Thị trấn Cẩm Xuyên	0,01					0,01	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
VIII	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	0,04				0,04		0,01					0,01		
1	Xây dựng bia chứng tích thôn Xuân Nam	0,04				0,04	Xã Cẩm Nhượng	0,01					0,01	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
IX	Đất bãi thải, xử lý chất thải	17,00				17,00		1,17					1,17		
1	Vùng đệm nhà máy xử lý rác	17,00				17,00	Xã Cẩm Quan	1,17				1,17		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
X	Đất ở tại nông thôn	50,23	38,42			11,81		18,81		3,82	0,09	13,97	0,93		
1	Đất ở vùng gần nhà ông Quyền, thôn Bình Minh; vùng tuyến 2 quốc lộ 1, thôn Tân An	0,03	0,03				Xã Cẩm Bình	0,03				0,03		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
2	Đất ở giáp đường 26/3, thôn Bình Quang (thôn Trung trạm cũ)	0,60	0,60				Xã Cẩm Bình	0,32				0,32		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
3	Đất ở dân cư vùng Hạ Bài thôn Bình Minh, thôn Yên Bình (thôn Bắc Tiến cũ)	0,35	0,35				Xã Cẩm Bình	0,20				0,20		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
4	Đất ở thôn Đông Vinh, thôn Vinh Thái, thôn Bình Minh, thôn Bình Quang (thôn Quang Châu, thôn Trung Trạm cũ), thôn Đông Trung, thôn Yên Bình (thôn Bắc Tiến, thôn Nam Tiến cũ), thôn Bình Luật, thôn Tân An, thôn Đông Nam Lý	0,60	0,30			0,30	Xã Cẩm Bình	0,32				0,32		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
5	Đất ở vùng Miếu, thôn Thống Nhất	0,15	0,15				Xã Cẩm Duệ	0,08				0,08		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
6	Đất ở vùng đường Duệ - Thạch	0,60	0,50			0,10	Xã Cẩm Duệ	0,48				0,48		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
7	Đất ở vùng Bàu Rầy, thôn Phú Thượng	0,10	0,10				Xã Cẩm Duệ	0,05				0,05		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
8	Đất ở xen dăm toàn xã	0,20	0,10			0,10	Xã Cẩm Duệ	0,08				0,08		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
9	Đất ở gần sân thể thao thôn Quốc Tiến, gần nhà anh Phạm Tài	0,08				0,08	Xã Cẩm Duệ	0,01				0,01		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
10	Đất ở vùng đường gần kênh N1, thôn Tân Mỹ	0,05				0,05	Xã Cẩm Duệ	0,01				0,01		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
11	Tái định cư cao tốc, thôn Thống Nhất	3,36	2,75			0,61	Xã Cẩm Duệ	1,39		1,39				Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29/4/2022	
12	Đất ở Vùng Bàu khoán, thôn Ái Quốc	0,10				0,10	Xã Cẩm Duệ	0,06				0,06		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
13	Đất ở vùng gần Cầu Bến Voi và nhà văn hóa cũ thôn Quang Trung	0,68	0,68				Xã Cẩm Duệ	0,34				0,34		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
14	Đất ở thôn Trung Dương, Trung Tiến (đầu giá)	1,20	1,20				Xã Cẩm Dương	0,35				0,35		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
15	Đất ở vùng gần nhà ông Nghĩa, thôn Nguyễn Đồi, Đồng Xuân, thôn Vinh Lộc	0,04	0,04				Xã Cẩm Hà	0,02				0,02		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
16	Đất ở tại nông thôn vùng Nương Cộ và vùng gần nhà ông Dương Nhi, thôn Nguyễn Đồi	0,19	0,19				Xã Cẩm Hà	0,19				0,19		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
17	Đất ở vùng Kênh Bắc, thôn Hưng Tiến	0,42	0,42				Xã Cẩm Hưng	0,21				0,21		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
18	Đất ở vùng gần trại anh Hà thôn Thăng Thành	0,40				0,40	Xã Cẩm Hưng	0,21				0,21		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
19	Đất ở thôn Hưng Dương	0,02	0,02				Xã Cẩm Hưng	0,06				0,06		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
20	Tái định cư cao tốc, thôn Hưng Tân	1,40				1,40	Xã Cẩm Hưng	0,10		0,10				Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29/4/2022	
21	Đất ở vùng dọc đường Trung Lạc, thôn Yên Lạc	0,85	0,85				Xã Cẩm Lạc	0,43				0,43		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
22	Đất ở vùng Cồn Gát, thôn Quang Trung 2	0,15				0,15	Xã Cẩm Lạc	0,09				0,09		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
23	Đất ở xen dầm thôn Đình Hồ	0,05				0,05	Xã Cẩm Lạc	0,03				0,03		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
24	Đất ở xen dầm thôn Đình Phùng	0,20	0,10			0,10	Xã Cẩm Lạc	0,11				0,11		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
25	Tái định cư cao tốc, thôn Hưng Đạo, thôn Lạc Thọ, thôn Hà Văn	4,05	3,14			0,91	Xã Cẩm Lạc	2,00				2,00		Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29/4/2022	
26	Đất ở thôn 4	1,00	1,00				Xã Cẩm Linh	0,46				0,46		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
27	Đất ở thôn 3	0,90	0,90				Xã Cẩm Linh	0,69				0,69		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
28	Đất ở thôn 1	0,50	0,50				Xã Cẩm Linh	0,23				0,23		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
29	Giao đất tái định cư vùng sạt lở nguy hiểm, thôn 1	0,20	0,20				Xã Cẩm Linh	0,09			0,09			Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022	
30	Đất ở gần sân bóng, thôn 3	0,25				0,25	Xã Cẩm Minh	0,27				0,27		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
31	Tái định cư cao tốc, thôn 1	2,17	2,17				Xã Cẩm Minh	1,00		1,00				Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29/4/2022	
32	Đất ở vùng đồng Trầm Cừ, thôn 5 (các hộ ảnh hưởng đường cao tốc)	0,50	0,50				Xã Cẩm Minh	0,23				0,23		Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022	
33	Đất ở tại nông thôn, Đầu giá, thôn Mỹ Lâm	0,20				0,20	Xã Cẩm Mỹ	0,11				0,11		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
34	Đất ở vùng Cựa Kho, thôn Mỹ Lâm	0,15				0,15	Xã Cẩm Mỹ	0,08				0,08		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
35	Đất ở thôn Liên Thành	0,35				0,35	Xã Cẩm Nhượng	0,01				0,01		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
36	Đất ở nông thôn thu hồi của công ty Công ty Vật liệu xây dựng chất đốt Nghệ Tĩnh, thôn Mỹ Am	2,14	0,50			1,64	Xã Cẩm Quan	0,27				0,27		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
37	Đất ở vùng nhà anh Hán Kiên - anh Hải, thôn Thiện Nộ	0,15	0,15				Xã Cẩm Quan	0,07				0,07		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
38	Đất ở (vùng gần nhà anh Quang) thôn Thanh Mỹ	0,30	0,30				Xã Cẩm Quan	0,16				0,16		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
39	Đất ở vùng sau Nhà Tuyên Liệu, thôn Vĩnh Phú	0,15	0,15				Xã Cẩm Quan	0,07				0,07		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
40	Đất ở xen dầm thôn Mỹ Am	0,12				0,12	Xã Cẩm Quan	0,06				0,06		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
41	Đất ở đường Quang Yên Hòa, thôn 5, thôn 6	0,40	0,40				Xã Cẩm Quang	0,22				0,22		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Cơ sở pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
42	Đất ở vùng thôn 9	0,25	0,25				Xã Cẩm Quang	0,13				0,13		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
43	Đất ở vùng thôn 2,3	0,20	0,20				Xã Cẩm Quang	0,11				0,11		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
44	Đất ở vùng đồng Đường Quan	0,24	0,24				Xã Cẩm Sơn	0,22				0,22		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
45	Tái định cư cao tốc, thôn Thượng Sơn	2,12	2,03			0,09	Xã Cẩm Sơn	0,05		0,05				Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29/4/2022	
46	Đất ở nông thôn, thôn Cẩm Đồng	0,04	0,04				Xã Cẩm Thạch	0,10				0,10		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
47	Đất ở thôn Mỹ Thành	0,80	0,70			0,10	Xã Cẩm Thạch	0,37				0,37		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
48	Đất ở thôn Đại Tăng	0,35	0,35				Xã Cẩm Thạch	0,18				0,18		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
49	Đất ở thôn Mỹ Thành	0,40	0,40				Xã Cẩm Thạch	0,20				0,20		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
50	Đất ở thôn Na Trung	0,63	0,63				Xã Cẩm Thạch	0,32				0,32		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
51	Tái định cư cao tốc, thôn Na Trung	1,82	1,81			0,01	Xã Cẩm Thạch	0,82		0,82				Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29/4/2022	
52	Đất ở thôn An Việt	0,10	0,10				Xã Cẩm Thành	0,05				0,05		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
53	Đất ở thôn Nam Bắc Thành	0,20	0,20				Xã Cẩm Thành	0,11				0,11		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
54	Đất ở thôn Kênh	0,30	0,30				Xã Cẩm Thành	0,16				0,16		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
55	Đất ở thôn Tân Vĩnh Cần	0,30	0,30				Xã Cẩm Thành	0,21				0,21		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
56	Đất ở thôn Hưng Mỹ	0,30	0,30				Xã Cẩm Thành	0,16				0,16		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
57	Đất ở thôn Đông Nam Lộ	0,30	0,30				Xã Cẩm Thành	0,16				0,16		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
58	Đất ở thôn Đồng Bàu	0,20	0,20				Xã Cẩm Thành	0,11				0,11		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
59	Đất ở thôn Đông Mỹ	0,18	0,18				Xã Cẩm Thành	0,05				0,05		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
60	Đất ở thôn Lai Trung	0,32	0,32				Xã Cẩm Thịnh	0,17				0,17		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Cơ sở pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
61	Đất ở vùng Hồ Thượng Tuy (vùng Động Đụn thôn Hòa Sơn)	0,05				0,05	Xã Cẩm Thịnh	0,01				0,01		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
62	Đất ở thôn Tiến Thắng, Sơn Nam, Sơn Trung, Hòa Sơn, Đông Thuận, Tân Thuận, Yên Trung, Lai Trung, Lai Lộc	0,90				0,90	Xã Cẩm Thịnh	0,01				0,01		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
63	Tái định cư cao tốc, thôn 5 thôn Hoàng Sơn (thôn 5 cũ), thôn Sơn Nam	1,50	1,00			0,50	Xã Cẩm Thịnh	0,46		0,46				Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29/4/2022	
64	Đất ở vùng các nhà văn hóa cũ thôn Nam Thành	0,04				0,04	Xã Cẩm Trung	0,01				0,01		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
65	Đất ở thôn Trung Thành, Quyết Tâm, Trung Thịnh, Trung Tiến, Nam Thành	0,15				0,15	Xã Cẩm Trung	0,01				0,01		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
66	Đất ở vùng Ràng Vịt thôn trung Thành	0,70	0,70				Xã Cẩm Trung	0,35				0,35		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
67	Đất ở vùng Con Hộc, Thôn Tam Trung và Vùng Ô Ga dưới - thôn Đông Hạ	1,00	1,00				Xã Cẩm Vịnh	0,53				0,53		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
68	Đất xem dấm vùng sân thể thao cũ, vùng Nuong Mụ, thôn Ngụ Phúc	0,02				0,02	Xã Cẩm Vịnh	0,01				0,01		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
69	Dự án Hạ tầng khu dân cư đô thị và thương mại - dịch vụ Cẩm Vịnh, huyện Cẩm Xuyên	7,27	6,98			0,29	Xã Cẩm Vịnh	0,93					0,93	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
70	Đất ở vùng Nuong Mụ, thôn Ngụ Phúc	0,70	0,70				Xã Cẩm Vịnh	0,37				0,37		Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022	
71	Đất ở thôn Tây Nguyên, Yên Thành, Nam Thành, Tiến Hưng, Tây Đông, Trung Bá, Đông Khê	1,00	0,60			0,40	Xã Nam Phúc Thăng	0,32				0,32		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
72	Đất ở thôn Phúc Tiến, Phúc Trung, Phúc Thịnh, Hưng Quang, Vĩnh Phúc	0,70				0,70	Xã Nam Phúc Thăng	0,01				0,01		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
73	Đất ở thôn Phong Hầu	0,06				0,06	Xã Nam Phúc Thăng	0,01				0,01		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
74	Đất ở thôn Đông Cao	0,09				0,09	Xã Nam Phúc Thăng	0,01				0,01		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
75	Đất ở thôn Trường Yên	0,06				0,06	Xã Nam Phúc Thăng	0,01				0,01		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã...)	Khái toán kinh phí	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
76	Đất ở thôn Trung Tiến	0,06				0,06	Xã Nam Phúc Thăng	0,01				0,01		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
77	Đất ở thôn Tân Trường	0,06				0,06	Xã Nam Phúc Thăng	0,01				0,01		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
78	Đất ở thôn Hà Phúc Đồng	0,09				0,09	Xã Nam Phúc Thăng	0,01				0,01		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
79	Đất ở thôn Bắc Hòa	0,20				0,20	Xã Yên Hòa	0,29				0,29		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
80	Đất ở thôn Minh Lạc	0,30	0,30				Xã Yên Hòa	0,15				0,15		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
81	Đất ở thôn Rạng Đông	0,64				0,64	Xã Cẩm Dương	0,34				0,34		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
82	Đất ở thôn Nam Thành	0,12				0,12	Xã Cẩm Dương	0,04				0,04		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
83	Đất ở thôn Trung Tiến	0,06				0,06	Xã Cẩm Dương	0,03				0,03		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
84	Đất ở thôn Hoàng Vân	0,06				0,06	Xã Cẩm Dương	0,01				0,01		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
XI	Đất ở tại đô thị	24,34	18,05			6,29		10,42				1,20	9,22		
1	Đất ở vùng Hoang Chính, TDP 1	0,20	0,20				Thị trấn Cẩm Xuyên	0,11				0,11		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
2	Đất ở tổ dân phố 7 (gần nhà ông Thành)	0,15	0,15				Thị trấn Cẩm Xuyên	0,08				0,08		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
3	Đất ở TDP 9 (ven sông Hội)	21,29	17,00			4,29	Thị trấn Cẩm Xuyên	9,22					9,22	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
4	Đất ở Đồng Muối, TDP Tân Phú	0,50				0,50	Thị trấn Thiên Cẩm	0,01				0,01		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
5	Đất ở Vùng TDP Nhân Hòa	0,70	0,70				Thị trấn Thiên Cẩm	0,30				0,30		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
6	Đất xen dăm; giao đất nhỏ hẹp trong khu dân cư	1,50				1,50	TT Thiên Cẩm, Thị trấn Cẩm Xuyên	0,70				0,70		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
XII	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	0,44	0,44					0,24				0,24			
1	Mở rộng trụ sở Trung tâm quản lý nước sạch huyện Cẩm Xuyên	0,15	0,15				Thị trấn Cẩm Xuyên	0,08				0,08		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
2	Xây dựng trụ sở Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Xuyên	0,29	0,29				Thị trấn Cẩm Xuyên	0,16				0,16		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
XIII	Đất cơ sở tôn giáo	0,24				0,24		0,01					0,01		

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
1	Mở rộng giáo xứ Vạn Thành, thôn Đại Tăng	0,24				0,24	Xã Cẩm Thạch	0,01					0,01	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
XIV	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	21,91	15,51			6,40		11,19				11,19			
1	Mở rộng nghĩa trang Cửa Thờ, TDP 4 (Nghĩa trang tổ dân phố 4)	1,91	1,91				Thị trấn Cẩm Xuyên	1,07				1,07		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
2	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	20,00	13,60			6,40	Xã Cẩm Dương, Thị trấn Thiên Cẩm	10,12				10,12		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
XV	Đất sinh hoạt cộng đồng	2,50	1,84			0,66		1,01				1,01			
1	Nhà văn hóa thôn Thống Nhất	0,80	0,80				Xã Cẩm Duệ	0,43				0,43		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
2	Nhà văn hóa thôn 5	0,10				0,10	Xã Cẩm Minh	0,05				0,05		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
3	Mở rộng nhà văn hóa thôn Phúc Hải	0,02				0,02	Xã Cẩm Nhượng	0,01				0,01		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
4	Nhà văn hóa thôn Chùa	0,12				0,12	Xã Cẩm Nhượng	0,01				0,01		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
5	Nhà văn hóa thôn Hải Bắc, Xuân Bắc	0,15				0,15	Xã Cẩm Nhượng	0,01				0,01		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
6	Mở rộng nhà văn hóa thôn Trung Nam	0,05	0,05				Xã Cẩm Thành	0,03				0,03		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
7	Nhà văn hóa TDP 9	0,20	0,20				Thị trấn Cẩm Xuyên	0,11				0,11		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
8	Nhà văn hóa TDP 6	0,20				0,20	Thị trấn Cẩm Xuyên	0,10				0,10		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
9	Mở rộng nhà văn hóa TDP 16	0,09	0,09				Thị trấn Cẩm Xuyên	0,01				0,01		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
10	Nhà văn hóa, thôn 2	0,15	0,15				Xã Nam Phúc Thăng	0,08				0,08		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
11	Nhà văn hóa, thôn 5	0,15	0,15				Xã Nam Phúc Thăng	0,08				0,08		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
12	Nhà văn hóa, thôn 4	0,10	0,10				Xã Nam Phúc Thăng	0,05				0,05		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
13	Nhà văn hóa thôn Đại Hòa	0,07				0,07	Xã Yên Hòa	0,01				0,01		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
14	Nhà văn hóa thôn Yên Giang	0,10	0,10				Xã Yên Hòa	0,01				0,01		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
15	Nhà văn hóa thôn Yên Quý	0,10	0,10				Xã Yên Hòa	0,01				0,01		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
16	Nhà văn hóa thôn Minh Lạc	0,10	0,10				Xã Yên Hòa	0,01				0,01		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
158	Tổng B: 158 Danh mục	286,91	96,90			190,01		80,06		5,82	15,98	33,34	24,92		
214	Tổng A+B: 214 Danh mục	355,98	126,34	2,60	21,90	205,14		109,47		7,60	38,83	37,96	25,08		

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

PHỤ LỤC 1.7. TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CÀN THU HỒI ĐẤT NĂM 2023
CỦA HƯƠNG SƠN

(Kèm theo Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)+(7)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(10)+...+(14)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
A. Công trình, dự án đề xuất mới trong năm 2023															
I	Đất giao thông	15,30	0,30			15,00		13,60	12,50				1,10		
1	Đường giao thông thôn 3 đến thôn 5	0,30	0,30				xã Sơn Giang	1,10					1,10	QĐ số 57/QĐ-UBND ngày 21/9/2022 của UBND xã Sơn Giang (V/v phê duyệt Báo cáo kinh tế - Kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Đường giao thông nội đồng từ thôn 3 đến thôn 5 xã Sơn Giang)	
2	Nâng cấp đường từ xã Sơn Hồng ra Biên giới	15,00				15,00	xã Sơn Hồng	12,50	12,50					Quyết định số 1306/QĐ-BQP ngày 21/4/2022 của Bộ Quốc phòng về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đường từ xã Sơn Hồng ra biên giới	
II	Đất thủy lợi	1,25	0,30			0,95		1,90	1,20	0,70					
1	Dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8) - Tiểu dự án 2 Hồ Khe Đá	0,50				0,50	xã Sơn Kim 2	0,70		0,70				Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của HĐND tỉnh (Nghị quyết Quyết định chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công trên địa bàn tỉnh)	
2	Xây dựng hệ thống kênh Cầu Động đập Ngàn Trươi	0,75	0,3			0,45	Xã Sơn Long	1,20	1,20					Quyết định số 1998/QĐ-BNN-XD ngày 23/5/2017, số 2794/QĐ-BNN-XD ngày 22/7/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
III	Đất ở tại nông thôn	18,47	6,66			11,81		4,70			4,70				

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
1	XD khu dân cư nông thôn tại thôn Bình Hoà, thôn Giếng Thị	9,97	6,66			3,31	Xã An Hòa Thịnh	2,50			2,50			Công văn số 4579/UBND-XD1 ngày 18/8/2022 của UBND tỉnh về việc lập quy hoạch chi tiết khu trung tâm, điểm dân cư nông thôn xã An Hòa Thịnh, huyện Hương Sơn	
2	Xây dựng khu đô thị mới trong khu đô thị Nam thị trấn Tây Sơn	8,50				8,50	Xã Sơn Tây	2,20			2,20			Giấy chứng nhận đầu tư số 28321000009 ngày 22/6/2011 của Ban QL Khu kinh tế cửa khẩu Cầu Treo. Điều chỉnh lần thứ nhất ngày 26/12/2013	
6	TỔNG A: 06 Danh mục	35,02	7,26			27,76		20,20	13,70	0,70	4,70	1,10			

B. Công trình, dự án cần thu hồi đất đã được HĐND tỉnh thông qua tại các Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021, Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29/4/2022, Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 nay chuyển sang thực hiện trong năm 2023

I	Đất cụm công nghiệp	3,00	1,00			2,00		3,10			3,10				
1	Cụm công nghiệp Khe cò	3,00	1,00			2,00	Xã Sơn Lễ	3,10			3,10			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
II	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	1,37				1,37		1,26					1,26		
1	Dự án nhà máy nước sạch Hương Sơn	1,00				1,00	Xã Quang Diệm	1,26					1,26	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
2	Quy hoạch nhà máy cấp nước Khe Cò	0,37				0,37	Xã Sơn Lễ	0,45			0,45			Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh	
III	Đất giao thông	84,97	30,94	0,20		53,83		21,35	7,90	12,95	0,50				
1	Đường trục chính thị trấn Tây Sơn	1,89				1,89	TT Tây Sơn	0,50					0,50	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
2	Đường từ QL 8C đi Tân Thịnh	0,20	0,15			0,05	Xã An Hòa Thịnh	0,40		0,40				Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
3	Đường xã Sơn Bình đi Kim Hoa	8,00	4,90			3,10	Xã Sơn Bình	4,50		4,50				Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
4	Quy hoạch, Mở rộng đường Ninh Tiến (xã Sơn Tiến)	3,00	0,70	0,20		2,10	Xã Sơn Tiến	3,00		3,00				Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
5	Đường An Hòa Thịnh đi xã Sơn Tiến, huyện Hương Sơn	11,60	4,60			7,00	Xã An Hòa Thịnh	12,95			12,95			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
6	Mở rộng, nâng cấp tuyến đường Bình - Thủy - Mai	0,60	0,01			0,59	Xã Kim Hoa	0,44		0,44				Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
7	Mở rộng, nâng cấp tuyến đường Bằng - Phúc - Thủy	0,20	0,05			0,15	Xã Kim Hoa	0,21		0,21				Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
8	Xây dựng cầu Phở - Giang	0,77	0,45			0,32	TT Phố Châu, Xã Sơn Giang	0,99		0,99				Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
9	Mở rộng đường giao thông nội đồng	0,90	0,60			0,30	Xã Sơn Giang	1,16				1,16		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
10	Đường giao thông trục chính nối các xã sát nhập xã Kim Hoa	6,50	1,20			5,30	Xã Kim Hoa	6,50	5,50	1,00				Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
11	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông thôn Thọ Khê	0,30	0,12			0,18	Xã Sơn Lâm	0,40				0,40		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
12	Nâng cấp, mở rộng QL8C	10,00	8,24			1,76	Các xã: Sơn Long, An Hòa Thịnh, Sơn Trung	16,97	10,00	6,97				Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29/4/2022 của HĐND tỉnh	
13	Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 8A	6,50				6,50	Xã Sơn Kim 1	1,05	0,76	0,29				Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh	
14	Cải tạo, nâng cấp QL8C (Điều chỉnh Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29/4/2022: Tổng diện tích 18,56ha, trong đó 16,8ha đất lúa, 1,76ha đất khác thành tổng diện tích 24,51ha, trong đó 9,37ha đất trồng lúa, 15,14ha đất khác)	24,51	9,37			15,14	Các xã: Sơn Long, Tân Mỹ Hà, An Hòa Thịnh, Sơn Ninh, Sơn Trung	72,39	52,12	20,27				Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh	
15	Cảng cạn IDC Cầu Treo Hoàng Sơn	10,00	0,55			9,45	Xã Sơn Tây	18,00					18,00	Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh	
IV	Đất thủy lợi	9,85	3,25	0,70		5,90		1,73				1,73			
1	QH nâng cấp cải tạo các hồ (Khe Nhảy, Hồ Khe Cò, Hồ Vực Ròng)	2,33	0,40	0,70		1,23	Xã Sơn Tiến	1,73				1,73		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
2	Kênh mương nội đồng	1,20	1,20				Xã Sơn Hàm	1,54				1,54		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
3	Nâng cấp, sửa chữa đập Tri Báo, xã Sơn Lĩnh	0,13				0,13	Xã Sơn Lĩnh	0,18		0,18				Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
4	Kè chống sạt lở bờ sông Ngàn Sâu, Ngàn Phố	5,00	1,50			3,50	Xã Quang Diệm, Xã Sơn Kim 1, Xã Sơn Kim 2	4,89		4,89				Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
5	Nâng cấp, mở rộng đập Cây Thị	0,20	0,15			0,05	Xã Sơn Tiến	0,24		0,24				Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
6	Nâng cấp, mở rộng hồ đập Háp	0,10				0,10	Xã Sơn Tiến	0,12		0,12				Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
7	Nâng cấp, sửa chữa đập Bãi Sậy, xã Sơn Trường	0,39				0,39	Xã Sơn Trường	0,55		0,55				Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
8	Kè chống sạt lở bờ sông Ngàn Phố đoạn qua khu đô thị Ngàn Phố đến cầu Đá Đón 2 (Xóm Hà Chua và xóm Khí Tượng, xã Sơn Tây)	0,50				0,50	Xã Sơn Tây	0,35			0,35			Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh	
V	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	1,20	0,70			0,50		1,52				1,52			
1	Mở rộng trường Mầm non Sơn Trường	0,30	0,30				Xã Sơn Trường	0,39				0,39		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
2	Mở rộng trường Tiểu học Sơn Trường	0,20	0,20				Xã Sơn Trường	0,26				0,26		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
3	Mở rộng trường mầm non (Điểm chính) xã Sơn Lĩnh	0,40				0,40	Xã Sơn Lĩnh	0,49				0,49		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
4	Mở rộng khuôn viên trường Tiểu Học	0,30	0,20			0,10	Xã An Hòa Thịnh	0,39				0,39		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
VI	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	0,42	0,22			0,20		0,51				0,51			
1	Sân thể dục thể thao	0,20				0,20	Xã Kim Hoa	0,26				0,26		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
2	Sân TDTT TDP 4, TDP 6 thị trấn Phố Châu	0,22	0,22				TT Phố Châu	0,25				0,25		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
VII	Đất công trình năng lượng	88,90	6,60			82,30		31,90				31,90			
1	Điện năng lượng mặt trời	33,40	6,60			26,80	Xã Quang Diệm	31,90					31,90	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
2	Điện năng lượng mặt trời	55,50				55,50	Xã Sơn Kim 2	8,74					8,74	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
VIII	Đất bãi thải, xử lý chất thải	20,30		15,30		5,00		1,00					1,00		
1	Quy hoạch lò đốt rác	5,00				5,00	Xã Sơn Tây	1,00					1,00	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
2	Bãi đổ đất thừa khu vực cửa khẩu Cầu Treo cho dự án mở rộng Khu vực cửa khẩu Cầu Treo	15,30		15,30			Xã Sơn Kim 1	2,41			2,41			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
IX	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	0,50	0,50					0,50			0,50				
1	Mở rộng đền thờ Nguyễn Tuấn Thiện	0,50	0,50				Xã Sơn Ninh	0,50			0,50			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
X	Đất cơ sở tôn giáo	0,15				0,15		0,26					0,26		
1	Mở rộng khuôn viên Giáo họ Hà Tân	0,15				0,15	Xã Sơn Tây	0,26					0,26	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
XI	Đất ở tại nông thôn	45,65	14,03			31,62		12,83					12,83		
1	Quy hoạch đất ở (thôn Bình Hòa, Giếng Thị)	0,40				0,40	Xã An Hòa Thịnh	0,38				0,38		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
2	Đất ở (Trạm y tế xã Sơn An cũ)	0,09				0,09	Xã An Hòa Thịnh	0,05				0,05		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
3	Đầu giá đất ở (vùng Đượng Sim)	0,10	0,10				Xã Kim Hoa	0,10				0,10		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
4	Đất ở vùng Chợ Đình	2,00	2,00				Xã Kim Hoa	3,00				3,00		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
5	Đất ở vùng nhà thờ Tình Di, ông Hành thôn 8	0,79				0,79	Xã Quang Diệm	0,47				0,47		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
6	Đất ở (Chùa Nội - Sông Con)	0,20				0,20	Xã Quang Diệm	0,38				0,38		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
7	Đất ở vùng Cồn Cây Dung, thôn 3	0,50				0,50	Xã Quang Diệm	0,20				0,20		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
8	Đất ở vùng Đồng Lườn, thôn 8 (từ nhà văn hóa thôn 8 đến vườn bà Phương)	1,00				1,00	Xã Quang Diệm	0,70				0,70		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
9	Đất ở vùng trường mầm non cũ, thôn Bảo Thượng	0,30				0,30	Xã Quang Diệm	0,10				0,10		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
10	Đất ở Đông Phố (bám đường HTLO)	0,10				0,10	Xã Quang Diệm	0,20				0,20		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
11	Đất ở Hà Sơn (bám đường HTLO)	0,14				0,14	Xã Quang Diệm	0,30				0,30		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
12	Đất ở (trường tiểu học và trường MN cũ) thôn Sinh Cờ	0,30	0,03			0,27	Xã Sơn Châu	0,03				0,03		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
13	Đầu giá thôn Đình	0,22	0,22				Xã Sơn Châu	0,30				0,30		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
14	Đầu giá thôn 4 xã Sơn Giang	0,20	0,17			0,03	Xã Sơn Giang	0,20				0,20		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
15	Đất ở vùng Nương Dầu (thôn Lâm Bình)	0,30				0,30	Xã Sơn Lâm	0,29				0,29		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
16	Đất ở (Đồng Mầu - xóm Lâm Khê)	0,35				0,35	Xã Sơn Lâm	0,24				0,24		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
17	Đất ở thôn Lâm Trung, xã Sơn Lâm	0,50	0,50				Xã Sơn Lâm	0,40				0,40		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
18	Đất ở mới thôn Khe Cò	0,80	0,80				Xã Sơn Lễ	1,40				1,40		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
19	Đầu giá đất ở (Bà Cầu - xóm 4)	0,29				0,29	Xã Sơn Lĩnh	0,30				0,30		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
20	Đầu giá đất ở 2 bên đường Long Hà Trà	2,00	1,50			0,50	Xã Sơn Long	1,50				1,50		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
21	Giao đất, đầu giá đất Ao Làng, thôn 1	0,20	0,20				Xã Sơn Long	0,20				0,20		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
22	Đất ở mới (Nhà Rái) thôn 3	0,50				0,50	Xã Sơn Trà	0,60				0,60		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
23	Đất ở mới thôn Bàu Thai	0,20				0,20	Xã Sơn Trà	0,32				0,32		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
24	Đất ở đồng Muông thôn 5, (Đàng Vại) thôn 1	0,60	0,51			0,09	Xã Sơn Trà	0,19				0,19		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
25	Đầu giá đất Tân Tràng	1,20				1,20	Xã Sơn Trung	0,50				0,50		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
26	Xen dầm khu dân cư	0,04				0,04	Xã Sơn Trung	0,05				0,05		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
27	Đầu giá đất ở khu Đồng Tùng thôn Tây Hà	0,60	0,60				Xã Tân Mỹ Hà	0,40				0,40		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
28	Đầu giá đất ở khu Bàu Hàn thôn Đông Hà	0,30				0,30	Xã Tân Mỹ Hà	0,03				0,03		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
29	Đất ở (Trại giếng cũ)	1,02				1,02	Xã Sơn Bình	1,63				1,63		Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh	
30	Đất ở (Nhà Sấn)	0,12	0,12				Xã Sơn Ninh	0,15				0,15		Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh	
31	Xây dựng khu đô thị mới trong khu đô thị Nam thị trấn Tây Sơn	8,50				8,50	Xã Sơn Tây	12,21				12,21		Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh	
32	Khu dân cư nông thôn tại thôn Sinh Cờ (QH đất ở mới 2,1 ha; Cây xanh, mặt nước 3,81 ha; đất công cộng khác 2,09 ha...)	0,90	0,15			0,75	Xã Sơn Châu	2,35				2,35		Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh	
33	Đất ở thôn Đại Thịnh	0,20				0,20	Xã An Hòa Thịnh	0,26				0,26		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
34	Đất ở thôn Hưng Thịnh	0,50				0,50	Xã An Hòa Thịnh	0,33				0,33		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
35	Đất ở thôn Sâm Cồn	0,20	0,20				Xã An Hòa Thịnh	0,26				0,26		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
36	Đất ở tại thôn Triều Lĩnh	0,04				0,04	Xã Kim Hoa	0,06				0,06		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
37	Đất ở vùng sân vận động cũ (Thôn Bảo Thượng)	0,42				0,42	Xã Quang Diệm	0,54				0,54		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
38	Đất ở xen dầm tại các thôn	0,61				0,61	Xã Sơn Bằng	1,07				1,07		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
39	Đấu giá đất ở đồng Chèo Mừng, Chèo Mừng dưới, Bông Trên Trên	0,40	0,30			0,10	Xã Sơn Bình	0,30				0,30		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
40	Khu dân cư nông thôn tại thôn Sinh Cờ	7,00	3,00			4,00	Xã Sơn Châu	4,88				4,88		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
41	Đất ở thôn 4, thôn 2 (đấu giá)	1,50	0,70			0,80	Xã Sơn Giang	2,57				2,57		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
42	Đất ở vùng đồng Cạn, Quyển, Hồ Giếng (đấu giá)	1,00	1,00				Xã Sơn Hàm	1,29				1,29		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
43	Đất ở tại thôn 2	0,56				0,56	Xã Sơn Hồng	0,37				0,37		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
44	Đấu giá QSD đất thôn Khe Cò, Đức Vừ	0,80	0,30			0,50	Xã Sơn Lễ	1,41				1,41		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
45	Đất ở tại thôn 4,7	0,29				0,29	Xã Sơn Lĩnh	0,13				0,13		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
46	Đất ở đồng Cựa Đền, Lối Mò (đầu giá)	1,20	0,70			0,5	Xã Sơn Long	1,29				1,29		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
47	Đất ở (đầu giá)	1,48	0,13			1,35	Xã Sơn Ninh	1,90				1,90		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
48	Đất ở xen dăm	0,51				0,51	Xã Sơn Ninh	0,14				0,14		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
49	Đất ở phục vụ giao đất, đầu giá	1,00				1,00	Xã Sơn Tây	2,00				2,00		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
50	Đất ở thôn Côn Sơn	0,50				0,50	Xã Sơn Tiến	0,61				0,61		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
51	Đất ở đập Học Chiêm, thôn 10	0,17				0,17	Xã Sơn Trường	0,11				0,11		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
52	Đất ở (các thôn: Hòa Tiến, Ngọc Sơn, Côn Sơn)	0,71				0,71	Xã Sơn Tiến	0,87				0,87		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
53	Đất ở phục vụ giao đất, đầu giá	1,80	0,80			1,00	Xã Tân Mỹ Hà	1,54				1,54		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
XII	Đất ở tại đô thị	15,58	9,69			5,89		15,41				0,48	14,93		
1	Đất ở (Trạm thú ý cũ)	0,05				0,05	TT Phố Châu	0,70					0,70	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
2	Đất ở mới TDP 9	0,30				0,30	TT Phố Châu	0,48				0,48		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
3	Khu đô thị Bắc Phố Châu 2	14,57	9,42			5,15	Xã Sơn Trung	14,23					14,23	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
4	Đầu giá đất ở vùng Máy kéo cũ, khối 6 (sau đất ở ông Trần Quang Hoà)	0,01				0,01	TT Phố Châu	0,02			0,02			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
5	Đất ở xen dăm	0,35	0,27			0,08	TT Phố Châu	0,57				0,57		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
6	Xây dựng khu đô thị Nam thị trấn Tây Sơn	0,30				0,30	TT Tây Sơn	0,56			0,56			Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh	
XIII	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	0,02				0,02		0,49				0,34	0,15		
1	Mở rộng trụ sở UBND xã Sơn Tiến	0,02				0,02	Xã Sơn Tiến	0,49			0,34	0,15		Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
XIV	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	0,06				0,06									
1	Trạm kiểm dịch thực vật khu vực cửa khẩu Cầu Treo	0,06				0,06	Xã Sơn Kim 1	0,10		0,10					Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh
XV	Đất tín ngưỡng	0,30	0,05			0,25		0,40		0,40					
1	Mở rộng Đền Cả	0,30	0,05			0,25	Xã Sơn Tiến	0,40		0,40					Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh
XVI	Đất sinh hoạt cộng đồng	1,90	0,70			1,20		0,70				0,70			
1	Xây dựng mới Nhà văn hóa thôn Hà Trai, xã Sơn Kim 1	0,20				0,20	Xã Sơn Kim 1	0,35				0,35			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh
2	Xây dựng mới Nhà văn hóa thôn An Sú xã Sơn Kim 1	0,20				0,20	Xã Sơn Kim 1	0,35				0,35			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh
3	Quy hoạch nhà văn hóa (thôn Trung Bằng, Kim Bằng, Thanh Bằng và Phúc Bằng)	1,10	0,30			0,80	Xã Sơn Bằng	0,50				0,50			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh
4	Nhà văn hóa, sân TDTT TDP 9, TDP 10 thị trấn Phó Châu	0,40	0,40				TT Phó Châu	0,10				0,10			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh
104	TỔNG B: 104 Danh mục	274,17	67,68	16,20		190,29		92,96		8,30	18,62	16,68	49,35		
110	TỔNG A+B: 110 Danh mục	309,19	74,94	16,20		218,05		113,16	13,70	9,00	23,32	17,78	49,35		

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

**PHỤ LỤC 1.8. TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẦN THU HỒI ĐẤT NĂM 2023
CỦA HUYỆN ĐỨC THỌ**

(Kèm theo Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)+(7)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(10)+...+.+(14)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
A. Công trình, dự án thu hồi đất đề xuất mới trong năm 2023															
I	Đất công trình năng lượng	0,17	0,13			0,04		0,39					0,39		
1	Xây dựng, cải tạo đường dây trung hạ áp và TBA để chống quá tải, giảm tổn thất điện năng, giảm bán kính cấp điện khu vực huyện Đức Thọ (thuộc dự án Xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo hệ thống đường điện, trạm biến áp trên địa bàn huyện Đức Thọ)	0,17	0,13			0,04	Toàn huyện Đức Thọ	0,39					0,39	Quyết định số 1074/QĐ-EVNNPC ngày 19/5/2022 và số 2476/QĐ-EVNNPC ngày 04/10/2022 của Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc về việc duyệt danh mục và tạm giao KHV công trình ĐTXD bổ sung năm 2023 cho Công ty Điện lực Hà Tĩnh	
II	Đất công trình bưu chính, viễn thông	0,24				0,24		0,55					0,55		
1	Trạm Viễn Thông Đức Thanh 2	0,05				0,05	Thôn Xóm Mới, Xã Thanh Bình	0,12					0,12	Quyết định số: 1411/QĐ-VTHT-KTĐT, ngày 01/11/2022 của Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam về việc phê duyệt chủ trương đầu tư, Dự án: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các trạm BTS trên địa bàn huyện Đức Thọ	
2	Trạm Viễn Thông Đức An 2	0,05				0,05	Thôn Long Thành, Xã An Dũng	0,12					0,12		
3	Trạm Viễn Thông Đức An 3	0,04				0,04	Thôn Nội Trung, Xã An Dũng	0,09					0,09		
4	Trạm Viễn Thông Đức An 4	0,10				0,1	Thôn Long Sơn - Xã An Dũng	0,23					0,23		
III	Đất cơ sở tôn giáo	0,68	0,14			0,54		1,56					1,56		

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
1	Khôi phục chùa Vĩnh Giang	0,68	0,14			0,54	Thôn Đại Lợi, xã Thanh Bình Thịnh	1,56					1,56	Văn bản số: 658/UBND-NC của UBND tỉnh Hà Tĩnh ngày 29/01/2019 về việc khôi phục, xây dựng một số chùa trong tỉnh.	
IV	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	0,50	0,40			0,10		0,23					0,23		
1	Mở rộng nghĩa trang đồng cháng	0,50	0,40			0,10	Thôn Quyết Tiến, xã Bùi La Nhân	0,23					0,23	Văn bản số: 3413/UBND-KTHT Ngày 06/9/2022 của UBND huyện Đức Thọ về việc ý kiến đối với nội dung đề xuất lập quy hoạch mở rộng nghĩa trang tại xã Bùi La Nhân, huyện Đức Thọ	
V	Đất ở tại nông thôn	5,10	2,50			2,60		11,73					11,73		
1	Đất ở trên đất nhà văn hoá thôn	0,02				0,02	Thôn Phú Quý, xã Bùi La Nhân	0,05					0,05	Quyết định số: 1052/QĐ-UBND Ngày 12/7/2022 của UBND huyện Đức Thọ về việc phê duyệt quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất (tỷ lệ 1/500) đất ở xen dầm dân cư năm 2022 tại xã Bùi La Nhân, huyện Đức Thọ	
2	Đất ở dân cư xóm Vĩnh Hoà	0,10				0,10	Thôn Vĩnh Hoà, xã Quang Vĩnh	0,23					0,23	Quyết định số: 5638/QĐ-UBND Ngày 01/10/2020 của UBND huyện Đức Thọ về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư tỷ lệ 1/500 xã Quang Vĩnh, huyện Đức Thọ	
3	Đất ở xen dầm thôn Trung Thành	1,00				1,00	Thôn Trung Thành, xã Quang Vĩnh	2,30					2,30	Quyết định số: 1390/QĐ-UBND Ngày 26/9/2022 của UBND huyện Đức Thọ về việc phê duyệt quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất (tỷ lệ 1/500) phân lô xen dầm đất ở dân cư tại thôn Trung Thành, xã Quang Vĩnh, huyện Đức Thọ	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
4	Đất ở tại Cây Mung	0,06				0,06	Thôn Hạ Tứ, xã Bùi La Nhân	0,14				0,14		Quyết định số: 1052/QĐ-UBND Ngày 12/7/2022 của UBND huyện Đức Thọ về việc phê duyệt quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất (tỷ lệ 1/500) đất ở xen dầm dân cư năm 2022 tại xã Bùi La Nhân, huyện Đức Thọ	
5	Đất ở xen dầm thôn Châu Thịnh	0,67	0,08			0,59	Thôn Châu Thịnh, xã Tùng Châu	1,54				1,54		Quyết định số: 942/QĐ-UBND Ngày 11/3/2021 của UBND huyện Đức Thọ về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư tỷ lệ 1/500 xã Tùng Châu, huyện Đức Thọ	
6	Đất ở xen dầm Thôn Phú Quý, Khang Ninh	0,35	0,12			0,23	Bùi La Nhân	0,81				0,81		Quyết định số: 1052/QĐ-UBND Ngày 12/7/2022 của UBND huyện Đức Thọ về việc phê duyệt quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất (tỷ lệ 1/500) đất ở xen dầm dân cư năm 2022 tại xã Bùi La Nhân, huyện Đức Thọ	
7	Đất ở Đồng Sường thôn Đại An	1,50	1,50				Thôn Đại An, xã An Dũng	3,45				3,45		Văn bản số: 3904/UBND-KTHT Ngày 28/10/2022 của UBND huyện Đức Thọ về việc chủ trương lập quy hoạch chi tiết đất ở khu dân cư tại xã An Dũng năm 2022	
8	Đất ở đồng Tháng 10	0,80	0,80				Xã Thanh Bình Thịnh	1,84				1,84		Quyết định 100/UBND huyện ngày 12/1/2018 về việc phê duyệt quy hoạch đất ở tái định cư tại xã Đức Thịnh	
9	Đất ở Đồng Lặn thôn Đông Đoài	0,60				0,60	Thôn Đông Đoài, xã Hòa Lạc	1,38				1,38		Quyết định số: 3723 của UBND huyện Đức Thọ ngày 14/7/2021 về việc Phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư tỷ lệ 1/500 xã Hòa Lạc - huyện Đức Thọ - tỉnh Hà Tĩnh	
16	Tổng A: 16 Danh mục	6,69	3,17			3,52		14,47				11,96	2,51		

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
B. Công trình, dự án cần thu hồi đất đã được HĐND tỉnh thông qua tại các Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021, Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29/4/2022, Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 nay chuyển sang thực hiện trong năm 2023															
I	Đất cụm công nghiệp	5,00	5,00				6,75			6,75					
1	Cụm tiểu thủ công nghiệp Lạc Thiện	5,00	5,00			Thôn Trung Tiến, xã Lâm Trung Thủy	6,75			6,75				Nghị quyết số: 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh	
II	Đất giao thông	12,73	8,44		4,29		20,50		0,20	18,10		2,20			
1	Mở rộng đường Tân Hương đi Phú Lộc Can Lộc	2,17			2,17	Thôn Tân Nhân, xã Tân Hương	2,90		0,20					Nghị quyết số: 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh	
2	Đường từ Thị Trấn đến khu lưu niệm Trần Phú, huyện Đức Thọ	3,02	1,90		1,12	Thị trấn Đức Thọ, Xã Tùng Ảnh	6,00			6,00				Nghị quyết số: 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh	
3	Nâng cấp tuyến đường nối QL8A - Cụm Công nghiệp Thái Yên - QL15A, huyện Đức Thọ	4,50	4,50			Xã Thanh Bình Thịnh	9,00			9,00				Nghị quyết số: 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh	
4	Đường Huyện lộ ĐH56 qua xã Hòa Lạc, huyện Đức Thọ	2,44	1,44		1,00	Xã Hòa Lạc	3,10			3,10				Nghị quyết số: 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh	
5	Bến xe huyện Đức Thọ	0,60	0,60			Thị trấn Đức Thọ	2,20					2,20		Nghị quyết số: 71/NQ-HĐND ngày 29/4/2022 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh	
III	Đất thủy lợi	2,30	2,30				2,90		2,90						
1	Kè chống sạt lở bờ hữu sông Ngân Sâu Đồng - Lạc (giai đoạn 2)	2,30	2,30			Các xã: Xã Đức Đồng, Hòa Lạc	2,90		2,90					Nghị quyết số: 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh	
IV	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	0,80	0,70		0,10		0,50					0,50			
1	Mở rộng Trường Mầm Non Liên Minh	0,80	0,70		0,10	Thôn Thọ Ninh, xã Liên Minh	0,50					0,50		Nghị quyết số: 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh	
V	Đất công trình năng lượng	0,28	0,23		0,05		0,54					0,54			
1	Cải tạo ĐZ 110KV Hưng Đông - Can Lộc và Hưng Đông - Linh Cảm	0,18	0,18			Xã Tùng Ảnh	0,24					0,24		Nghị quyết số: 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú	
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp			
2	Trang cao độ thi công cung cấp điện lưới điện trung áp 22kV, 35kV sau các TBA 110kV Linh Cẩm (E18.2), Đức Thọ (E18.4), Hương Sơn (E18.7) khu vực huyện Đức Thọ, huyện Hương Sơn theo phương án đa chia đa nối (MDMC) (Thuộc dự án: Trạm biến áp phân phối tuyến	0,10	0,05			0,05	Thanh Bình Thịnh, An Dũng, Bùi La Nhân, Liên Minh	0,30						0,30	Nghị quyết số: 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh	
VI	Đất công trình bưu chính, viễn thông	1,12	0,15			0,97		2,56					2,56			
1	Trạm Viễn Thông Duc-Lam	0,08	0,08				Thôn Trung Đại Lâm - Xã Lâm Trung Thủy	0,2						0,2	Nghị quyết số: 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh	
2	Trạm Viễn Thông Duc-Quang	0,05				0,05	Đông Lộc - Quang Lộc xã Quang Vinh	0,1						0,1	Nghị quyết số: 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh	
3	Trạm Viễn Thông Duc-Hoa2	0,05				0,05	Thôn Tân Sơn - Xã Hòa Lạc	0,1						0,1	Nghị quyết số: 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh	
4	Trạm Viễn Thông Duc-Lac	0,05				0,05	Thôn Yên Thắng - Xã Hòa Lạc	0,1						0,1	Nghị quyết số: 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh	
5	Trạm Viễn Thông Duc-Lac2	0,05	0,02			0,03	Thôn Thượng Tiền - Xã Hòa Lạc	0,1						0,12	Nghị quyết số: 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh	
6	Trạm Viễn Thông Duc-Hoa	0,05	0,05				Thôn Đông Đoài - Xã Hòa Lạc	0,1						0,1	Nghị quyết số: 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh	
7	Trạm Viễn Thông Duc-Chau	0,06				0,06	Thôn Đại Châu - Xã Tùng Châu	0,1						0,1	Nghị quyết số: 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh	
8	Trạm Viễn Thông Truong-Son3	0,04				0,04	Thôn Vĩnh Khánh - Xã Trường Sơn	0,1						0,1	Nghị quyết số: 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh	
9	Trạm Viễn Thông Bui-Xa	0,05				0,05	Thôn Xứ Đông Cơn Mung - Xã Bùi La Nhân	0,1						0,1	Nghị quyết số: 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
10	Trạm Viễn Thông Duc-Nhan	0,05				0,05	Thôn Phú Quý - Xã Bùi La Nhân	0,1					0,1	Nghị quyết số: 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh	
11	Trạm Viễn Thông Duc-An5	0,55				0,55	Thôn Tân Tiến - Xã An Dũng	1,3					1,3	Nghị quyết số: 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh	
12	Trạm Viễn Thông Tan-Huong2	0,02				0,02	Thôn Tân Thành - Xã Tân Hương	0,1					0,1	Nghị quyết số: 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh	
13	Xây dựng trạm BTS mạng di động Vinaphone	0,02				0,02	Thôn Sơn Lễ - Xã Tùng Ảnh	0,03					0,03	Nghị quyết số: 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh	
VII	Đất bãi thải, xử lý chất thải	7,80	0,80			7,00		3,14		3,14					
1	Bãi thải phục vụ cao tốc Bắc - Nam	7,80	0,80			7,00	Xã Thanh Bình Thịnh, xã Yên Hồ	3,14		3,14				Nghị quyết số: 71/NQ-HĐND ngày 29/4/2022 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh	
VIII	Đất cơ sở tôn giáo	0,32				0,32		0,30		0,30					
1	Mở rộng chùa đá	0,28				0,28	Tùng Ảnh	0,30		0,30				Nghị quyết số: 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh	
2	Mở rộng, chỉnh trang khuôn viên nhà thờ giáo họ Yên Đông, giáo xứ Nghĩa Yên	0,04				0,04	Bùi La Nhân							Nghị quyết số: 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh	
IX	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	4,50	2,50			2,00		5,10				5,10			
1	Mở rộng nghĩa trang Cửa Trại	2,50	2,50				Thôn Phú Quý, xã Bùi La Nhân	3,30				3,30		Nghị quyết số: 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh	
2	Mở rộng nghĩa trang, nghĩa địa vùng Trại làng thôn Tân Mỹ	2,00				2,00	Thôn Tân Mỹ, Xã Tân Dân	1,80				1,80		Nghị quyết số: 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh	
X	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	0,43				0,43		0,60				0,60			
1	Nhà tình thương	0,43				0,43	Xã Liên Minh	0,60				0,60		Nghị quyết số: 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh	
XI	Đất sinh hoạt cộng đồng	0,37				0,37		0,25				0,25			
1	Mở rộng Nhà văn hóa Tổ dân phố 2	0,20				0,20	Tổ dân phố 2, Thị trấn Đức Thọ	0,25				0,25		Nghị quyết số: 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh	
2	Nhà văn hoá TDP 8	0,17				0,17	Thị trấn Đức Thọ							Nghị quyết số: 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
XII	Đất ở nông thôn	17,50	7,66			9,84		26,93		1,30	1,96	23,67			
1	Đất ở (NVH Long Mã cũ)	0,03				0,03	Thôn Long Mã, xã An Dũng	0,01			0,01			Nghị quyết số: 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh	
2	Đất ở (NVH Long Thủy cũ)	0,03				0,03	Thôn Long Thủy, xã An Dũng	0,01			0,01			Nghị quyết số: 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh	
3	Đất ở tại nhà văn hóa Đông Dũng cũ	0,04				0,04	Thôn Đông Dũng, xã An Dũng	0,02			0,02			Nghị quyết số: 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh	
4	Đất ở NVH (Ngoại Xuân)	0,06				0,06	Thôn Ngoại Xuân, xã An Dũng	0,03			0,03			Nghị quyết số: 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh	
5	Đấu giá đất vùng QH đất ở Mậu Sáu - Trục xã	0,40	0,40				Thôn Quang Chiêm, xã Thanh Bình Thịnh	0,64				0,64		Nghị quyết số: 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh	
6	Khu dân cư công xóm 6 thôn Cừu Yên	0,42	0,14			0,28	Thôn Yên Cừ, xã Trường Sơn	0,30				0,30		Nghị quyết số: 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh	
7	Khu dân cư thôn Ninh Thái	0,08	0,03			0,05	Thôn Ninh Thái, xã Trường Sơn	0,12				0,12		Nghị quyết số: 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh	
8	Đất ở xen dầm	0,40	0,20			0,20	Thôn Hoà Thái, Đông Đoài, Thị Hoà, Đông Xá, xã Hoà Lạc	0,50				0,50		Nghị quyết số: 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh	
9	Đất ở Vùng De, Vòng Trên	1,00	1,00				Thôn Thọ Tường, xã Liên Minh	1,30				1,30		Nghị quyết số: 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh	
10	Đất ở khu dân cư Mụ Sại	0,66	0,13			0,53	Thôn Vĩnh Khánh, xã Trường Sơn	0,90				0,90		Nghị quyết số: 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh	
11	Đất ở Vòng Trên	0,17	0,17				Xã Liên Minh	0,10			0,10			Nghị quyết số: 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh	
12	Đất ở Nhà Bái thôn Ngoại Xuân, Đại An	1,00	0,14			0,86	Xã An Dũng	1,50			1,50			Nghị quyết số: 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh	
13	Đất ở dân cư Nhà An	2,34				2,34	Xã Quang Vinh	4,00				4,00		Nghị quyết số: 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
14	Đất ở Vùng Nuôi Tái	0,50	0,50				Xã Lâm Trung Thủy	0,29			0,29			Nghị quyết số: 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh	
15	Đất ở tuyến 1 và tuyến 2 Bắc đường HL 08	1,00	1,00				Thôn Thọ Ninh, Yên Mỹ xã Liên Minh	1,30				1,30		Nghị quyết số: 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh	
16	Đất ở phía dưới đường vượt lũ (đập hầm cầu thôn Thọ Tường)	0,50	0,50				Thôn Thọ Tường xã Liên Minh	0,65				0,65		Nghị quyết số: 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh	
17	Đất ở Đồng Lâm thôn Yên Thắng	0,50	0,16			0,34	Thôn Yên Thắng, xã Hòa Lạc	0,45				0,45		Nghị quyết số: 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh	
18	Đất ở xen dăm Ao, Thôn Đồng Vịnh	0,10				0,10	Thôn Đồng Vịnh, xã Đức Đồng	0,13				0,13		Nghị quyết số: 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh	
19	Đất ở Đối diện đất A Trần Đình Phong Thôn Yên Phú	0,50	0,50				Thôn Yên Phú xã Liên Minh	0,65				0,65		Nghị quyết số: 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh	
20	Đất ở khu dân đồng Vông, thôn Ninh Thái	0,06	0,03			0,03	Thôn Ninh Thái, xã Trường Sơn	0,01				0,01		Nghị quyết số: 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh	
21	Đất ở Vùng Biên Đông, Đồng Trám thôn Trung Văn Minh, Thôn Tiên Thọ	2,70	1,20			1,50	Thôn Trung Văn Minh, xã Yên Hồ	3,50				3,50		Nghị quyết số: 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh	
22	Đất ở tuyến 1 QL8A thôn Phú Quý	0,06	0,06				Thôn Phú Quý xã Bùi La Nhân	0,10				0,10		Nghị quyết số: 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh	
23	Đất ở thôn Làng Hạ	0,30	0,30				Xã Hòa Lạc	0,40				0,40		Nghị quyết số: 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh	
24	Đất ở xen dăm Đồng Cỏ Cò	0,20	0,20				Thôn Trung Bắc, Trung Khánh xã Lâm Trung Thủy	0,46				0,46		Nghị quyết số: 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh	
25	Đất ở vùng Trảng Bàng thôn Tân Sơn	1,00				1,00	Thôn Tân Sơn, Xã Hòa Lạc	2,30				2,30		Nghị quyết số: 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh	
26	Đất ở Ngu Lâu thôn Hoa Đình	1,40				1,40	Thôn Hoa Đình, xã Bùi La Nhân					3,22		Nghị quyết số: 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh	
27	Đất ở thôn Sơn Quang	1,00				1,00	Thôn Sơn Quang, xã Đức Lạng	2,74				2,74		Nghị quyết số: 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
28	Đất ở xen dầm thôn Thọ Tường	0,05				0,05	Thôn Thọ Tường, xã Liên Minh							Nghị quyết số: 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh	
29	Khu Tái định cư Dự án xây dựng đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông	1,00	1,00				Xã Thanh Bình Thịnh	1,30		1,30				Nghị quyết số: 71/NQ-HĐND ngày 29/4/2022 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh	
XIII	Đất ở đô thị	14,43	14,43					33,19			33,19				
1	Phân khu xây dựng mở rộng thị trấn Đức Thọ: Đất ở đô thị (OM-09)	4,73	4,73				TDP 8, Thị trấn Đức Thọ	10,9			10,9			Nghị quyết số: 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh	
2	Xây dựng khu dân cư OM-10, OM-11, OM-12	9,70	9,70				Nhà lay trên, Thị trấn Đức Thọ	22,31			22,3			Nghị quyết số: 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh	
XIV	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	0,55	0,35			0,20		0,80			0,50	0,30			
1	Thi hành án (nhà lay)	0,35	0,35				Tổ Dân Phố 7, Thị trấn Đức Thọ	0,50			0,50			Nghị quyết số: 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh	
2	Mở rộng UBND xã Liên Minh	0,20				0,20	Thôn Thọ Ninh, xã Liên Minh	0,30				0,30		Nghị quyết số: 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh	
64	TỔNG B : 64 Danh mục	68,13	42,56			25,57		104,06		7,84	60,50	30,42	5,30		
80	TỔNG A+B: 80 Danh mục	74,82	45,73			29,09		118,53		7,84	60,50	42,38	7,81		

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

**PHỤ LỤC 1.9. TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CÀN THU HỒI ĐẤT NĂM 2023
CỦA HUYỆN CAN LỘC**

(Kèm theo Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)+(7)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(10)+...+(14)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
A. Công trình, dự án thu hồi đất đề xuất mới trong năm 2023															
I	Đất ở nông thôn	23,92	18,05			5,87		54,14					54,14		
1	Quy hoạch đất ở	0,60				0,60	Thôn Tam Long, Quang Lộc	1,43					1,43	Quyết định số 2055 ngày 27/6/2022 của UBND huyện Can Lộc cho phép UBND xã Quang Lộc khảo sát địa điểm lập quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất phân lô đất ở các thôn: Tam Long, Yên Lập, Trại Lê xã Quang Lộc	
2	Quy hoạch đất ở	0,47	0,47				Chại Diên, Nhà Ra, Thôn Yên Thường cũ, xã Quang Lộc	1,00					1,00	Quyết định số 3739 ngày 25/10/2022 của UBND huyện Can Lộc về việc phê duyệt quy hoạch phân lô đất ở	
3	Quy hoạch đất ở	0,60	0,60				Thôn Thái Hòa, xã Vượng Lộc	0,24					0,24	Quyết định số 3739 ngày 25/10/2022 của UBND huyện Can Lộc về việc phê duyệt quy hoạch phân lô đất ở	
4	Quy hoạch đất ở	0,60	0,60				Thôn Phúc Sơn, xã Sơn Lộc	1,36					1,36	Quyết định số 3739 ngày 25/10/2022 của UBND huyện Can Lộc về việc phê duyệt quy hoạch phân lô đất ở	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
5	Quy hoạch đất ở	1,42	1,42				Thôn Khánh Sơn, xã Sơn Lộc	3,38					3,38	Quyết định số 3739 ngày 25/10/2022 của UBND huyện Can Lộc về việc phê duyệt quy hoạch phân lô đất ở	
6	Quy hoạch đất ở	0,50	0,50				Đông Quan, Đô Hành, xã Mỹ Lộc	1,19					1,19	Quyết định số 3739 ngày 25/10/2022 của UBND huyện Can Lộc về việc phê duyệt quy hoạch phân lô đất ở	
7	Quy hoạch đất ở	0,70				0,70	Vùng Cúp Nương (kề cột ăng ten), xã Mỹ Lộc	1,49					1,49	Quyết định số 3739 ngày 25/10/2022 của UBND huyện Can Lộc về việc phê duyệt quy hoạch phân lô đất ở	
8	QH đất ở xen dăm	0,75				0,75	Xã Mỹ Lộc	1,15					1,15	Quyết định số 3739 ngày 25/10/2022 của UBND huyện Can Lộc về việc phê duyệt quy hoạch phân lô đất ở	
9	Quy hoạch đất ở	0,77	0,77				Thôn Văn Thịnh, xã Xuân Lộc	1,83					1,83	Quyết định số 2362 ngày 20/12/2018 của UBND huyện Can Lộc cho phép UBND xã Xuân Lộc khảo sát địa điểm quy hoạch tổng mặt bằng phân lô đất ở nằm trong vùng quy hoạch đất dân cư	
10	Quy hoạch đất ở	0,34	0,34				Thôn Bình Yên, xã Xuân Lộc	0,79					0,79	Quyết định số 2362 ngày 20/12/2018 của UBND huyện Can Lộc cho phép UBND xã Xuân Lộc khảo sát địa điểm quy hoạch tổng mặt bằng phân lô đất ở nằm trong vùng quy hoạch đất dân cư	
11	Quy hoạch đất ở	1,00				1,00	Đông Mịch, Thôn Hợp Sơn, xã Thanh Lộc	2,38					2,38	Quyết định số 3739 ngày 25/10/2022 của UBND huyện Can Lộc về việc phê duyệt quy hoạch phân lô đất ở	
12	Quy hoạch đất ở	0,45				0,45	Vùng Đồng Dồi, Thôn Hợp Sơn, xã Thanh Lộc	1,02					1,02	Quyết định số 3739 ngày 25/10/2022 của UBND huyện Can Lộc về việc phê duyệt quy hoạch phân lô đất ở	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
13	Quy hoạch đất ở	0,50	0,50				Đồng Kim, xã Trung Lộc	1,06					1,06	Quyết định số 2040 ngày 31/7/2020 của UBND huyện Can Lộc cho phép UBND xã Trung Lộc khảo sát lập, quy hoạch tổng thể mặt bằng sử dụng đất phân lô tại các thôn Tân Mỹ, Trung Long, Cồn Soi, Bình Minh và Đồng Kim xã Trung Lộc	
14	Quy hoạch đất ở	3,14	3,14				Đồng Trạm Tuổi, Xã Thường Nga	7,30					7,30	Quyết định số 3739 ngày 25/10/2022 của UBND huyện Can Lộc về việc phê duyệt quy hoạch phân lô đất ở	
15	Quy hoạch đất ở	2,05	2,05				Đồng Trọ Nước, xã Thường Nga	4,88					4,88	Quyết định số 3739 ngày 25/10/2022 của UBND huyện Can Lộc về việc phê duyệt quy hoạch phân lô đất ở	
16	Quy hoạch đất ở	0,44				0,44	Tân Tùng Sơn, xã Tùng Lộc	1,00					1,00	Quyết định số 3739 ngày 25/10/2022 của UBND huyện Can Lộc về việc phê duyệt quy hoạch phân lô đất ở	
17	Quy hoạch đất ở	1,00	1,00				Đồng Vải Hối Con, xã Tùng Lộc	2,38					2,38	Quyết định số 3739 ngày 25/10/2022 của UBND huyện Can Lộc về việc phê duyệt quy hoạch phân lô đất ở	
18	Quy hoạch đất ở	0,70	0,70				Bàu Ràn, Thôn Tây Hồ, xã Thuận Thiện	1,67					1,67	Quyết định số 3739 ngày 25/10/2022 của UBND huyện Can Lộc về việc phê duyệt quy hoạch phân lô đất ở	
19	Quy hoạch đất ở	1,20	1,20				Vùng Đồng Cửa Đàng, xã Kim Song Trường	3,19					3,19	Quyết định số 3739 ngày 25/10/2022 của UBND huyện Can Lộc về việc phê duyệt quy hoạch phân lô đất ở	
20	Quy hoạch đất ở	0,51	0,51				Thôn Tân Tiến, xã Phú Lộc	1,24					1,24	Quyết định số 3739 ngày 25/10/2022 của UBND huyện Can Lộc về việc phê duyệt quy hoạch phân lô đất ở	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
21	Quy hoạch đất ở	0,10	0,10				Thôn Tiến Thịnh, xã Phú Lộc	0,24					0,24	Quyết định số 3739 ngày 25/10/2022 của UBND huyện Can Lộc về việc phê duyệt quy hoạch phân lô đất ở	
22	Quy hoạch đất ở	1,00				1,00	Đông Trại Màu Bắc Trung Sơn, xã Gia Hanh	2,27					2,27	Quyết định số 3739 ngày 25/10/2022 của UBND huyện Can Lộc về việc phê duyệt quy hoạch phân lô đất ở	
23	Quy hoạch đất ở	1,00	1,00				Đương Đầu, xã Thượng Lộc	2,38					2,38	Quyết định số 3739 ngày 25/10/2022 của UBND huyện Can Lộc về việc phê duyệt quy hoạch phân lô đất ở	
24	Quy hoạch đất ở	1,70	1,70				Thôn Đông Nam, xã Thiên Lộc	4,05					4,05	Quyết định 4090/QĐ-UBND huyện ngày 31/12/2019 cho phép UBND xã Thiên Lộc khảo sát địa điểm quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất phân lô đất ở vùng Thượng Kháo, thôn Hồng Tân, xã Thiên Lộc, huyện Can Lộc	
25	Quy hoạch đất ở	0,50	0,50				Thôn Quần Ngọc, xã Khánh Vĩnh Yên	1,16					1,16	Quyết định số 3739 ngày 25/10/2022 của UBND huyện Can Lộc về việc phê duyệt quy hoạch phân lô đất ở	
26	Quy hoạch đất ở	0,53				0,53	Cửa Dung, Phong Sơn, xã Khánh Vĩnh Yên	1,26					1,26	Quyết định số 3739 ngày 25/10/2022 của UBND huyện Can Lộc về việc phê duyệt quy hoạch phân lô đất ở	
27	Quy hoạch đất ở	0,95	0,95				Thôn Hạ Triều, xã Khánh Vĩnh Yên	2,16					2,16	Quyết định số 3739 ngày 25/10/2022 của UBND huyện Can Lộc về việc phê duyệt quy hoạch phân lô đất ở	
28	Quy hoạch đất ở xen dầm	0,40				0,40	Khánh Vĩnh Yên	0,61					0,61	Quyết định số 3739 ngày 25/10/2022 của UBND huyện Can Lộc về việc phê duyệt quy hoạch phân lô đất ở	
II	Đất ở đô thị	7,78	7,03			0,75		16,01	-	-	-	16,01	-		

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã...)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
1	Quy hoạch đất ở	0,50	0,50				Tổ dân phố Vĩnh Phong, Thị trấn Nghèn	1,19					1,19	Quyết định số 3739 ngày 25/10/2022 của UBND huyện Can Lộc về việc phê duyệt quy hoạch phân lô đất ở	
2	Quy hoạch đất ở	2,80	2,80				Tổ dân phố Vĩnh Phong, Thị trấn Nghèn	6,51					6,51	Quyết định số 3739 ngày 25/10/2022 của UBND huyện Can Lộc về việc phê duyệt quy hoạch phân lô đất ở	
3	Quy hoạch đất ở	0,80	0,40			0,40	Tổ dân phố 4, Thị trấn Nghèn	1,90					1,90	Quyết định số 3739 ngày 25/10/2022 của UBND huyện Can Lộc về việc phê duyệt quy hoạch phân lô đất ở	
4	Quy hoạch đất ở	0,22	0,22				Phúc Xuân, Thị trấn Nghèn	0,50					0,50	Quyết định số 3739 ngày 25/10/2022 của UBND huyện Can Lộc về việc phê duyệt quy hoạch phân lô đất ở	
5	Quy hoạch đất ở	0,60	0,60				Phúc Sơn, thị trấn Nghèn							Quyết định số 3739 ngày 25/10/2022 của UBND huyện Can Lộc về việc phê duyệt quy hoạch phân lô đất ở	
6	Quy hoạch đất ở	2,06	2,06				Thị trấn Đồng Lộc	4,90					4,90	Quyết định số 3739 ngày 25/10/2022 của UBND huyện Can Lộc về việc phê duyệt quy hoạch phân lô đất ở	
7	Quy hoạch đất ở	0,27	0,27				Thị trấn Đồng Lộc	0,57					0,57	Quyết định số 3739 ngày 25/10/2022 của UBND huyện Can Lộc về việc phê duyệt quy hoạch phân lô đất ở	
8	QH đất ở đấu giá (ô nhỏ lẻ)	0,35				0,35	Thị trấn Đồng Lộc							Quyết định số 3739 ngày 25/10/2022 của UBND huyện Can Lộc về việc phê duyệt quy hoạch phân lô đất ở	
9	Quy hoạch đất ở	0,18	0,18				Gần nhà văn hóa Kim Thành, Thị trấn Đồng Lộc	0,43					0,43	Quyết định số 3739 ngày 25/10/2022 của UBND huyện Can Lộc về việc phê duyệt quy hoạch phân lô đất ở	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
III	Đất năng lượng	0,15	0,13			0,02	0,08						0,08		
1	Xây dựng, cải tạo đường dây trung áp, hạ áp và TBA để chống quá tải, giảm tổn thất điện năng, giảm bán kính cấp điện khu vực xã Kim Song Trường, xã Tùng Lộc, xã Thuần Thiện, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh	0,04	0,03			0,01	0,02						0,02	Quyết định số 2476/QĐ-EVNNPC ngày 04/10/2022 của Tổng Công ty Điện lực miền Bắc	
2	Xây dựng, cải tạo đường dây trung áp, hạ áp và TBA để chống quá tải, giảm tổn thất điện năng, giảm bán kính cấp điện khu vực xã Sơn Lộc, xã Khánh Vĩnh Yên, xã Quang Lộc, xã Thiên Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh	0,05	0,04			0,01	0,03						0,03	Quyết định số 2476/QĐ-EVNNPC ngày 04/10/2022 của Tổng Công ty Điện lực miền Bắc	
3	Di dời, cải tạo đường điện phục vụ GPMB dự án đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía đông giai đoạn 2021-2025, đoạn Bái Vọt - Hàm Nghi	0,06	0,06				0,04						0,04	Quyết định số 2476/QĐ-EVNNPC ngày 04/10/2022 của Tổng Công ty Điện lực miền Bắc	
IV	Đất buru chính viễn thông	0,42	0,08			0,34	0,17	-	-	-	-	-	0,17		
1	QH đất buru chính viễn thông	0,03				0,03	0,09						0,09	QĐ số 1431/QĐ-VTHT-KTĐT ngày 04/11/2022 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các trạm BTS trên địa bàn huyện Can Lộc tỉnh Hà Tĩnh	
2	QH đất buru chính viễn thông	0,04				0,04	0,11						0,11	QĐ số 1431/QĐ-VTHT-KTĐT ngày 04/11/2022 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các trạm BTS trên địa bàn huyện Can Lộc tỉnh Hà Tĩnh	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
3	QH đất buru chính viễn thông	0,04				0,04	Xóm Đô Hành, xã Mỹ Lộc	0,11					0,11	QĐ số 1431/QĐ-VTHT-KTĐT ngày 04/11/2022 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các trạm BTS trên địa bàn huyện Can Lộc tỉnh Hà Tĩnh	
4	QH đất buru chính viễn thông	0,04				0,04	Xóm Tân Tiến, xã Phú Lộc	0,11					0,11	QĐ số 1431/QĐ-VTHT-KTĐT ngày 04/11/2022 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các trạm BTS trên địa bàn huyện Can Lộc tỉnh Hà Tĩnh	
5	QH đất buru chính viễn thông	0,05	0,05				Hồng Sơn, xã Phú Lộc	0,14					0,14	QĐ số 1431/QĐ-VTHT-KTĐT ngày 04/11/2022 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các trạm BTS trên địa bàn huyện Can Lộc tỉnh Hà Tĩnh	
6	QH đất buru chính viễn thông	0,04				0,04	Thôn Ban Long, xã Quang Lộc	0,11					0,11	QĐ số 1431/QĐ-VTHT-KTĐT ngày 04/11/2022 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các trạm BTS trên địa bàn huyện Can Lộc tỉnh Hà Tĩnh	
7	QH đất buru chính viễn thông	0,04				0,04	Thôn 3, xã Thường Nga	0,11					0,11	QĐ số 1431/QĐ-VTHT-KTĐT ngày 04/11/2022 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các trạm BTS trên địa bàn huyện Can Lộc tỉnh Hà Tĩnh	
8	QH đất buru chính viễn thông	0,03				0,03	Xóm Cồn Sơn, xã Trung Lộc	0,09					0,09	QĐ số 1431/QĐ-VTHT-KTĐT ngày 04/11/2022 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các trạm BTS trên địa bàn huyện Can Lộc tỉnh Hà Tĩnh	
9	QH đất buru chính viễn thông	0,03				0,03	Đông Kim, xã Trung Lộc	0,09					0,09	QĐ số 1431/QĐ-VTHT-KTĐT ngày 04/11/2022 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các trạm BTS trên địa bàn huyện Can Lộc tỉnh Hà Tĩnh	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã...)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
10	QH đất bư chính viễn thông	0,02				0,02	Xóm Hồng Vượng, xã Vượng Lộc	0,06					0,06	QĐ số 1431/QĐ-VTHT-KTĐT ngày 04/11/2022 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các trạm BTS trên địa bàn huyện Can Lộc tỉnh Hà Tĩnh	
11	QH đất bư chính viễn thông	0,03	0,03				Thôn Văn thịnh, xã Xuân Lộc	0,09					0,09	QĐ số 1431/QĐ-VTHT-KTĐT ngày 04/11/2022 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các trạm BTS trên địa bàn huyện Can Lộc tỉnh Hà Tĩnh	
12	QH đất bư chính viễn thông	0,03				0,03	Thôn Trung xá, xã Xuân Lộc	0,09					0,09	QĐ số 1431/QĐ-VTHT-KTĐT ngày 04/11/2022 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các trạm BTS trên địa bàn huyện Can Lộc tỉnh Hà Tĩnh	
V	Đất giao thông	0,48	0,24			0,24		2,00					2,00		
1	Mở rộng tuyến đường Thị - Sơn huyện Can Lộc	0,48	0,24			0,24	Thị trấn Nghèn, Xuân Lộc, Trung Lộc, Quang Lộc, Sơn Lộc	2,00					2,00	Công văn số 4247/UBND-GT ngày 28/6/2019 về chủ trương đầu tư xây dựng, nâng cấp, mở rộng tuyến đường Thị - Sơn huyện Can Lộc	
53	Tổng A: 53 Danh mục	32,75	25,53			7,22		72,40					72,15	0,25	
B. Công trình, dự án cần thu hồi đất đã được HĐND tỉnh thông qua tại các Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021, Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29/4/2022, Nghị quyết số 83/NQ-															
I	Đất cụm công nghiệp	9,82	9,82					11,88		11,88					
1	Cụm công nghiệp Can Lộc	9,82	9,82				Xã Thiên Lộc; TT Nghèn	11,88		11,88				Quyết định số 3779/QĐ-UBND ngày 9/11/2020 của UBND tỉnh	
II	Đất ở nông thôn	54,94	51,84			3,10		127,70			21,53	90,69	15,48		
1	Quy hoạch đất ở	0,90	0,90				Trại lê, xã Quang Lộc	1,91					1,91	Quyết định số 2055 ngày 27/6/2022 của UBND huyện Can Lộc cho phép UBND xã Quang Lộc khảo sát địa điểm lập quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất phân lô đất ở các thôn: Tam Long, Yên Lập, Trại Lê xã Quang Lộc	
2	Quy hoạch đất ở	0,90	0,90				Thượng lợi, xã Quang Lộc	2,14					2,14	Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
3	Khu TĐC Đường bộ cao tốc tại xã Quang Lộc	1,78	1,78				Quang Lộc	6,67			6,67			Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29/04/2022	
4	Quy hoạch đất ở	0,40	0,40				Nhà Ra, xã Quang Lộc	0,95				0,95		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
5	Quy hoạch đất ở	1,60	1,60				Thôn Làng Lau, Vượng Lộc	3,64				3,64		QĐ số 2026/QĐ-UBND huyện ngày 22/06/2022 cho phép UBND xã Vượng Lộc khảo sát địa điểm, lập quy hoạch tổng thể mặt bằng sử dụng đất phân lô ở các thôn Minh Vượng, Đông Mỹ, Cừ Lâm, Đồng Huệ, Làng Lau, xã Vượng Lộc	
6	Quy hoạch đất ở	0,25	0,25				Thôn Cừ Lâm, Vượng Lộc	2,02				2,02		QĐ số 2026/QĐ-UBND huyện ngày 22/06/2022 cho phép UBND xã Vượng Lộc khảo sát địa điểm, lập quy hoạch tổng thể mặt bằng sử dụng đất phân lô ở các thôn Minh Vượng, Đông Mỹ, Cừ Lâm, Đồng Huệ, Làng Lau, xã Vượng Lộc	
7	Quy hoạch đất ở	0,30				0,30	Thôn Minh Vượng, xã Vượng Lộc	2,09				2,09		QĐ số 2026/QĐ-UBND huyện ngày 22/06/2022 cho phép UBND xã Vượng Lộc khảo sát địa điểm, lập quy hoạch tổng thể mặt bằng sử dụng đất phân lô ở các thôn Minh Vượng, Đông Mỹ, Cừ Lâm, Đồng Huệ, Làng Lau, xã Vượng Lộc	
8	Quy hoạch đất ở	0,75	0,75				Đồng Huệ, Đông Mỹ, xã Vượng Lộc	2,14				2,14		QĐ số 2026/QĐ-UBND huyện ngày 22/06/2022 cho phép UBND xã Vượng Lộc khảo sát địa điểm, lập quy hoạch tổng thể mặt bằng sử dụng đất phân lô ở các thôn Minh Vượng, Đông Mỹ, Cừ Lâm, Đồng Huệ, Làng Lau, xã Vượng Lộc	
9	Quy hoạch đất ở	0,60	0,60				Thôn Thịnh Lộc, Khe Giao, xã Sơn Lộc	1,28				1,28		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã...)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
10	Khu TĐC Đường bộ cao tốc tại xã Sơn Lộc	1,00	1,00				Thôn Thịnh Lộc, xã Sơn Lộc	2,95			2,95			Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29/04/2022	
11	Quy hoạch đất ở	0,90	0,90				Đôi Cụp Trùa, Thôn Nhật Tân, xã Mỹ Lộc	2,20				2,20		Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022	
12	Quy hoạch đất ở	0,80	0,80				Thôn Trung Xá, xã Xuân Lộc	1,90				1,90		Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022	
13	Quy hoạch đất ở	9,80	9,80				Văn Cừ, xã Xuân Lộc	21,78				21,78		Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022	
14	Quy hoạch đất ở	0,78	0,78				Đồng Bông Sơn, Thôn Mới, xã Xuân Lộc	1,86				1,86		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
15	Quy hoạch đất ở	3,30	3,30				Thôn Văn Thịnh, xã Xuân Lộc	7,67				7,67		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
16	Khu TĐC đường bộ cao tốc tại xã Kim Song Trường	2,70	2,70				Thôn Đông Vĩnh, xã Kim Song Trường	2,38			2,38			Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29/04/2022	
17	Khu TĐC đường bộ cao tốc tại xã Kim Song Trường	2,14	2,14				Thôn Phúc Yên, Đông Vĩnh, xã Kim Song Trường	2,55			2,55			Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29/04/2022	
18	Quy hoạch đất ở	0,40	0,40				Thôn Tân Mỹ, xã Trung Lộc	0,95				0,95		Quyết định số 2040 ngày 31/7/2020 của UBND huyện Can Lộc cho phép UBND xã Trung Lộc khảo sát lập, quy hoạch tổng thể mặt bằng sử dụng đất phân lô tại các thôn Tân Mỹ, Trung Long, Cồn Soi, Bình Minh và Đồng Kim xã Trung Lộc	
19	Quy hoạch đất ở	0,40	0,40				Thôn Trung Long, xã Trung Lộc	0,73				0,73		Quyết định số 2040 ngày 31/7/2020 của UBND huyện Can Lộc cho phép UBND xã Trung Lộc khảo sát lập, quy hoạch tổng thể mặt bằng sử dụng đất phân lô tại các thôn Tân Mỹ, Trung Long, Cồn Soi, Bình Minh và Đồng Kim xã Trung Lộc	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
20	Khu TĐC Đường bộ cao tốc tại xã Trung Lộc	2,05	2,05				Thôn Minh Hương, xã Trung Lộc	6,98			6,98			Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29/04/2022	
21	Quy hoạch đất ở	2,00	2,00				Đông Nhà Trú, xã Thường Nga	4,76				4,76		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
22	Quy hoạch đất ở	0,78	0,78				QH đất ở Đông Cầu, xã Thường Nga	1,86				1,86		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
23	Quy hoạch đất ở	0,05	0,05				Lăng Hồng, xã Tùng Lộc	0,12				0,12		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
24	Quy hoạch đất ở	1,00	1,00				Đông Đập, Cưa Ao, xã Tùng Lộc	2,38				2,38		Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022	
25	Quy hoạch đất ở	1,00	1,00				Đông Bầu, xã Tùng Lộc	2,27				2,27		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
26	Quy hoạch đất ở	6,50	6,50				Cồn áo Đông Râm, xã Tùng Lộc	15,48				15,48		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
27	Quy hoạch đất ở	0,15				0,15	Làng Sắt, xã Tùng Lộc	0,36				0,36		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
28	Quy hoạch đất ở	0,80	0,80				Nhà Bàng Phúc Sơn, xã Thuần Thiện	1,70				1,70		QĐ số 2618/QĐ-UBND ngày 6/10/2020 của UBND huyện cho phép UBND xã Thuần Thiện khảo sát địa điểm, lập quy hoạch tổng thể mặt bằng sử dụng đất phân lô đất ở đồng Nhà Bàng, xã Thuần Thiện	
29	Quy hoạch đất ở	1,00	1,00				Nhà Tráng, Thôn Yên, xã Thuần Thiện	2,38				2,38		Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022	
30	Quy hoạch đất ở	0,40				0,40	NVH Thôn Yên, xã Thuần Thiện	0,93				0,93		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
31	Quy hoạch đất ở	1,40	1,40				Thôn Hồng Tân, xã Thiên Lộc	1,90				1,90		Quyết định 3324/QĐ-UBND huyện ngày 21/11/2019	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
32	Quy hoạch đất ở	3,4	3,4				Đất ở vùng Bê, xã Thiên Lộc	7,73					7,73	Quyết định 4090/QĐ-UBND huyện ngày 31/12/2019 cho phép UBND xã Thiên Lộc khảo sát địa điểm quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất phân lô đất ở Đồng Bê, xã Thiên Lộc, huyện Can Lộc	
33	QH đất xen dăm	0,05				0,05	Đông Nam, Trường Lộc xã Thiên Lộc	0,09					0,09	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2022	
34	Quy hoạch đất ở	0,9	0,9				Vùng Đồng Bà Trach, Thôn Yên Đình xã Thiên Lộc	2,14					2,14	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2022	
35	Quy hoạch đất ở	0,10	0,10				Thạch Ngọc, xã Khánh Vĩnh Yên	0,23					0,23	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2022	
36	Quy hoạch đất ở	0,60	0,50			0,10	Đông Chùa Nghi Thông Thạch Ngọc, xã Khánh Vĩnh Yên	1,43					1,43	Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022	
37	Quy hoạch đất ở	0,50	0,50				Nương Cộ Vinh Xuân, xã Thượng Lộc	1,14					1,14	QĐ số 1781/QĐ-UBND ngày 21/5/2021 của UBND huyện Can Lộc cho phép UBND xã Thượng Lộc khảo sát địa điểm quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất phân lô ở thôn Đồng Thanh, thôn Vinh Xuân xã Thượng Lộc	
38	Quy hoạch đất ở	0,28	0,28				Thôn Vinh Phú, xã Phú Lộc	0,64					0,64	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2022	
39	Quy hoạch đất ở	0,18	0,18				Thôn Tiến Thịnh, xã Phú Lộc	0,50					0,50	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
40	Quy hoạch đất ở	0,50				0,50	Bắc Trung Sơn, xã Gia Hanh	1,19					1,19	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
41	Quy hoạch đất ở	0,55				0,55	Thôn Nghĩa Sơn, xã Gia Hanh	1,17					1,17	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã...)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
42	Quy hoạch đất ở	0,75				0,75	Bắc Trung Sơn, xã Gia Hạnh	1,79				1,79		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2022	
43	Quy hoạch đất ở	0,30				0,30	Nhân Phong, xã Gia Hạnh	0,71				0,71		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
III	Đất ở đô thị	67,96	67,96					83,06				20,97	62,09		
1	Quy hoạch đất ở	9,80	9,80				Đồng Biên Lạc, Khối 5, Thị trấn Nghèn	31,05					31,05	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
2	Quy hoạch đất ở	4,50	4,5				Sơn Thịnh, Thị trấn Nghèn	10,71				10,71		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
3	Quy hoạch đất ở	3,50	3,50				Đồng Biên Đông, Thị trấn Nghèn	7,45				7,45		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
4	Khu đô thị thị trấn Nghèn	34,50	34,50				Thị trấn Nghèn							Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
5	Quy hoạch đất ở	13,66	13,66				Đồng Biên Lạc, Khối 5, Thị trấn Nghèn	31,05					31,05	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
6	Quy hoạch đất ở	2,00	2,00				Kim Thành, TT Đồng Lộc	2,81				2,81		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
IV	Quy hoạch đất sản xuất phi nông nghiệp	1,90	0,50	-	-	1,40		2,59	-	-	-	-	2,59		
1	Xây dựng nhà máy nước	0,50	0,50				Vượng Lộc	1,19					1,19	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
2	Nhà máy nước Phú Lộc	1,40				1,40	Phú Lộc	1,40					1,40	Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022	
V	Đất trụ sở cơ quan	2,40	0,30			2,10		6,86				6,86			
1	Mở rộng UBND xã Kim Song Trường	1,80				1,80	Thôn Đông Vĩnh, xã Kim Song Trường	5,14				5,14		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
2	QH trụ sở UBND Xã	0,60	0,30			0,30	Thôn Đại Bán, xã Khánh Vĩnh Yên	1,71				1,71		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
VI	Đất khai thác khoáng sản	35,67				35,67		107,64					107,64		
1	Đất san lấp	15,00				15,00	Thôn Khe Giao, xã Sơn Lộc	53,57					53,57	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
2	Khai thác chế biến đá xây dựng	4,67				4,67	Khu vực Núi Ông Cương, xã Thiên Lộc, Xã Thiên Lộc	16,68					16,68	Nghị quyết số 93/NQ-HĐND ngày 20/11/2020 của HĐND huyện	
3	Đất san lấp Phú Lộc 1	3,50				3,50	Xã Phú Lộc	5,22					5,22	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
4	Đất san lấp Phú Lộc 2	6,00				6,00	Xã Phú Lộc	8,96					8,96	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
5	Đất san lấp	4,80				4,80	Đồi Thung Bằng, Xã Thượng Lộc	17,14					17,14	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
6	Đất san lấp	1,70				1,70	Thôn Vĩnh Xá, Xã Thượng Lộc	6,07					6,07	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
VII	Đất giao thông	5,80	5,30			0,50		14,91				10,81	4,10		
1	Đường giao thông trục xã	0,80	0,80				Thôn Hồng Vượng, Thái Hòa, Minh Vượng, xã Vượng Lộc	1,78					1,78	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
2	Nối dài đường Quốc Phòng	3,00	3,00				Thiên Lộc	8,11				8,11		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
3	Dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường DH36	1,00	0,5			0,5	Chợ Đình- Quán Trại, Xã Kim Song Trường	2,70				2,70		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
4	Hệ thống giao thông đô thị toàn xã	1,00	1,00				TT Nghèn	2,33				2,33		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
VIII	Đất y tế	0,36	0,36					0,92					0,92		
1	Mở rộng trạm y tế	0,25	0,25				Đồng Bàu Cựa, TT Nghèn	0,64					0,64	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2020	
2	Mở rộng trạm y tế	0,11	0,11				Thôn Quần Ngọc, xã Khánh Vĩnh Yên	0,28					0,28	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
IX	Đất chợ	1,90	1,90					2,92					2,92		
1	QH chợ Tổng	1,10	1,10				Đồng Nhà Nen, xã Kim Song Trường	1,69					1,69	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã...)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
2	QH chợ xã Thượng Lộc	0,80	0,80				Thượng Lộc	1,23				1,23		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
X	Đất công trình sự nghiệp	0,40	0,40					0,88				0,88			
1	Đội thuê Can Lộc KP Phúc Sơn, TT Nghèn	0,20	0,20				TT Nghèn	0,44				0,44		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
2	Trụ sở Hạt kiểm lâm huyện Can Lộc	0,20	0,2				TT Nghèn	0,44				0,44		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
XI	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	0,50	0,50					0,69				0,69			
1	Mở rộng nghĩa trang, nghĩa địa	0,50	0,50				Thôn Yên Tràng, Xã Kim Song Trường	0,69				0,69		Nghị quyết số 171/NQ-HĐND ngày 15/12/2019	
XII	Đất tôn giáo	2,35	2,35					2,87				2,87			
1	QH MR chùa Hà Linh	0,30	0,30				Đồng Đàm Cháy, thị trấn Nghèn	0,37				0,37		Nghị quyết số 93/NQ-HĐND ngày 20/11/2020 của HĐND huyện	
2	QH Mở rộng chùa Chiêu Ninh thôn Phúc Tân	1,50	1,50				Xã Kim Song Trường	1,83				1,83		Nghị quyết số 93/NQ-HĐND ngày 20/11/2020 của HĐND huyện	
3	QH MR Chùa Hội	0,25	0,25				Chùa Hội Thôn Thuận Thăng, xã Khánh Vĩnh Yên	0,30				0,30		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
4	Giáo họ Cây Bàng	0,3	0,3				Xuân Lộc	0,37				0,37		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
XIII	Đất tín ngưỡng	0,40	0,40					0,60				0,60			
1	Mở rộng khuôn viên nhà thờ giáo họ Bình Hòa, thôn Bình Yên	0,4	0,4				Xuân Lộc	0,60				0,60		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
XIV	Đất văn hóa	0,62	0,62					0,69				0,69			
1	QH Đài Tưởng Niệm	0,50	0,50				Đồng Nhà Nen, xã Kim Song Trường	0,60				0,60		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
2	Quy hoạch Nhà văn hóa Ban Long, xã Quang Lộc	0,12	0,12				Xã Quang Lộc	0,09				0,09		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
XV	Đất thể dục - thể thao	6,60	6,60					13,20				13,20			
1	Đất thể dục thể thao trong Khu đô thị	6,60	6,60				Thị trấn Nghèn	13,20				13,20		Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
79	Tổng B: 79 Danh mục	191,62	148,85			42,77		377,42		11,88	33,22	131,32	201,00		
132	TỔNG A+B: 132 Danh mục	224,37	174,38			49,99		449,83		11,88	33,22	203,47	201,25		

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

**PHỤ LỤC 1.10. TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẦN THU HỒI ĐẤT NĂM 2023
CỦA HUYỆN KỶ ANH**

(Kèm theo Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã...)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
(1)	(2)	(3)=(4)+(5) +(6)+(7)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(10)+... +(14)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
A. Công trình, dự án cần thu hồi đất đề xuất mới trong năm 2023															
I	Đất giao thông	12,94	2,50			10,44		18,80		4,50	14,30				
1	QH đường nối đường trục xã đến Cồn Lụy - Trần Phú	0,20	0,14			0,06	Xã Kỳ Xuân	0,50			0,50			Văn bản số 4403/UBND-NL4 ngày 10/8/2022 của UBND tỉnh về việc thẩm định danh mục thư quan tâm gói cơ sở hạ tầng đợt 2, thuộc Hợp phần 3, Dự án FMCR; Văn bản 2188/SKHĐT-TĐSDT ngày 10/8/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc hoàn thiện hồ sơ danh mục đầu tư các gói cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất thuộc hợp phần 3 Dự án FMCR (đợt 2)	
2	Nâng cấp mở rộng đường huyện lộ Văn Tây (DH 144)	1,00				1,00	Xã Kỳ Văn	1,80			1,80			Quyết định số 3843/QĐ-UBND ngày 16/9/2022 của UBND huyện Kỳ Anh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án nâng cấp mở rộng đường huyện lộ Văn Tây (DH 144)	
3	Dự án Cầu Ma Rén	0,04				0,04	Xã Lâm Hợp	0,30			0,30			Quyết định số 5354/QĐ-UBND, ngày 27/10/2021 của UBND huyện Kỳ Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Cầu Ma Rén xã Lâm Hợp, huyện Kỳ Anh	
4	Nâng cấp mở rộng tuyến đường liên xã LX07 (Khang- Ninh)	0,70	0,40			0,30	Xã Kỳ Khang	1,10			1,10			- NQ 18/NQ-HĐND ngày 12/8/2021 của HĐND huyện Kỳ Anh - QĐ 996/QĐ-UBND ngày 30/3/2022 của UBND huyện Kỳ Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
5	Đường trục xã Kỳ Tân đoạn từ cầu Bàu đến QL12C	0,30	0,30				Xã Kỳ Tân	0,80			0,80			- NQ 32/NQ-HĐND ngày 31/12/2021 của HĐND huyện Kỳ Anh - QĐ 3048/QĐ-UBND ngày 09/8/2022 của UBND huyện Kỳ Anh vv phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	
6	Đường liên xã Phong Bắc (LX.01)	0,37				0,37	Xã Kỳ Phong	1,00			1,00			Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 31/12/2021 của Hội đồng Nhân dân huyện Kỳ Anh và QĐ số 3448/QĐ-UBND ngày 06/9/2022 của UBND huyện Kỳ Anh phê duyệt chủ trương đầu tư	
7	Cầu Cổ Kiềm xã Kỳ Xuân	0,25				0,25	Xã Kỳ Xuân	0,60			0,60			NQ18/NQ-HĐND ngày 12/8/2021 của HĐND huyện Kỳ Anhvà QĐ 7092/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 phê duyệt chủ trương của UBND huyện Kỳ Anh	
8	Cầu Choi (K1+723)	0,15				0,15	Xã Kỳ Phong	0,60			0,60			NQ142/NQ-HĐND ngày 29/7/2022 của HĐND huyện Kỳ Anhvà QĐ 3581/QĐ-UBND ngày 13/9/2022 phê duyệt chủ trương của UBND huyện Kỳ Anh	
9	Đường giao thông trục xã Kỳ Lạc, huyện Kỳ Anh	4,15	1,26			2,89	Xã Kỳ Lạc	4,00			4,00			NQ22/NQ-HĐND ngày 11/10/2021 của HĐND huyện Kỳ Anhvà QĐ 5332/QĐ-UBND ngày 22/10/2021 phê duyệt chủ trương của UBND huyện Kỳ Anh	
10	Đường liên xã Trung Tây (LX.14)	1,50				1,50	Xã Kỳ Trung, Kỳ Tây	2,00			2,00			-NQ 32/NQ-HĐND ngày 31/12/2021 của HĐND huyện Kỳ Anh -QĐ 3504/QĐ-UBND ngày 05/9/2022 của UBND huyện Kỳ Anh vv phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	
11	Đường liên xã Xuân Phú (LX.05)	1,00	0,20			0,80	Xã Kỳ Xuân	1,60			1,60			-NQ 32/NQ-HĐND ngày 31/12/2021 của HĐND huyện Kỳ Anh -QĐ 3046/QĐ-UBND ngày 09/8/2022 của UBND huyện Kỳ Anh vv phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	
12	Xây dựng cầu Con Trường tại Km100+950 và cầu Ông Nhon tại Km101+950, đường tỉnh ĐT.554, huyện Kỳ Anh	0,80	0,20			0,60	Xã Lâm Hợp	1,00		1,00				Công văn số 6294/UBND-GT ngày 04/11/2022 về việc giao xem xét, tham mưu phân bổ nguồn kinh phí quản lý, bảo trì đường bộ, đường thủy nội địa địa phương năm 2023	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
13	Nâng cấp tuyến đường GTNT phục vụ sản xuất nông, lâm nghiệp kết hợp tuần tra bảo vệ rừng ven biển các thôn Trần Phú, Xuân Tiến, Nguyễn Huệ xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh.	1,43				1,43	Xã Kỳ Xuân	2,00		2,00				Văn bản số 983/BQLDA-KHĐT ngày 25/10/2022 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
14	Nâng cấp 2 tuyến đường GTNT phục vụ sản xuất kết hợp dân sinh các thôn Phú Trung, Phú Thượng, Phú Hải xã Kỳ Phú, huyện Kỳ Anh	1,05				1,05	Xã Kỳ Phú	1,50		1,50				Văn bản số: 983/BQLDA-KHĐT ngày 25/10/2022 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
II	Đất thủy lợi	0,10	0,10					0,40				0,40			
1	Xây dựng khu xử lý nước thải	0,10	0,10				Xã Kỳ Văn	0,40				0,40		Văn bản số: 2044/UBND-TNMT ngày 28/12/2021 của UBND huyện Kỳ Anh về việc thực hiện mô hình xử lý nước thải sinh hoạt khu dân cư tập trung thôn Mỹ Liên, xã Kỳ Văn	
III	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	0,80	0,80					1,20				1,20			
1	Mở rộng trường trung học cơ sở Giang Đồng	0,80	0,80				Thôn Đồng Tiến, xã Kỳ Đồng	1,20				1,20		Văn bản số 4373/UBND-XD1 ngày 25/7/2018 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh địa điểm xây dựng trường THCS Giang Đồng	
IV	Đất công trình bưu chính viễn thông	0,60	0,08			0,52		4,00					4,00		
1	Xây dựng trạm BTS mạng di động	0,60	0,08			0,52	Xã Kỳ Bắc, xã Kỳ Hải, xã Kỳ Phong, xã Kỳ Phú, xã Kỳ Sơn, xã Kỳ Tây, xã Kỳ Thọ, xã Kỳ Trung, xã Kỳ Văn, xã Kỳ Thượng, xã Lâm Hợp	4,00					4,00	QĐ số 1430/QĐ-VTHT-KTĐT ngày 4/11/2022 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các trạm BTS trên địa bàn huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh	
V	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	0,05				0,05		0,10				0,10			

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
1	Mở rộng khuôn viên trụ sở UBND xã Kỳ Thu	0,05				0,05	Xã Kỳ Thu	0,10				0,10		Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 14/01/2022 của HĐND xã Kỳ Thu về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 (năm 2022 đưa ra, đề xuất đưa vào năm 2023 để thực hiện)	
VI	Đất sinh hoạt cộng đồng	0,65	0,39			0,26		0,47				0,47			
1	QH hội trường thôn Tân Thành	0,19	0,19				Xã Kỳ Giang	0,10				0,10		NQ số 17/NQ-HĐND ngày 31/12/2021 của HĐND xã Kỳ Giang thông qua Danh mục công trình khởi công năm 2022; Nghị quyết số 14/2021/NQ-HĐND ngày 31/12/2021 của Hội đồng nhân dân xã Kỳ Giang phân bổ vốn đầu tư công ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND ngày 31/12/2021 của Hội đồng nhân dân xã Kỳ Giang Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	
2	QH hội trường thôn Tân Phong	0,20	0,20				Xã Kỳ Giang	0,10				0,10		NQ số 17/NQ-HĐND ngày 31/12/2021 của HĐND xã Kỳ Giang thông qua Danh mục công trình khởi công năm 2022; Nghị quyết số 14/2021/NQ-HĐND ngày 31/12/2021 của Hội đồng nhân dân xã Kỳ Giang phân bổ vốn đầu tư công ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND ngày 31/12/2021 của Hội đồng nhân dân xã Kỳ Giang Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	
3	Mở rộng khuôn viên nhà văn hóa thôn Sơn Trung 1	0,07				0,07	Sơn Trung 1, xã Kỳ Sơn	0,12				0,12		Số 1923/QĐ-UBND, ngày 22/6/2020 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc chuyển giao cơ sở nhà, đất của các cơ quan, đơn vị thuộc huyện Kỳ Anh	
4	Mở rộng khuôn viên nhà văn hóa thôn Mỹ Lợi	0,19				0,19	Mỹ Lợi, xã Kỳ Sơn	0,15				0,15		Quyết định số 1923/QĐ-UBND, ngày 22/6/2020 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc chuyển giao cơ sở nhà, đất của các cơ quan, đơn vị thuộc huyện Kỳ Anh	
VII	Đất ở tại nông thôn	22,40	8,60			13,80		18,70			0,60	17,10	1,00		

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
1	Quy hoạch dân cư Nương Hào 2	2,00	2,00				Xã Kỳ Giang	1,00				1,00		NQ số 17/NQ-HĐND ngày 31/12/2021 của HĐND xã Kỳ Giang thông qua Danh mục công trình khởi công năm 2022; Nghị quyết số 14/2021/NQ-HĐND ngày 31/12/2021 của Hội đồng nhân dân xã Kỳ Giang phân bổ vốn đầu tư công ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND ngày 31/12/2021 của Hội đồng nhân dân xã Kỳ Giang Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	
2	Khu dân cư vùng Thặng Lặng	0,80	0,40			0,40	Xã Kỳ Phong	0,90				0,90		Công văn số 554/UBND-KT&HT ngày 18/4/2022 của UBND huyện Kỳ Anh về việc đồng ý chủ trương lập quy hoạch Khu dân cư tại xã Kỳ Phong;	
3	QH KDC Đồng Thủy Văn	5,00				5,00	Thôn Bắc Châu, xã Kỳ Châu	7,20				7,20		Văn bản số 560/UBND-KT&HT ngày 18/4/2022 của UBND huyện Kỳ Anh về việc đồng ý chủ trương lập quy hoạch Khu dân cư tại xã Kỳ Văn	
4	QH đất ở Vùng đồng Hoang	5,00	5,00				Xã Kỳ Văn	4,00				4,00		Văn bản số 560/UBND-KT&HT ngày 18/4/2022 của UBND huyện Kỳ Anh về việc đồng ý chủ trương lập quy hoạch Khu dân cư tại xã Kỳ Văn	
5	Đất ở vùng Cửa Trong nước thôn Hải Vân	1,89	1,20			0,69	Thôn Hải Vân, xã Kỳ Đồng	2,00				2,00		Văn bản số 556/ UBND- KT&HT ngày 18/4/2022 của UBND huyện Kỳ Anh về việc đồng ý chủ trương lập quy hoạch khu dân cư tại xã Kỳ Đồng	
6	Quy hoạch khu dân cư Vùng Đồi, thôn Đồng Phú	1,50				1,50	Thôn Đồng Phú, xã Kỳ Đồng	0,30				0,30		Văn bản số 556/ UBND- KT&HT ngày 18/4/2022 của UBND huyện Kỳ Anh về việc đồng ý chủ trương lập quy hoạch khu dân cư tại xã Kỳ Đồng	
7	Quy hoạch xen dầm vùng Hương sơn - thôn Đồng Tiến,	0,20				0,20	Thôn Đồng Tiến, xã Kỳ Đồng	0,20				0,20		Văn bản số 556/ UBND- KT&HT ngày 18/4/2022 của UBND huyện Kỳ Anh về việc đồng ý chủ trương lập quy hoạch khu dân cư tại xã Kỳ Đồng	
8	Quy hoạch xen dầm đất ở vùng Trạng - thôn Yên Sơn	0,26				0,26	Thôn Yên Sơn, xã Kỳ Đồng	0,50				0,50		Văn bản số 556/ UBND- KT&HT ngày 18/4/2022 của UBND huyện Kỳ Anh về việc đồng ý chủ trương lập quy hoạch khu dân cư tại xã Kỳ Đồng	
9	QH đất ở nông thôn đồng Rây Đình	4,55				4,55	Xã Kỳ Phú	2,00				1,00	1,00	QĐ số 3170/QĐ-UBND ngày 30/9/2019 của UBND huyện Kỳ Anh về việc đồng ý chủ trương lập quy hoạch khu dân cư	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
10	QH đất ở nông thôn vùng Đồng Chính	0,60				0,60	Thôn Trung Xuân, xã Kỳ Tân	0,30			0,30			QĐ số 4815/QĐ-UBND ngày 4/6/2014 của UBND huyện Kỳ Anh về việc đồng ý chủ trương lập quy hoạch khu dân cư vùng Đồng Chính và đồng Cây Cừa	
11	QH đất ở nông thôn vùng đồng Cây Cừa	0,60				0,60	Thôn Nam Xuân, xã Kỳ Tân	0,30			0,30				
33	Tổng A: 33 Danh mục	37,54	12,47			25,07		43,67		4,50	14,90	19,27	5,00		
B. Công trình, dự án cần thu hồi đất đã được HĐND tỉnh thông qua tại các Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021, Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29/4/2022, Nghị quyết số 83/NQ-HĐND															
I	Đất rừng sản xuất	6,50				6,50		3,90		2,34	1,56				
1	Đất rừng sản xuất thôn Nam Sơn Xuân (Đời các hộ TĐC các hộ dân xung quang nhà máy rác thải)	6,50				6,50	Xã Kỳ Tân	3,90		2,34	1,56			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
II	Đất cụm công nghiệp	45,00	7,00			38,00		40,00		40,00					
1	CCN Khang Đồng	45,00	7,00			38,00	Xã Kỳ Đồng, Kỳ Khang	40,00		40,00				Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
III	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	6,11	0,61			5,50		2,60		0,50	0,30	1,80			
1	QH Mở rộng khuôn viên trường mầm non thôn Mỹ Liên	0,40				0,40	Xã Kỳ Văn	0,20				0,20		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
2	Mở rộng trường mầm non Kỳ Hải	0,30				0,30	Xã Kỳ Hải	0,40				0,40		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
3	Quy hoạch trường dạy nghề- trường lái ô tô (Cơ sở dạy nghề tại Kỳ Đồng)	3,70				3,70	Xã Kỳ Đồng	0,50		0,50				Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
4	Trường Mầm non Phúc Môn Kỳ Thượng	0,76	0,06			0,70	Xã Kỳ Thượng	0,70				0,70		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
5	MR khuôn viên trường Mầm non	0,31				0,31	Xã Kỳ Bắc	0,30			0,30			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
6	MR trường mầm non Kỳ Giang	0,18	0,18				Xã Kỳ Giang	0,50				0,50		Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29/04/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
7	Mở rộng khuôn viên trường TH và THCS Kỳ Thu	0,26	0,17			0,09	Thôn Trung Giang, xã Kỳ Thu							Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/07/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
8	Mở rộng khuôn viên trường Mầm non diêm Tân Thành	0,20	0,20				Thôn Tân Thành, xã Kỳ Giang							Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/07/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
IV	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	1,08	1,08					0,92				0,92			

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
1	QH Sân vận động trung tâm tại vùng Giếng Chợ thôn Hợp Tiến	1,08	1,08				Xã Kỳ Bắc	0,92				0,92		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
V	Đất giao thông	42,95	18,37	2,50		22,08		39,71	2,00	6,02	31,69				
1	Đường liên xã LX.02 từ QL1A đi Sông Rác huyện Kỳ Anh (thực hiện phần còn lại)	1,10	0,40			0,70	Xã Kỳ Phong	0,88		0,26	0,62			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
2	Đường huyện ĐH.137 (Đường Tiến - Xuân), huyện Kỳ Anh	0,30	0,15			0,15	Xã Kỳ Tiến	1,20		0,70	0,50			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
3	Đường cứu hộ Nước Xanh	0,25	0,15			0,10	Xã Kỳ Phong	0,20		0,06	0,14			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
4	Tuyến đường kết nối đô thị trung tâm thuộc dự án Phát triển tổng hợp các đô thị động lực - Tiêu dự án đô thị Kỳ Anh đoạn qua xã Kỳ Châu, huyện Kỳ Anh (Dự án "Phát triển tổng hợp các đô thị động lực")	2,69	2,02			0,67	Xã Kỳ Châu	2,00	2,00					Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
5	Nâng cấp, mở rộng đường ĐH 136 đoạn Km3+00-Km5+600 (từ đường bộ ven biển đến đường tuần tra ven biển)	0,30	0,30				Xã Kỳ Xuân	0,43			0,43			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
6	Đường ĐH.136 đoạn từ Km1 + 400 đến Km3 + 500 xã Kỳ Bắc đi xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh	1,44	0,05			1,39	Xã Kỳ Bắc, xã Kỳ Xuân	4,00			4,00			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
7	Nâng cấp tuyến đường Sơn - Thượng (DH145)	5,22	1,00			4,22	Xã Kỳ Thượng, Kỳ Sơn	5,00		5,00				Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
8	Đường giao thông liên khu vực đô thị mới Kỳ Đồng (Đoạn từ QL 1 đến đường chính đô thị Kỳ Đồng)	4,20	3,80			0,40	Xã Kỳ Giang	4,00			4,00			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
9	Xây dựng hạ tầng thiết yếu phục vụ vùng trồng chè tập trung	1,00				1,00	Xã Kỳ Trung	0,50			0,50			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
10	Đường Liên xã LX.04 Tiến Xuân	1,30	1,00			0,30	Kỳ Xuân	1,50			1,50			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
11	Nâng cấp đường huyện lộ Thọ Trung (ĐH.143)	3,50				3,50	Kỳ Thọ, Kỳ Văn, Kỳ Trung	4,00			4,00			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
12	Đường Liên xã LX.17 Kỳ Lạc - Ngư Hóa	4,00				4,00	xã Kỳ Lạc	4,50			4,50			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
13	Đường giao thông kết nối CCN Kỳ Khang từ QL1A đến đường ven biển (Đường giao thông kết nối QL1A đến đường ven biển)	10,50	9,50			1,00	Xã Kỳ Khang, Kỳ Đồng	7,50			7,50			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
14	Đường kè bảo vệ bờ biển Khang - Phú bảm dọc bờ biển	7,15		2,50		4,65	xã Kỳ Phú, Kỳ Khang	4,00			4,00			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
VI	Đất thủy lợi	3.074,75	163,17		38,70	2.872,88		65,66	44,30	20,40	0,50		0,46		
1	Hệ thống tiêu thoát lũ, chống ngập úng Trung tâm hành chính huyện Kỳ Anh và vùng phụ cận	85,00	44,00			41,00	Xã Kỳ Tiên, Kỳ Giang, Kỳ Đồng, Kỳ Phú, Kỳ Thọ.	20,40		20,40				Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
2	Dự án xử lý nước thải sinh hoạt khu dân cư	0,03	0,03				Thôn Xuân Thắng, xã Kỳ Xuân	0,46					0,46	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
3	Dự án cấp nước cho Khu Kinh tế Vũng Áng	2.975,92	117,94		38,70	2.819,28	xã Kỳ Tây, Kỳ Thượng, Lâm Hợp, Kỳ Sơn, Kỳ Lạc, Kỳ Tân	40,00	40,00					Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
4	Sửa chữa, nâng cao an toàn đập (WB8) Hồ Nước Xanh	5,00	0,50			4,50	Xã Kỳ Phong, Kỳ Tiên	1,50	1,50					Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
5	Sửa chữa, nâng cao an toàn đập (WB8) Hồ Ba Khe	4,00	0,50			3,50	xã Kỳ Bắc	1,30	1,30					Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
6	Sửa chữa, nâng cao an toàn đập (WB8) Hồ Khe Còi	4,00				4,00	xã Kỳ Xuân	1,50	1,50					Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
7	Đất thủy lợi toàn huyện (bao gồm hệ thống nước sạch)	0,80	0,20			0,60	Các xã	0,50			0,50			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
VII	Đất công trình năng lượng	12,81	1,46	1,89		9,46		20,63	0,19	0,84	1,10		18,50		
1	Xây dựng ĐZ, TBA chống quá tải và giảm tổn thất điện năng lưới điện các xã	0,65	0,50			0,15	Các xã	1,74	0,19	0,81	0,03		0,70	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
2	Nâng cao độ tin cậy cung cấp điện của lưới điện trung áp 35kV thị xã Kỳ Anh, huyện Kỳ Anh, huyện Cẩm Xuyên, huyện Thạch Hà, huyện Can Lộc - tỉnh Hà Tĩnh theo phương pháp đa chia - đa nối (DMMC)	0,11	0,06			0,05	Kỳ Tây, Kỳ Hợp, Kỳ Thư, Kỳ Trung, Kỳ Hải	0,09		0,03	0,06			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
3	Trang Trại Phong điện HBRE Hà Tĩnh	1,55		1,55			Xã Kỳ Lạc	1,24					1,24	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
4	Cải tạo mạch vòng 35kV giữa TBA 110kV Kỳ Anh và TBA 110kV Cẩm Xuyên	0,10				0,10	Xã Kỳ Đồng, Kỳ Phong, Kỳ Tiến, Kỳ Giang, Kỳ Thọ, Kỳ Văn, Kỳ Thư, Kỳ Tân, Kỳ Châu	0,06					0,06	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
5	Di dời các hộ dân dưới đường điện 500 KV	0,70				0,70	xã Kỳ Giang, xã Kỳ Văn	1,00			1,00			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
6	Xây dựng mạch vòng 22kV giữa TBA 110kV Vũng Áng (E18.5) và TBA 110kV Kỳ Anh (E18.3), nâng cao độ tin cậy cung cấp điện theo phương án đa chia đa nối khu vực thị xã Kỳ Anh	0,01	0,01				Xã Kỳ Hải	0,10					0,10	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
7	Xây dựng đường dây và TBA 110kV Kỳ Anh 2	1,60	0,80			0,80	Các xã	1,20					1,20	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
8	Xây dựng ĐZ, TBA giảm tổn thất điện năng, nâng cao chất lượng điện áp khu vực huyện; Xây dựng cải tạo ĐZ trung áp, TBA và ĐZ hạ áp giảm tổn thất điện năng, giảm bán kính cấp điện, nâng cao chất lượng điện áp huyện Kỳ Anh năm 2022	0,11	0,09			0,02	Xã Kỳ Lạc, Lâm Hợp, Kỳ Thư, Kỳ Phú, Kỳ Bắc, Kỳ Khang	0,20					0,20	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
9	Xây dựng đường dây 500Kv Quảng Trạch - Quỳnh Lưu	7,98		0,34		7,64	Xã Kỳ Tân, Lâm Hợp, Kỳ Tây, Kỳ Trung, Kỳ Giang, Kỳ Tiến, Kỳ Phong	15,00					15,00	Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/07/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
IX	Đất bưu chính viễn thông	0,90	0,06			0,84		0,74				0,10	0,64		
1	Xây dựng trạm BTS	0,40				0,40	Kỳ Bắc, xã Kỳ Đông, Xã Kỳ Hải, Xã Kỳ Khang (2 điểm), Xã Kỳ Phong, Xã Kỳ Phú, Xã Kỳ Tây, Xã Kỳ Tân, Xã Kỳ Thọ (02 điểm), Kỳ Tiến, Kỳ Văn, Xã Lâm Hợp, Kỳ Thư, Kỳ Sơn	0,24					0,24	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
2	XD Bưu điện xã tại thôn Lạc Trung	0,03				0,03	Xã Kỳ Lạc	0,10				0,10		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
3	Trạm BTS mạng di động (14 trạm gồm: Kỳ Hải 1; Kỳ Khang 2; Kỳ Lạc 1; Kỳ Phú 1; Kỳ Sơn 2; Kỳ Tân 2; Kỳ Thọ 1; Kỳ Thư 1; Kỳ Tiến 1; Lâm Hợp 2	0,47	0,06			0,41	Xã Kỳ Hải, Kỳ Khang, Kỳ Lạc, Kỳ Phú, Kỳ Sơn, Kỳ Tân, Kỳ Thọ, Kỳ Thư, Kỳ Tiến, Lâm Hợp	0,40					0,40	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
X	Đất chợ	0,30	0,30					0,26				0,26			
1	QH Chợ Kỳ Xuân thôn Xuân Thắng	0,30	0,30				Xã Kỳ Xuân	0,26				0,26		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
XI	Đất ở tại nông thôn	99,65	79,28			20,37		121,57		9,40	9,15	21,24	81,78		
1	Đất ở nông thôn tại vùng Cửa Ông Giáp thôn Đông Xuân	0,90				0,90	Xã Kỳ Tây	0,72				0,72		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
2	QH đất ở khu dân cư thôn Tân Giang (vùng Đại Ác)	0,20	0,20				Xã Kỳ Giang	0,52				0,52		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
3	QH đất ở mới thôn Hải Văn và thôn Đồng Tiến	5,00	3,50			1,50	Xã Kỳ Đông	2,55			2,55			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
4	Khu tái định cư thôn Đồng Tiến và Vùng Trạng thôn Yên Sơn (QH Đất ở tuyến 2 Q.lộ 1A - Khu tái định cư thôn Đồng Tiến; thôn Đồng Phú và Vùng Trạng thôn Yên Sơn)	0,80	0,80				Xã Kỳ Đồng	0,68				0,68		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
5	XD Xây dựng Hạ tầng Chợ huyện (Tổng diện tích 8,7 ha; trong đó DCH 2,03 ha; ONT 3,06 ha; DGT 3,03 ha; DKV 0,54 ha)	8,66	7,76		0,90		Xã Kỳ Đồng	19,78					19,78	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
6	QH Đất ở vùng Hạ Phòng thôn Phương Giai	2,74	2,74				Xã Kỳ Bắc	0,48				0,48		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
7	Đất ở vùng cửa Trường	2,80			2,80		Thôn Mỹ Liên, xã Kỳ Vãn	0,84				0,84		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
8	Đất ở xen dầm	1,00			1,00		Xã Kỳ Đồng	0,60				0,60		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
9	Đất ở tái định cư dự án: Phát triển tổng hợp các đô thị động lực - Tiêu dự án đô thị Kỳ Anh	2,80	2,80				Thôn Hiệu Châu, xã Kỳ Châu	3,10				3,10		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
10	Đất ở xen dầm	1,00	0,50		0,50		Kỳ Phong	0,60				0,60		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
11	Tái định cư đường điện 500kV	0,70			0,70		Xã Kỳ Vãn, Kỳ Giang	2,00		2,00				Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
12	Đất ở TĐC phục vụ mở rộng Trường mầm non Kỳ Thượng (trên đất trường mầm non cơ sở 2 cũ)	0,10			0,10		Thôn Phúc Độ, xã Kỳ Thượng	0,10				0,10		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
13	Đất ở xen dầm (bao gồm các lô đầu giá còn lại tại QHDC Đồng Đung, Đường Bích Châu)	1,62	0,70		0,92		Thôn Thượng Hải, xã Kỳ Hải	1,00				1,00		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
14	Đất ở khu vực Đập Cương	2,86	2,86				Xã Kỳ Hải	3,50				3,50		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
15	QH đất ở mới Mụ Trần Quang Trung	4,00	0,40		3,60		Xã Kỳ Xuân	3,50			3,50			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
16	QH đất ở Vùng Cửa Mương	0,40	0,40				Vùng Cửa Mương, xã Kỳ Tiến	0,30				0,30		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
17	Khu dân cư thôn Tân Phan (Thuộc Trung tâm đô thị Mới Kỳ Đồng)	10,60	9,60			1,00	Xã Kỳ Giang	15,00					15,00	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
18	Hạ tầng dân cư phía Đông Bắc Trung tâm y tế huyện	17,00	17,00				Xã Kỳ Đồng, Kỳ Giang	25,00					25,00	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
19	QH đất ở nông thôn đồng Cửa Xã Dưới	2,44	1,60			0,84	Thôn Tuấn Trượng, Hà Phong, xã Kỳ Phong	2,10			2,10			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
20	QH khu dân cư thôn Xuân Thọ	9,40	9,00			0,40	Xã Kỳ Tân	7,00					7,00	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
21	QH KDC vùng Cửa Miếu Đan Trung	1,20				1,20	Thôn Đan Trung, xã Kỳ Thư	1,00			1,00			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
22	Đất ở nông thôn Cửa Trường Nguyễn Thị Bích Châu (Cồn Chợ)	0,40	0,40				Thôn Tân Thọ, xã Kỳ Thọ	0,30				0,30		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
23	QH dân cư vùng bóm đường Long Bắc	11,00	9,90			1,10	Xã Kỳ Châu	15,00					15,00	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
24	Khu Tái định cư Dự án xây dựng đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông	3,70	3,70				Xã Kỳ Phong	4,00		4,00				Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29/04/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
25	Khu Tái định cư Dự án xây dựng đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông	2,06	1,21			0,85	Xã Kỳ Văn	2,00		2,00				Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29/04/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
26	Khu Tái định cư Dự án xây dựng đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông	1,40				1,40	Xã Kỳ Trung	1,40		1,40				Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29/04/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
27	Hạ tầng dân cư thôn Đồng Phú, xã Kỳ Đồng (tồn đọng về GPMB)	0,13	0,08			0,05	Xã Kỳ Đồng	0,30				0,30		Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29/04/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
28	Hạ tầng khu dân cư Đồng Mai Càng- xã Kỳ Đồng (tồn đọng về GPMB)	0,04	0,04				Xã Kỳ Đồng	0,10				0,10		Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29/04/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
29	Hạ tầng dân cư vùng Bàu thôn Xuân Tiến, xã Kỳ Xuân (tồn đọng về GPMB)	0,04	0,04				Xã Kỳ Xuân	0,10				0,10		Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29/04/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
30	QH đất ở Bàu Rộc Rời	4,05	4,05				Thôn Trung Thượng, xã Kỳ Tân	7,00				7,00		Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/07/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
31	Khu Tái định cư Dự án xây dựng đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông	0,37			0,37		Thôn Đất Đỏ, xã Kỳ Trung	0,60				0,60		Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/07/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
32	Khu Tái định cư Dự án xây dựng đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông	0,24			0,24		Thôn Trung Sơn xã Kỳ Trung	0,40				0,40		Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/07/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
XII	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	4,10	3,60		0,50			1,02		0,71	0,31				
1	QH Các trụ sở, cơ quan, đơn vị trong khu đô thị Kỳ Đồng (gồm nhiều công trình)	4,10	3,60		0,50		Xã Kỳ Đồng	1,02		0,71	0,31			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
XII	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	0,50	0,50					0,40			0,40				
1	Trụ sở Trung tâm Chính trị huyện	0,50	0,50				Xã Kỳ Đồng	0,40			0,40			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
XIV	Đất sinh hoạt cộng đồng	0,86	0,15		0,71			1,68				1,68			
1	XD Nhà văn hoá thôn Sơn Bình 2	0,51			0,51		Thôn Sơn Bình 2, Xã Kỳ Sơn	0,30				0,30		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
2	XD Nhà văn hoá thôn Đại Đồng	0,15	0,15				Thôn Đại Đồng, xã Kỳ Văn	0,09				0,09		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
3	XD Nhà văn hoá thôn Hòa Hợp	0,15			0,15		Thôn Hoà Hợp, xã Kỳ Văn	0,09				0,09		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
4	Mở rộng khuôn viên Hội trường thôn Quang Trung	0,02			0,02		Xã Kỳ Xuân	1,10				1,10		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
5	Mở rộng hội trường thôn Trung Giang	0,03			0,03		Thôn Trung Giang, xã Kỳ Thu	0,10				0,10		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
XV	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	7,13	7,13					7,00		4,00	3,00				

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
1	QH trung tâm văn hoá thể thao huyện (Xây dựng Quảng trường trung tâm và Trung tâm văn hóa huyện Kỳ Anh)	7,13	7,13				Xã Kỳ Đồng	7,00		4,00	3,00			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
XVI	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	0,60	0,60					0,51				0,51			
1	QH khu vui chơi giải trí, công viên cây xanh thôn Hợp Tiến	0,60	0,60				Xã Kỳ Bắc	0,51				0,51		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
XVII	Đất cơ sở tôn giáo	0,20				0,20		0,30					0,30		
1	Nhà giáo lý - giáo họ Kim Sơn, thôn Đậu Giang	0,20				0,20	Thôn Đậu Giang, xã Kỳ Khang	0,30					0,30	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
XVII I	Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	6,46				6,46		4,40		4,40					
1	Nghĩa trang phục vụ di dời mộ mà bị ảnh hưởng Dự án xây dựng đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông	4,86				4,86	Xã Kỳ Văn	3,00		3,00				Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29/04/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
2	Nghĩa trang phục vụ di dời mộ mà bị ảnh hưởng Dự án xây dựng đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông	1,60				1,60	Xã Kỳ Tân	1,40		1,40				Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29/04/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
XIX	Đất bãi thải, xử lý chất thải	22,93				22,93		13,49		13,49					
1	Đất bãi thải số 01 tại xã Kỳ Lạc phục vụ dự án đường cao tốc Bắc Nam	6,92				6,92	Xã Kỳ Lạc	4,20		4,20				Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29/04/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
2	Đất bãi thải số 02 tại xã Kỳ Lạc phục vụ dự án đường cao tốc Bắc Nam	15,51				15,51	Xã Kỳ Lạc	9,00		9,00				Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29/04/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
3	Đất bãi thải tại xã Kỳ Tân phục vụ dự án đường cao tốc Bắc Nam	0,50				0,50	Xã Kỳ Tân	0,29		0,29				Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29/04/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
92	Tổng B: 92 Danh mục	3.332,83	283,31	4,39	38,70	3.006,43		324,79	46,49	102,10	48,00	26,51	101,68		
125	Tổng A+B: 125 Danh mục	3.370,37	295,78	4,39	38,70	3.031,50		368,46	46,49	106,60	62,90	45,78	106,68		

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

**PHỤ LỤC 1.11. TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẦN THU HỒI ĐẤT NĂM 2023
CỦA HUYỆN HƯƠNG KHÊ**

(Kèm theo Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)+(7)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(10)+....+(14)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
A. Công trình, dự án thu hồi đất đề xuất mới trong năm 2023															
I	Đất giao thông	20,12	2,49			17,63		31,41	16,41			15,00			
1	Đường huyện lộ 11(ĐH. 96) đoạn qua xã Hương Đô, xã Phúc Trạch, huyện Hương Khê	5,00				5,00	xã Hương Đô, xã Phúc Trạch	6,00				6,00			Nghị Quyết số 52/NQ-HĐND ngày 13/10/2022 của HĐND huyện Hương Khê
2	Đường Huyện lộ 12 (ĐH. 97) đoạn qua xã Gia Phố, huyện Hương Khê	1,50				1,50	Xã Gia Phố	1,80				1,80			Nghị Quyết số 52/NQ-HĐND ngày 13/10/2022 của HĐND huyện Hương Khê
3	Nâng cấp đường Huyện lộ 8 (ĐH. 93), huyện Hương Khê	1,00				1,00	Xã Hương Long, xã Phú Gia, xã Hương Vĩnh	1,20				1,20			Nghị Quyết số 52/NQ-HĐND ngày 13/10/2022 của HĐND huyện Hương Khê
4	Nâng cấp đường Huyện lộ 9 (ĐH. 94), huyện Hương Khê	1,00	0,10			0,90	Xã Phú Phong, xã Hương Xuân	1,20				1,20			Nghị Quyết số 52/NQ-HĐND ngày 13/10/2022 của HĐND huyện Hương Khê
5	Đường giao thông Huyện lộ 03 (ĐH. 88) đoạn qua xã Điền Mỹ, huyện Hương Khê	0,50				0,50	Xã Điền Mỹ	0,60				0,60			Nghị Quyết số 52/NQ-HĐND ngày 13/10/2022 của HĐND huyện Hương Khê
6	Đường giao thông Huyện lộ 10 (ĐH. 95) đoạn qua xã Hà Linh, huyện Hương Khê	0,50				0,50	Xã Hà Linh	0,60				0,60			Nghị Quyết số 52/NQ-HĐND ngày 13/10/2022 của HĐND huyện Hương Khê
7	Đường giao thông nối Huyện lộ 2 (ĐH. 87) đi đường Hồ Chí Minh, huyện Hương Khê	3,00				3,00	Xã Hương Trạch	3,60				3,60			Nghị Quyết số 52/NQ-HĐND ngày 13/10/2022 của HĐND huyện Hương Khê
8	Dự án cải tạo, nâng cấp đoạn Vinh - Nha Trang, tuyến đường	5,94	2,00			3,94	Xã Phúc Đồng	16,41	16,41					QĐ về việc phê duyệt dự án cải tạo, nâng cấp đoạn Vinh - Nha	
		1,68	0,39			1,29	Xã Hương Thủy								

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú	
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp			
II	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	3,20				3,20		3,84			3,84					
1	Sân vận động huyện	3,20				3,20	Thôn 5, xã Hương Long	3,84			3,84				Nghị Quyết số 52/NQ-HĐND ngày 13/10/2022 của HĐND huyện Hương Khê	
III	Đất sinh hoạt cộng đồng	1,97	0,18			1,79		2,36			2,36					
1	Nhà văn hóa cộng đồng kết hợp với tránh bão lũ thôn Trung Tiến	0,12				0,12	Thôn Trung Tiến, xã Điền Mỹ	0,14			0,14				2396/QĐ-UBND ngày 26/6/2021 của UBND huyện Hương Khê	
2	Nhà văn hóa thôn 1	0,30	0,18			0,12	Thôn 1, xã Điền Mỹ	0,36			0,36				2396/QĐ-UBND ngày 26/6/2021 của UBND huyện Hương Khê	
3	Mở rộng hội quán thôn Trung Thành	0,14				0,14	Thôn Trung Thành, xã Điền Mỹ	0,17			0,17				2396/QĐ-UBND ngày 26/6/2021 của UBND huyện Hương Khê	
4	Mở rộng hội quán thôn Thượng Sơn	1,41				1,41	Thôn Thượng Sơn, xã Điền Mỹ	1,69			1,69				2396/QĐ-UBND ngày 26/6/2021 của UBND huyện Hương Khê	
IV	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	0,56				0,56		0,67			0,67					
1	Đất trụ sở ủy ban xã	0,56				0,56	Thôn Trung Tiến, xã Điền Mỹ	0,67			0,67				2396/QĐ-UBND ngày 26/6/2021 của UBND huyện Hương Khê	
V	Đất ở tại nông thôn	2,19	2,00			0,19		2,63			2,63					
1	Đất ở nông thôn	1,80	1,80				Thôn Nam Trung, xã Điền Mỹ	2,16			2,16				2396/QĐ-UBND ngày 26/6/2021 của UBND huyện Hương Khê	
2	Đất ở nông thôn	0,39	0,20			0,19	Thôn Bình Minh, xã Hương Bình	0,47			0,47				QĐ số 5549/QĐ - UBND ngày 14/10/2015 của UBND huyện về việc QH xen dăm UBND xã Hương Bình	
17	Tổng A: 17 Danh mục	28,04	4,67			23,37		40,91	16,41		24,50					
B. Công trình, dự án cần thu hồi đất đã được HĐND tỉnh thông qua tại các Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021, Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29/4/2022, Nghị quyết số 83/NQ-																
I	Đất cụm công nghiệp	10,10				10,10		2,00					2,00			
1	Cụm công nghiệp Gia Phố	10,10				10,10	Xã Gia Phố	2,00					2,00		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
II	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	0,05				0,05		0,20					0,20			

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
1	Đài tưởng niệm	0,05				0,05	Xã Diên Mỹ	0,20					0,20	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
III	Đất xây dựng cơ sở y tế	0,30				0,30		0,10				0,10			
1	Trạm y tế	0,30				0,30	Xã Diên Mỹ	0,10				0,10		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
IV	Đất cơ sở giáo dục, đào tạo	0,95				0,95		1,51				1,51			
1	Mở rộng trường Tiểu học Trường Bát	0,06				0,06	Thôn 15, xã Hà Linh	0,10				0,10		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
2	Mở Rộng trường MN Hà Linh	0,6				0,60	Xã Hà Linh	0,5				0,5		Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2021 của HĐND tỉnh	
3	Mở rộng trường mầm non Phúc Đồng	0,10				0,10	Thôn 6, xã Phúc Đồng	0,20				0,20		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
4	Mở rộng Trường Tiểu học Phúc Đồng	0,04				0,04	Xã Phúc Đồng	0,01				0,01		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
5	Mở trường tiểu học Hương Lâm	0,03				0,03	Thôn 7, xã Hương Lâm	0,20				0,20		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
6	Mở rộng Trường Mầm non xã Hương Xuân	0,12				0,12	Xã Hương Xuân	0,50				0,50		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
V	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	0,49	0,49					0,20				0,20			
1	Sân thể thao thôn Vĩnh Hưng	0,08	0,08				Thôn Vĩnh Hưng, xã Hương Vĩnh	0,10				0,10		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
2	Mở rộng sân thể thao Ong vàng thôn Bình Phúc	0,41	0,41				Thôn Bình Phúc, xã Lộc Yên	0,10				0,10		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
VI	Đất giao thông	71,29	3,85	4,70		62,74		107,69	92,27	9,74	3,88	1,60	0,20		

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú	
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp			
1	Đường giao thông nối từ đường Hồ Chí Minh vào khu vực biên giới xã Hoà Hải huyện Hương Khê	6,00	1,50			4,50	Xã Hương Long, Hương Bình, Hòa Hải, Phúc Đồng	5,50	5,50						Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
2	Đường giao thông huyện lộ HL05 (ĐH.90) vào trung tâm các xã Hương Lâm, Hương Liên, huyện Hương Khê	5,00				5,00	Xã Hương Lâm, Hương Liên	5,00	5,00						Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
3	Đường giao thông bảo vệ an ninh biên giới, kết hợp bảo vệ phát triển thác Vũ Môn và phát triển vùng, huyện Hương Khê (đường Huyện lộ ĐH.91)	15,00		3,50		11,50	Xã Phú Gia, Hương Long	12,50	12,50						Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
4	Quy hoạch GTNT xã Hương Thủy	0,45	0,25			0,20	Xã Hương Thủy	0,20					0,20		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
5	Dự án cải tạo, nâng cấp đường tỉnh ĐT 553 đoạn từ Lộc Yên-Hồ Chí Minh (Km39+30 - Km47+830)	8,34	1,90	1,20		5,24	Xã Lộc Yên	5,24		5,24					Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
6	Nâng cấp đường giao thông huyện lộ 92 đoạn từ xã Hương Thủy đi xã Hương Giang	0,90	0,10			0,80	Xã Hương Giang	1,00		1,00					Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
7	Đường trục chính xã Phúc Trạch từ đường HCM đến QL 15A	0,50				0,50	Xã Phúc Trạch	0,30				0,30			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
8	Huyện lộ 2 đi đập Khe Du	1,48				1,48	Xã Hương Thủy	0,68			0,68				Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
9	Mở rộng tuyến đường Địa Lợi điểm đầu thôn 7, điểm cuối thôn 2 xã Hà Linh	1,80				1,80	Thôn 5, thôn 6, thôn 7, xã Hương Thủy	1,30				1,30			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
10	Cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị Hương Khê, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh, thuộc dự án: Cải	15,20				15,20	Thị trấn Hương Khê	27,39	27,39						Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
		4,80				4,80	Xã Gia Phố	7,27	7,27							
	Cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị	0,08				0,08	Xã Gia Phố									

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
11	Hương Khê, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh, thuộc dự án: Cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị nhằm	3,48	0,07			3,41	Thị trấn Hương Khê	34,61	34,61					Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
		0,06	0,03			0,03	Xã Phú Phong								
12	Đường giao thông tránh lũ kết hợp vào khu xử lý chất thải rắn thôn 2 xã Hương Thủy	2				2,00	Xã Hương Thủy	1,00			1,00			Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2021 của HĐND tỉnh	
13	Đường giao thông từ khu chợ Hòm đến khu hạ tầng tránh lũ xã Điền Mỹ	1				1,00	Xã Điền Mỹ	1,00			1,00			Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2021 của HĐND tỉnh	
14	Đường giao thông từ Huyện lộ 1 đến đường BH05 đoạn qua xã Hương Bình	1				1,00	Xã Hương Bình	1,20			1,20			Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2021 của HĐND tỉnh	
15	Xử lý sạt lở bờ sông Ngàn Sâu đoạn qua xã Lộc Yên (GĐ2)	4,2				4,20	Xã Lộc Yên	3,50		3,50				Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2021 của HĐND tỉnh	
VII	Đất thủy lợi	9,35	0,80			8,55		10,89		10,89					
1	Nâng cấp an toàn Đập Khe Mui xã Hương Lâm	0,50				0,50	Xã Hương Lâm	0,50		0,50				Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
2	Sửa chữa nâng cao an toàn Hồ Khe Tráng	0,60				0,60	Xã Điền Mỹ	0,60		0,60					
3	Sửa chữa nâng cao an toàn Hồ Nước Vàng	0,55				0,55	Xã Hương Liên	0,55		0,55					
4	Sửa chữa nâng cao an toàn Hồ Mực Bài	0,55				0,55	Xã Hương Xuân	0,55		0,55					
5	Sửa chữa nâng cao an toàn Hồ Khe Ruộng	0,55				0,55	Xã Hương Đô	0,55		0,55					
6	Sửa chữa nâng cao an toàn Hồ Nhà Quan	0,50				0,50	Xã Hương Vĩnh	0,50		0,50					
7	Sửa chữa nâng cao an toàn Hồ Đập Làng	0,75				0,75	Xã Hương Thủy	0,75		0,75					
8	Sửa chữa nâng cao an toàn Hồ Đập Mung	0,85				0,85	Xã Điền Mỹ	0,85		0,85					
9	Sửa chữa nâng cao an toàn Hồ Đá Hàn	0,20				0,20	Xã Hương Đô	0,20		0,20					
10	Sửa chữa nâng cao an toàn Hồ Đá Đò	0,80				0,80	Xã Lộc Yên	0,80		0,80					

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú	
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp			
11	Mở rộng và chuyển tuyến kênh Đập Làng (Thôn 1)	1,20	0,80			0,40	Xã Hương Thủy	1,73		1,73					Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
12	Xây dựng công trình cấp nước hồ Đá Hàn, huyện Hương Khê	0,30				0,30	Xã Hoà Hải	0,43		0,43					Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
13	Xử lý sạt lở bờ sông Ngàn Sâu đoạn qua xã Hương Trạch,	1,00				1,00	Xã Hương Trạch	1,44		1,44					Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND	
		1,00				1,00	Xã Hương Đô	1,44		1,44						
II	Đất công trình năng lượng	8,51	0,07			8,44		7,00	5,50				1,50			
1	Trạm điện (tại xóm 3, 8)	0,02				0,02	Xã Phúc Đồng	0,20					0,20		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
2	Đất công trình năng lượng	0,01				0,01	Thị trấn Hương Khê	0,10					0,10		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
3	Chống quá tải lưới điện huyện Hương Khê, huyện Vũ Quang - tỉnh Hà Tĩnh năm 2021	0,05	0,05				Toàn huyện Hương Khê	0,50					0,50		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
4	Chống quá tải lưới điện huyện Hương Khê, huyện Vũ Quang - tỉnh Hà Tĩnh năm 2021	0,04				0,04	Xã Phúc Đồng, xã Hương Giang	0,40					0,40		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
5	Chống quá tải lưới điện huyện Thạch Hà, huyện Hương Khê và TP Hà Tĩnh - tỉnh Hà Tĩnh	0,04	0,02			0,02	Xã Hương Thủy, xã Hòa Hải	0,30					0,30			
6	Dự án đường dây 500kV Quảng Trạch - Quỳnh Lưu	8,35				8,35	Xã Lộc Yên, Xã Hương Giang, Xã Hà Linh, Xã Điền Mỹ	5,50	5,50						Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2021 của HĐND tỉnh	
IX	Đất cơ sở tôn giáo	0,86				0,86		0,44					0,44			
1	Đất tôn giáo (Giáo họ Trung Sơn)	0,56				0,56	Xóm 7, xã Hương Lâm	0,19					0,19		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
2	Giáo họ Vĩnh Tuấn	0,30				0,30	Thôn Vĩnh Tuấn (Trại Tuấn), xã Hương Vĩnh	0,25					0,25		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
X	Đất bãi thải, xử lý chất thải	4,45				4,45		8,76	7,76				0,70	0,30		

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
1	Bãi tập kết rác thải	0,05				0,05	Xã Hà Linh	6,06	5,76			0,30		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
2	Khu xử lý chất thải rắn của huyện	0,10				0,10	Khoảnh 6, Tiểu Khu 208, xã Hương Thủy	0,70			0,70			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
3	Cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị Hương Khê, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh, thuộc dự án: Cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị nhằm giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu cho 4 tỉnh ven biển Bắc Trung Bộ	4,30				4,30	Xã Gia Phố	2,00	2,00					Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
XI	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	30,00				30,00		5,40			5,40				
1	Nghĩa trang trung tâm huyện (Tiểu khu 208)	30,00				30,00	Xã Hương Thủy	5,40			5,40			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
XII	Đất công trình bưu chính, viễn thông	3,39	0,54			2,85		2,50			0,50	2,00			
1	Xây dựng trạm BTS mạng di động VINAPHONE	3,21	0,36			2,85	Thị trấn và các xã huyện Hương Khê	2,00				2,00		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
2	Đất Bưu Điện	0,06	0,06				Xã Hương Long	0,20			0,20				
3	Đất Bưu điện văn hóa xã	0,12	0,12				Xã Gia Phố	0,30			0,30				
XIII	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	11,01				11,01		1,30			1,30				
1	Di tích chứng tích tội ác chiến tranh Trường cấp II Hương Phúc	7,50				7,50	Thôn Tân Phúc, xã Hương Trạch	1,00				1,00		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
2	Mở rộng nhà thờ họ Võ	0,30				0,30	Thôn 3, xã Hương Giang	0,10				0,10		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
3	Đền Phúc Âm	0,30				0,30	Thôn 6, xã Hương Long	0,10				0,10		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú	
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp			
4	Khu Di tích lịch sử văn hóa Rôộc Cồn	2,91				2,91	Xã Phú Phong	0,10				0,10			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
IVX	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	0,08				0,08		0,38				0,38				
1	Công viên cây xanh kết hợp quảng trường trung tâm huyện Hương Khê	0,08				0,08	Thị trấn Hương Khê	0,38				0,38			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
XV	Đất ở tại nông thôn	28,40	12,93			15,47		28,73				1,97	16,76	10,00		
1	Đất ở nông thôn (nhà văn hoá thôn 2, 8)	0,28				0,28	Thôn 2, 8, xã Hương Đô	0,34				0,34			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
2	Đất ở nông thôn 1, 2, 4, 5, 6	0,89				0,89	Thôn 1, 2, 4, 5, 6, xã Phú Phong	1,07				1,07			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
3	Đất ở nông thôn	1,79	0,90			0,89	Thôn Bình Hà, Bình Minh, Bình Trung, Bình Thái, xã Hương Bình	2,15				2,15			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
4	Đất ở nông thôn	1,30				1,30	Thôn Trung Lĩnh, xã Hương Trạch	1,56				1,56			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
5	Đất ở nông thôn	1,85	0,70			1,15	Thôn 1, 3, 4, 5, 6, 7, 9, xã Phúc Đồng	2,22				2,22			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
6	Đất ở nông thôn	0,45				0,45	Thôn Vĩnh Hương, Vĩnh Thắng, Thuận Trị, xã Hương Vĩnh	0,54				0,54			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
7	Đất ở nông thôn (nhà văn hoá thôn Vĩnh Phúc cũ)	0,03				0,03	Thôn Vĩnh Phúc, xã Hương Vĩnh	0,04				0,04			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
8	Đất ở nông thôn	0,56				0,56	Thôn 1, 11, xã Hòa Hải	0,67				0,67			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Cơ sở pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
9	Đất ở nông thôn (Nhà văn hóa cũ)	0,70				0,70	Thôn 4, 7, 8, xã Hương Giang	0,84				0,84		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
10	Đất ở nông thôn	0,50				0,50	Thôn 11, xã Hương Lâm	0,60				0,60		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
11	Đất ở nông thôn	2,17	1,70			0,47	Thôn 1, 2, 8, xã Hương Long	2,60				2,60		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
12	Xen dăm dân cư	1,18				1,18	Thôn Tân Trà, Đông Trà, xã Hương Trà	1,42				1,42		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
13	Đất ở mới	0,07				0,07	Thôn Tân Hương, xã Hương Trà	0,08				0,08		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
14	Đất ở vùng trung tâm xã xóm Vĩnh Trường	0,44				0,44	Xã Hương Xuân	0,53				0,53		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
15	Đất ở mới	1,06	1,01			0,05	Thôn Phú Vinh, Quang Lộc, Phú Thành, xã Phú Gia	0,04				0,04		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
16	Đất ở mới (xen dăm)	0,55				0,55	Thôn Hương Thượng, xã Lộc Yên	0,61				0,61		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
17	Đất ở mới (xen dăm)	0,08	0,08				Thôn 9, xã Hương Thủy	0,09				0,09		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
18	Đất ở mới	0,80				0,80	Thôn Nhân Phố, thôn Phố Hương, xã Gia Phố	0,02				0,02		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
19	Đất xen dăm dân cư (Thôn Thái Yên)	1,50				1,50	Xã Lộc Yên	1,97				1,97		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
20	Đất ở mới	1,60	0,90			0,70	Các thôn: Bình Thái, Bình Trung, Bình Minh, Bình Hà, Bình Hưng, xã Hương Bình	0,30				0,30		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
21	Đất ở mới (Các thôn 3, 6, 10, 12, 13)	0,80				0,80	Xã Hòa Hải	1,05				1,05		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
22	Dự án khu dân cư xã Phú phong	9,8	7,64			2,16	Thôn 3, xã Phú Phong	10					10	Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2021 của HĐND tỉnh	
XVI	Đất ở tại đô thị	0,74				0,74		2,83				0,86			
1	Đất ở đô thị	0,36				0,36	TDP 6, Thị trấn Hương Khê	2,27		1,97		0,30		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
2	Đất ở mới TDP 15	0,28				0,28	Thị trấn Hương Khê	0,40				0,40		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
3	Đất ở mới (xen dăm) TDP 10	0,10				0,10	Thị trấn Hương Khê	0,16				0,16		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
IIVX	Đất sinh hoạt cộng đồng	2,95	0,30			2,65		7,05				7,05			
1	Nhà văn hoá thôn 3	0,30	0,30				Thôn 3, xã Điền Mỹ	0,36				0,36		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
2	Nhà văn hoá thôn 1	0,30				0,30	Thôn 1, xã Điền Mỹ	0,36				0,36		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
3	Mở rộng hội quán thôn Trung Thành	0,14				0,14	Thôn Trung Thành, xã Điền Mỹ	0,17				0,17		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
4	Mở rộng hội quán thôn Thượng Sơn	1,41				1,41	Thôn Thượng Sơn, xã Điền Mỹ	1,69				1,69		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
5	Nhà văn hoá thôn Vĩnh Phúc	0,26				0,26	Thôn Vĩnh Phúc, xã Hương Vĩnh	0,31				0,31		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
6	Nhà văn hoá thôn Trung Thượng	0,10				0,10	Xã Lộc Yên	0,77				0,77		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
7	Xây dựng nhà văn hóa	0,07				0,07	Thôn Vĩnh Phúc, xã Hương Vĩnh	0,54				0,54		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
8	Xây dựng mới Nhà văn hóa thôn 12, xã Hà Linh	0,37				0,37	Thôn 12, xã Hà Linh	2,85				2,85		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
IIXX	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	0,20				0,20		0,20		0,10		0,10			
1	Xây dựng nhà bán trú cho cán bộ công chức xã Hương Liên	0,10				0,10	xã Hương Liên	0,10				0,10		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
2	Trạm Kiểm lâm địa bàn Trúc	0,10				0,10	Xã Phúc Đồng	0,10		0,10				Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
94	Tổng B: 94 Danh mục	183,12	18,98	4,70		159,44		187,18	105,53	22,70	12,33	30,72	15,90		
111	Tổng A+ B: 111 Danh mục	211,16	23,65	4,70		182,81		228,10	121,94	22,70	36,84	30,72	15,90		

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

PHỤ LỤC 1.12. TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẦN THU HỒI ĐẤT NĂM 2023
CỦA HUYỆN VŨ QUANG

(Kèm theo Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)+(7)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(10)+....+(14)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
A. Công trình, dự án thu hồi đất đề xuất mới trong năm 2023															
I	Đất ở nông thôn	1,50	0,30			1,20		0,80				0,80			
1	Đất ở (đấu giá) thôn Vĩnh Hội	1,50	0,30			1,20	Xã Đức Lĩnh	0,80				0,80		Quyết định số 568/QĐ-UBND ngày 16/4/2019 của UBND huyện Vũ Quang về việc phê duyệt QHCT xen dầm đất ở thôn Vĩnh Hội, xã Đức Lĩnh	
II	Đất giao thông	3,52	0,87			2,65		4,25			2,60	1,65			
1	Đường giao thông thôn 8 tuyến từ NVH thôn 8 đến công Anh Long	0,50				0,50	Xã Đức Bồng	0,60			0,60			Nghị quyết 38/NQ-HĐND ngày 31/12/2021 của HĐND huyện Vũ Quang về việc thông qua danh mục các công trình thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025	
2	Xây dựng cầu Áng Ngò tuyến Sơn Long - Chợ Bộng	0,30				0,30	Xã Đức Giang	0,45			0,45			Quyết định số 5373/QĐ-UBND ngày 22/12/2021 của UBND huyện Vũ Quang về việc phê duyệt CTĐT xây dựng các dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách xây dựng cơ bản tập trung bổ sung mục tiêu cho ngân sách huyện giai đoạn 2021 - 2025	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
3	Nâng cấp xây dựng đường tránh lũ Đức Lĩnh - Ân Giang - Đức Giang	0,27	0,27				Xã Đức Lĩnh, Đức Giang	0,35			0,35			Quyết định số 5373/QĐ-UBND ngày 22/12/2021 của UBND huyện Vũ Quang về việc phê duyệt CTĐT xây dựng các dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách xây dựng cơ bản tập trung bổ sung mục tiêu cho ngân sách huyện giai đoạn 2021 - 2025	
4	Nút giao thông ngã 3 xã Đức Bồng Km64+500/QL281, địa bàn huyện Vũ Quang	0,30				0,30	Xã Đức Bồng	1,20			1,20			Nghị quyết 38/NQ-HĐND ngày 31/12/2021 thông qua danh mục vốn đầu tư trung hạn 2021-2025	
5	Đường giao thông nông thôn Cửa Lĩnh (281 - Anh Huy)	0,60	0,10			0,50	Xã Đức Lĩnh	0,45				0,45		Quyết định số 487/QĐ-UBND ngày 9/6/2022 của UBND xã Đức Lĩnh Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình: Đường GTNT thôn Cửa Lĩnh, xã Đức Lĩnh (tuyến từ QL281 - Anh Huy)	
6	Đường giao thông nông thôn Bình Phong	0,60	0,10			0,50	Xã Đức Lĩnh	0,45				0,45		Nghị quyết 38/NQ-HĐND ngày 31/12/2021 của HĐND huyện Vũ Quang về việc thông qua danh mục các công trình thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025	
7	Đường giao thông nông thôn Mỹ Ngọc	0,60	0,10			0,50	Xã Đức Lĩnh	0,45				0,45		Nghị quyết 38/NQ-HĐND ngày 31/12/2021 của HĐND huyện Vũ Quang về việc thông qua danh mục các công trình thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025	
8	Đường giao thông nội đồng Mỹ Ngọc (Ông Châu - Anh Chương)	0,35	0,30			0,05	Xã Đức Lĩnh	0,30				0,30		Nghị quyết 38/NQ-HĐND ngày 31/12/2021 của HĐND huyện Vũ Quang về việc thông qua danh mục các công trình thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025	
III	Đất thủy lợi	0,60				0,60		14,50			14,50				

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
1	Sửa chữa nâng cấp đập Khe Xai	0,60				0,60	Xã Hương Minh	14,50			14,50			Quyết định số 335/QĐ-UBND ngày 2/3/2022 của UBND huyện Vũ Quang về việc phê duyệt CTĐT xây dựng công trình sửa chữa, nâng cấp đập Khe Xai	
IV	Đất công trình năng lượng	1,02	0,17			0,85		0,70					0,70		
1	Đường dây 500kV Quảng Trạch - Quỳnh Lưu (Đường dây 500kV Nhiệt điện Vũng Áng 3 – Quỳnh Lập), đoạn qua huyện Vũ Quang	1,02	0,17			0,85	Xã Đức Liên	0,70					0,7	Văn bản số 7791/UBND-KT2 ngày 19/11/2020 của UBND tỉnh về việc chấp thuận hướng tuyến đường dây 500kV	
V	Đất tín ngưỡng	1,00				1,00		0,85			0,85				
1	Mở rộng nhà thờ họ Đoàn (Di tích lịch sử văn hóa cấp tỉnh) Thôn Hợp Đức	1,00				1,00	Xã Hương Minh	0,85			0,85			Nghị quyết 38/NQ-HĐND ngày 31/12/2021 của HĐND huyện Vũ Quang về việc thông qua danh mục các công trình thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025	
12	Tổng A: 12 Danh mục	7,64	1,34			6,30		21,10			17,95	2,45	0,70		
B. Công trình, dự án cần thu hồi đất đã được HĐND tỉnh thông qua tại các Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 nay chuyển sang thực hiện trong năm 2023															
I	Đất giao thông	15,84	1,10			14,74		7,58	1,20	1,40	4,33	0,65			
1	Mở rộng đường giao thông TDP 1	0,30				0,30	Thị trấn Vũ Quang	0,14			0,14			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh (NQ số 61/NQ-HĐND)	
2	Cầu Hộp Chuối (TDP 4 sang TDP 2)	1,30				1,30	Thị trấn Vũ Quang, xã Hương Minh	1,00		0,80	0,20			NQ số 61/NQ-HĐND	
3	Mở rộng hệ thống giao thông nội đồng	0,30				0,30	Xã Đức Giang	0,14				0,14		NQ số 61/NQ-HĐND	
4	Đường giao thông nông thôn xã Đức Giang (đường Lò Vôi)	0,60				0,60	Xã Đức Giang	0,29				0,29		NQ số 61/NQ-HĐND	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
5	Mở rộng hệ thống giao thông nông thôn	0,50				0,50	Xã Đức Giang	0,22				0,22		NQ số 61/NQ-HĐND	
6	Đường vào rừng sản xuất (Thôn 5, 6, 7, 8)	4,00				4,00	Xã Đức Bông	0,46			0,46			NQ số 61/NQ-HĐND	
7	Đường vào mỏ cát xã Đức Liên	0,15				0,15	Xã Đức Liên	0,13			0,13			NQ số 61/NQ-HĐND	
8	Dự án Cải tạo, nâng cấp đoạn Vinh - Nha Trang, tuyến đường sắt Hà Nội - TP. Hồ Chí Minh đoạn từ m354+900 đến Km355+700 (lý trình Đường sắt) thuộc địa phận xã Đức Liên, huyện Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh	2,49				2,49	Xã Đức Liên	1,20	1,20					NQ số 61/NQ-HĐND	
9	Đường giao thông Yên Du - Thanh Sơn	1,50	0,02			1,48	Thôn Yên Du, Thanh Sơn xã Đức Lĩnh	1,29			1,29			NQ số 61/NQ-HĐND	
10	Mở rộng đường GTNT thôn Thanh Sơn (từ ngõ ông Trí - Khe Du)	1,00	0,30			0,70	Thôn Thanh Sơn, xã Đức Lĩnh	0,79			0,79			NQ số 61/NQ-HĐND	
11	Nâng cấp đường vào khu sản xuất tập trung Đức Lĩnh	0,60	0,10			0,50	Xã Đức Lĩnh	0,60		0,60				NQ số 61/NQ-HĐND	
12	Mở rộng đường giao thông thôn Bình Phong - Cao Phong	0,50	0,15			0,35	Xã Đức Lĩnh	0,24			0,24			NQ số 61/NQ-HĐND	
13	Đường giao thông xã Đức Lĩnh	0,10				0,10	Xã Đức Lĩnh	0,05			0,05			NQ số 61/NQ-HĐND	
14	Đường giao thông nông thôn xã Đức Lĩnh (thôn Tân Hương)	1,50	0,50			1,00	Xã Đức Lĩnh	0,73			0,73			NQ số 61/NQ-HĐND	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
15	Mở rộng đường giao thông từ thôn Yên Du đến xã Đức Bông	0,50	0,03			0,47	Xã Đức Lĩnh	0,22			0,22			NQ số 61/NQ-HĐND	
16	Nâng cấp đường GTNT thôn 2 tuyến đường cầu Con Cuông - Ông Dàn - đập Trộ Thầy, xã Quang Thọ	0,50				0,50	Xã Quang Thọ	0,08			0,08			NQ số 61/NQ-HĐND	
II	Đất thủy lợi	30,69	29,17			1,52		24,74		24,74					
1	Công trình Hệ thống thủy lợi Ngàn Trươi - Cẩm Trang (giai đoạn 2)	30,69	29,17			1,52	Các xã: Ân Phú, Đức Giang, Đức Bông, Đức Lĩnh, Thọ Điền, TT Vũ Quang	24,74		24,74				NQ số 61/NQ-HĐND	
III	Đất công trình năng lượng	2,22	0,02			2,20		1,65					1,65		
1	Văn phòng điều hành và khu phụ trợ nhà máy thủy điện Ngàn Trươi	2,13				2,13	Thị trấn Vũ Quang	1,15					1,15	NQ số 61/NQ-HĐND	
2	Xây dựng ĐZ, TBA giảm tổn thất điện năng, nâng cao chất lượng điện áp khu vực thị xã Hồng Lĩnh, huyện Vũ Quang năm 2022	0,09	0,02			0,07	Xã Đức Bông, Thọ Điền, Quang Thọ	0,50					0,50	NQ số 61/NQ-HĐND	
IV	Đất công trình bưu chính, viễn thông	0,16				0,16		0,08					0,08		
1	Trạm BTS mạng di động Vinaphone	0,04				0,04	Tổ dân phố 1, TT Vũ Quang	0,01					0,01	NQ số 61/NQ-HĐND	
2	Trạm BTS mạng di động Vinaphone	0,05				0,05	Thôn Thanh Sơn, xã Đức Lĩnh	0,04					0,04	NQ số 61/NQ-HĐND	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
3	Trạm BTS mạng di động Vinaphone	0,03				0,03	Thôn 3, Xã Quang Thọ	0,01					0,01	NQ số 61/NQ-HĐND	
4	Trạm BTS mạng di động Vinaphone	0,04				0,04	Thôn 1, Xã Quang Thọ	0,02					0,02	NQ số 61/NQ-HĐND	
V	Đất sinh hoạt cộng đồng	0,26	0,23			0,03		0,22			0,19	0,03			
1	Nhà vượt lũ	0,03				0,03	Xã Đức Giang	0,03				0,03		NQ số 61/NQ-HĐND	
2	Nhà văn hóa thôn Yên Du	0,23	0,23				Xã Đức Lĩnh	0,19			0,19			NQ số 61/NQ-HĐND	
VI	Đất ở tại đô thị	8,00				8,00		4,69				4,69			
1	Đất ở tại TDP 5	8,00				8,00	Thị trấn Vũ Quang	4,69				4,69		NQ số 61/NQ-HĐND	
VII	Đất rừng sản xuất	59,00				59,00		7,01			7,01				
1	Trung tâm cứu hộ, bảo tồn và phát triển sinh vật tại vườn Quốc gia Vũ Quang (Vườn thực vật 56ha, Trung tâm cứu hộ 3ha)	59,00				59,00	Tiểu khu 146a, TT Vũ Quang	7,01			7,01			NQ số 61/NQ-HĐND	
VIII	Đất cơ sở tôn giáo	12,40				12,40		3,33		3,33					
1	Văn phòng điều hành trung tâm Phật giáo huyện	5,00				5,00	Thị trấn Vũ Quang	1,80		1,80				NQ số 61/NQ-HĐND	
2	Điểm chùa Phật giáo	5,00				5,00	Thị trấn Vũ Quang	0,32		0,32				NQ số 61/NQ-HĐND	
3	Mở rộng giáo xứ Vĩnh Hội	2,40				2,40	Xã Quang Thọ	1,21		1,21				NQ số 61/NQ-HĐND	
IX	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	0,85	0,30			0,55		0,34			0,11	0,23			

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
1	Khu thể thao thôn 1 Bồng Giang	0,20	0,20				Xã Đức Giang	0,09				0,09		NQ số 61/NQ-HĐND	
2	Khu thể thao thôn 3 Bồng Giang	0,20	0,10			0,10	Xã Đức Giang	0,05				0,05		NQ số 61/NQ-HĐND	
3	Khu thể thao thôn 1 Văn Giang	0,20				0,20	Xã Đức Giang	0,09				0,09		NQ số 61/NQ-HĐND	
4	Khu thể thao thôn Tân Lệ	0,25				0,25	Xã Đức Liên	0,11			0,11			NQ số 61/NQ-HĐND	
X	Đất ở tại nông thôn	0,21				0,21		0,10				0,10			
1	Đất ở Đồng Bãi thôn 4	0,21				0,21	Xã Ân Phú	0,10				0,10		NQ số 61/NQ-HĐND	
35	Tổng B: 35 Danh mục	129,63	30,82			98,81		49,74	1,20	29,47	11,64	5,70	1,73		
47	Tổng A+ B: 47 Danh mục	137,27	32,16			105,11		70,84	1,20	29,47	29,59	8,15	2,43		

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

**PHỤ LỤC 1.13. TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẦN THU HỒI ĐẤT NĂM 2023
CỦA HUYỆN LỘC HÀ**

(Kèm theo Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)+(7)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(10)+...+(14)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
A	Công trình, dự án cần thu hồi đất đề xuất mới trong năm 2023														
I	Đất giao thông	5,90	5,00			0,90		4,99		3,62	0,69		0,69		
1	Nâng cấp mở rộng đường giao thông liên xã Thạch Châu - thị trấn Lộc Hà (LX03) đoạn nối từ QL 281 đến tuyến nhánh đường 70, dài 1,8km	1,00	1,00				Xã Thạch Châu	0,90		0,90				Nghị quyết số 69/NQ-HĐND ngày 21/9/2022 của HĐND huyện Lộc Hà về việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung trong KHĐT công trung hạn giai đoạn (2021-2025)	
2	Kè kết hợp đường ven sông Én từ Cầu Trù đi cầu Bến Én	2,00	2,00				Xã Ích Hậu	1,80		0,72	0,54		0,54		
3	Đường giao thông liên xã Thạch Mỹ - Thạch Châu (đường nối QL 281 tại vùng bình Thạch Mỹ đến đường HL5)	2,00	2,00				Xã Thạch Mỹ	1,80		1,80				Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND huyện Lộc Hà về việc phê duyệt KH đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	
4	Công trình giao thông thuộc dự án FMCR: Nâng cấp tuyến đường GTNT phục vụ dân sinh và sản xuất các thôn Yên Định, Hòa Bình, Nam Sơn, xã Thịnh Lộc	0,30				0,30	Xã Thịnh Lộc	0,30		0,12	0,09		0,09	QĐ số 983/BQLDA-KHĐT ngày 25/10/2022 của BQLDA đầu tư xây dựng công trình NN&PTNT tỉnh Hà Tĩnh	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
5	Công trình giao thông thuộc dự án FMCR: Nâng cấp 2 tuyến đường GTNT các thôn Đồng Xuân, Liên Xuân phục vụ dân sinh kết hợp tuần tra bảo vệ rừng ven biển xã Hộ Độ	0,60				0,60	Xã Hộ Độ	0,19		0,08	0,06		0,06	QĐ số 983/BQLDA-KHĐT ngày 25/10/2022 của BQLDA đầu tư xây dựng công trình NN&PTNT tỉnh Hà Tĩnh	
II	Đất thủy lợi	0,63	0,25			0,38		0,39			0,23	0,16			
1	Kênh tiêu úng liên xã Bình An - Phù Lưu	0,25	0,25				Xã Bình An, xã Phù Lưu	0,23			0,14	0,09		Nghị quyết số 69/NQ-HĐND ngày 21/9/2022 của HĐND huyện Lộc Hà về việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung trong KHĐT công trung hạn giai đoạn (2021-2025)	
2	Nâng cấp tuyến mương tiêu phục vụ sản xuất và dân sinh (nằm trong dự án Hệ thống mương tiêu thoát nước trên toàn thị trấn)	0,38				0,38	Thị trấn Lộc Hà	0,16			0,10	0,06		QĐ số 983/BQLDA-KHĐT ngày 25/10/2022 của BQLDA đầu tư xây dựng công trình NN&PTNT tỉnh Hà Tĩnh	
III	Đất tôn giáo	0,15	0,15					0,14			0,08	0,06			
1	Mở rộng khuôn viên giáo xứ Đông Kỳ	0,15	0,15				Xã Thạch Mỹ	0,14			0,08	0,06		Văn bản số 2626/UBND-XD ngày 25/5/2022 của UBND tỉnh về việc đồng ý chủ trương mở rộng khuôn viên Giáo họ Đông Kỳ	
IV	Đất ở nông thôn	23,65	3,30			20,35		3,81			2,29	1,52			
1	Vùng Đồng Trộp thôn Hồng Lạc	0,50	0,50				Xã Thạch Châu	0,46			0,28	0,18		QĐ số 4114/QĐ-UBND ngày 24/8/2022 của UBND huyện Lộc Hà về việc cho phép xã Thạch Châu khảo sát địa điểm lập quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất ở	
2	Vùng hồi ông Lâm, thôn An Lộc	0,13			0,13	Xã Thạch Châu	0,05			0,03	0,02				
3	Vùng dăm dân An Lộc (hồi ông Lộc), thôn An Lộc	0,04			0,04	Xã Thạch Châu	0,02			0,01	0,01				
4	Vùng hồi ông Tám thôn Lâm Châu	0,06			0,06	Xã Thạch Châu	0,03			0,02	0,01				

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
5	Vùng đầm đất ở các thôn, vùng Cựa Nguyệt (cựa anh Duẩn) thôn Lâm Châu	0,07				0,07	Xã Thạch Châu	0,03			0,02	0,01		QĐ số 4114/QĐ-UBND ngày 24/8/2022 của UBND huyện Lộc Hà về việc cho phép xã Thạch Châu khảo sát địa điểm lập quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất ở	
6	Vùng cồn gia thép (xen đầm hồ ông Ngu, Long Lan) thôn An Lộc	0,09				0,09	Xã Thạch Châu	0,04			0,02	0,02			
7	Quy hoạch đất ở dân cư đồng Thỏ, thôn Nam Sơn	0,90				0,90	Xã Thịnh Lộc	0,04			0,02	0,01		QĐ số 2019/QĐ-UBND ngày 06/7/2018 của UBND tỉnh về quy hoạch xây dựng chi tiết làng du lịch cộng đồng thôn Nam Sơn, xã Thịnh Lộc (tỷ lệ 1/500)	
8	Đất ở nhà hội quán xóm 10 cũ, thôn Hòa Bình;	0,07				0,07	Xã Thịnh Lộc							QH phân lô chi tiết đất ở thôn Hòa Bình được UBND huyện Lộc Hà duyệt ngày 18/6/2019	
9	Đất ở nhà hội quán xóm 8 cũ, thôn Yên Định	0,13				0,13	Xã Thịnh Lộc							QH phân lô chi tiết đất ở thôn Yên Định được UBND huyện Lộc Hà duyệt ngày 18/6/2019	
10	Quy hoạch đất ở phía Bắc trạm y tế xã, thôn Hồng Thịnh	0,08				0,08	Xã Thịnh Lộc							QH xây dựng chi tiết khu dân cư vùng trạm xá thôn Hồng Thịnh được UBND huyện Lộc Hà duyệt ngày 29/10/2019	
11	Đất ở vùng ngã 4 hội quán xóm 4 cũ (còn lại 10 lô)	0,20				0,20	Xã Thịnh Lộc							QH xây dựng chi tiết khu dân cư tại vùng ngã 4 HQ xóm 4 cũ được UBND huyện Lộc Hà duyệt ngày 29/10/2018	
12	Quy hoạch đất ở vùng thôn Yên Diềm, thôn Quang Trung (vùng sân gôn Thịnh Lộc)	17,06				17,06	Xã Thịnh Lộc	0,30			0,18	0,12		Quyết định số 601/QĐ-UBND ngày 16/3/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt QHSD đất đến năm 2030 của huyện Lộc Hà	
13	Quy hoạch đất ở gần NVH thôn Đông Vinh	0,12				0,12	Xã Mai Phụ							QH phân lô chi tiết đất ở được UBND huyện Lộc Hà phê duyệt ngày 30/7/2012	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
14	Quy hoạch đất ở vùng phía dưới đường Hộ Đê, thôn Tân Phú	0,80	0,80				Xã Thạch Mỹ	1,50			0,90	0,60		Quyết định số 629/QĐ-UBND ngày 9/2/2021 của UBND huyện Lộc Hà về phê duyệt QH đất ở xã Thạch Mỹ	
15	Đất ở Quy hoạch đất ở vùng Vùng Chánh giáo thôn Hà Ân	1,70	1,70				Xã Thạch Mỹ	0,70			0,42	0,28			
16	Đất ở nông thôn đường Sông Nghèn	0,30	0,30				Xã Thạch Mỹ	0,30			0,18	0,12			
17	Đất ở thôn Vĩnh Phong phía sau nhà văn hóa	0,40				0,40	Xã Hộ Độ	0,10			0,06	0,04		QĐ số 1031/QĐ-UBND ngày 08/05/2017 của UBND huyện Lộc Hà phê duyệt điều chỉnh QH chi tiết đất ở vùng sau HQ xóm Vĩnh Phong	
18	Đất ở phía sau Lý Ngân đến giáp nhà ông Lĩnh thôn Yên Thọ	1,00				1,00	Xã Hộ Độ	0,25			0,15	0,10		Văn bản 3885/UBND-XD ngày 19/07/2022 của UBND tỉnh về việc lập quy hoạch tại khu dân cư tại xã Hộ Độ	
V	Đất giáo dục, đào tạo	2,55	0,25			2,30		0,49			0,29	0,20			
1	Quy hoạch trường mầm non xã Bình An	1,10				1,10	Xã Bình An							Nghị quyết số 70/NQ-HĐND ngày 22/9/2022 của HĐND huyện Lộc Hà về việc thông qua đề án xây dựng củng cố nâng cao chất lượng trường đạt chuẩn quốc gia, trường điển hình tiên tiến huyện Lộc Hà giai đoạn (2022-2026)	
2	Mở rộng khuôn viên Trường tiểu học xã Hồng Lộc	0,30	0,10			0,20	Xã Hồng Lộc	0,09			0,05	0,04			
3	Mở rộng khuôn viên Trường Mầm non xã Hồng Lộc	0,15	0,15				Xã Hồng Lộc	0,14			0,08	0,06			
4	Quy hoạch mới trường Mầm non Hộ Độ	1,00				1,00	Xã Hộ Độ	0,26			0,16	0,10			
VI	Đất văn hóa	4,50	2,90	1,00		0,60		3,30		1,32	0,99		0,99		
1	XD Trung tâm Văn hóa - Truyền thông huyện Lộc Hà	4,50	2,90	1,00		0,60	Thị trấn Lộc Hà	3,30		1,32	0,99		0,99	Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 28/8/2019 của UBND tỉnh v/v cho phép khảo sát lập quy hoạch xây dựng Trung tâm văn hóa truyền thông huyện Lộc Hà	
VII	Đất năng lượng	0,07	0,06			0,01		0,06		0,02	0,02		0,02		

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
1	Xây dựng ĐZ, TBA khắc phục tình trạng điện áp thấp tại các xã Hồng Lộc, xã Thị trấn, xã Mai Phụ, xã Hộ Độ thuộc huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh	0,07	0,06			0,01	Hồng Lộc, TT Thạch Bằng, Mai Phụ, xã Hộ Độ	0,06		0,02	0,02		0,02	Quyết định số 2866/QĐ-EVNNPC ngày 23/10/2020 của Tổng Công ty điện lực miền Bắc	
VIII	Đất bưu chính viễn thông	0,32	0,14			0,18		0,15					0,15		
1	Đất bưu chính viễn thông	0,03	0,03				Xã Mai Phụ,	0,03					0,03	QĐ 1429/QĐ-VTHT-KTĐT ngày 04/11/2022 của Viễn thông Hà Tĩnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư XDCSHT các trạm BTS	
2	Đất bưu chính viễn thông	0,02				0,02	xã Thạch Châu								
3	Đất bưu chính viễn thông	0,03				0,03	Xã Thịnh Lộc								
4	Đất bưu chính viễn thông	0,04	0,04				Xã Tân Lộc	0,03				0,03			
5	Đất bưu chính viễn thông (02 điểm 0,08ha)	0,08	0,04			0,04	Xã Phù Lưu	0,03				0,03	QĐ 1429/QĐ-VTHT-KTĐT ngày 04/11/2022 của Viễn thông Hà Tĩnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư XDCSHT các trạm BTS trên địa bàn huyện Lộc Hà		
6	Đất bưu chính viễn thông	0,03	0,03				Xã Hồng Lộc	0,03				0,03			
7	Đất bưu chính viễn thông	0,03				0,03	Xã Thạch Mỹ								
8	Đất bưu chính viễn thông	0,02				0,02	Xã Hộ Độ								
9	Đất bưu chính viễn thông	0,04				0,04	Thị trấn Lộc Hà	0,03				0,03			
41	Tổng A: 41 Danh mục	37,77	12,05	1,00		24,72		13,33		4,96	4,59	1,93	1,85		
B	Công trình, dự án cần thu hồi đất đã được HĐND tỉnh thông qua tại các Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021, Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29/4/2022, Nghị quyết số														
I	Đất giao thông	55,49	#####	1,22		32,78		57,12		26,22	16,56	3,95	10,40		
1	Nâng cấp mở rộng đường nối QL1A tại ngã ba Thạch Long đến đường tỉnh lộ 549 (qua xã Thạch Mỹ)	0,50	0,50				Xã Thạch Mỹ	0,60		0,36	0,24			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
2	Xây dựng và mở rộng đường giao thông nông thôn trên toàn xã	0,86				0,86	Xã Ích Hậu	0,60			0,36	0,24		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
3	Đường giao thông nông thôn và đường nội đồng xã Hồng Lộc	5,00	3,00			2,00	Xã Hồng Lộc	5,50			3,30	2,20		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
4	Xây dựng và mở rộng đường giao thông nông thôn và giao thông nội đồng toàn xã	0,60	0,15			0,45	Xã Phù Lưu	0,50			0,30	0,20		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
5	Hệ thống giao thông nông thôn, giao thông nội đồng toàn xã	3,60	1,50			2,10	Xã Tân Lộc	3,27			1,96	1,31		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
6	Hạ tầng khu nuôi trồng thủy sản	4,50				4,50	Xã Mai Phụ, Hộ Độ	3,15		1,26	0,95		0,95	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
7	Nâng cấp mở rộng tuyến đường từ Thạch Kênh đến Hồng Lộc (Ích Hậu: 0,36ha; Hồng Lộc 0,64ha)	1,00	1,00				Xã Hồng Lộc, Ích Hậu	1,20		0,48	0,36		0,36	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
8	Hệ thống đường giao thông khu đô thị (thị trấn Lộc Hà, đường nội vùng các giai đoạn)	3,04	2,00			1,04	Thị trấn Lộc Hà	8,40		3,36	2,52		2,52	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
9	Hạ tầng khu du lịch biển Lộc Hà	10,00	3,82			6,18	TT, Thịnh Lộc	8,91		3,56	2,67		2,67	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
10	Hạ tầng ngoài hàng rào cụm công nghiệp Thạch Bằng	6,50				6,50	Thị trấn Lộc Hà	4,55		1,82	1,37		1,37	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
11	Xây dựng hạ tầng (hệ thống đường giao thông) trong khu đất quy hoạch mới	5,75	1,60			4,15	Thị trấn Lộc Hà	4,83		1,93	1,45		1,45	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
12	Đường giao thông Jika	2,00				2,00	Xã Hộ Độ, Mai Phụ	1,40		0,56	0,42		0,42	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
13	Xây dựng bến cảng nội địa và nhà chờ phục vụ khách du lịch	1,30		1,22		0,08	Xã Hộ Độ	0,79		0,32	0,24		0,24	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
14	Mở rộng Cảng cá Thạch Kim	2,04				2,04	Xã Thạch Kim	1,43		0,57	0,43		0,43	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
15	Quy hoạch mới đường giao thông liên xã Hồng Lộc Mai Phụ (ĐH.116)	8,80	7,92			0,88	Các xã: Ích Hậu, Phù Lưu, Thạch Mỹ, Mai Phụ	12,00		12,00				Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh	
II	Đất thủy lợi	26,36	#####	3,00		11,55		23,94		6,32	9,62	3,25	4,74		
1	Trạm xử lý nước thải thôn Đồng Sơn	0,03				0,03	Xã Mai Phụ	0,02			0,01	0,01		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
2	Mở rộng kênh mương nội đồng trên toàn xã	0,20				0,20	Xã Ích Hậu	0,14			0,08	0,06		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
3	Kênh mương thủy lợi và khu dân cư toàn xã	1,67	1,50			0,17	Xã Phù Lưu	1,92			1,15	0,77		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
4	XD hệ thống mương trong khu cấp đất ở mới tại 11 xã	1,40	0,55			0,85	11 xã trong huyện	1,26			0,75	0,50		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
5	Hệ thống thủy lợi (thoát nước và tưới tiêu toàn xã)	0,60	0,60				Xã Hồng Lộc	0,60			0,36	0,24		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
6	XD hệ thống tưới, tiêu thoát nước toàn xã	2,00	0,80			1,20	Xã Tân Lộc	1,80			1,08	0,72		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
7	XD Kênh mương tưới tiêu và hệ thống thoát nước trong khu dân trên toàn thị trấn và hệ thống mương trong khu XD dân cư mới	2,46	1,36			1,10	Thị trấn Lộc Hà	2,40			1,44	0,96		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
8	Xử lý cấp bách đê Tả Ngành huyện Lộc Hà: Có 2 đoạn: Đoạn 1: (tại thị trấn Lộc Hà dài 2 km). Đoạn 2: (từ cầu Trù đến Cống Đập Bùi, dài 8km)	14,00	5,00	2,00		7,00	Xã Ích hậu, TT. Lộc Hà	12,10		4,84	3,63		3,63	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
9	Kênh tiêu Đông Liên xã Thịnh Lộc và Bình An, huyện Lộc Hà	2,00	2,00				Xã Thịnh Lộc, xã Bình An	2,40		0,96	0,72		0,72	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
10	XD đê tả ngành qua chùa Phổ Độ nối với Tỉnh lộ 9	2,00		1,00		1,00	Xã Hộ Độ	1,30		0,52	0,39		0,39	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
III	Đất giáo dục, đào tạo	0,30	0,20			0,10		0,31		0,12	0,09	0,10			
1	Mở rộng trường Mầm non Thạch Mỹ	0,10				0,10	Xã Thạch Mỹ	0,07			0,04	0,03		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
2	Mở rộng khuôn viên Trường THCS Hồng Tân (sân bóng)	0,20	0,20				Xã Hồng Lộc	0,24		0,12	0,05	0,07		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
IV	Đất thể dục, thể thao	1,10				1,10		0,98			0,59	0,39			
1	XD sân vận động xã, thôn Đông Châu	0,40				0,40	Xã Phù Lưu	0,28			0,17	0,11		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
2	XD sân thể thao (sinh hoạt cộng đồng) thôn Tân Quý; thôn Đồng Xuân	0,70				0,70	Xã Hộ Độ	0,70			0,42	0,28		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
V	Đất năng lượng	2,10	0,52			1,58		2,52		1,51	1,01				
1	Đường dây và trạm biến áp 110kV Lộc Hà	2,10	0,52			1,58	Các xã, thị trấn	2,52		1,51	1,01			NQ 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021, QĐ số 601/QĐ-UBND ngày 16/3/2022 của UBND tỉnh	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
VI	Đất tôn giáo	1,50				1,50	1,18			0,59	0,47	0,12			
1	Mở rộng Chùa Triều Sơn	1,50				1,50	Xã Mai Phụ	1,18			0,59	0,47	0,12	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
VII	Đất chợ	0,85				0,85	0,60			0,18	0,18	0,24			
1	XD Chợ trung tâm huyện Lộc Hà	0,85				0,85	Thị trấn Lộc Hà	0,60			0,18	0,18	0,24	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
VIII	Đất ở nông thôn	10,53	7,70			2,83	11,24			5,66	5,58				
1	XD đất ở xen dầm vùng Cây Dừa thôn 3, xen dầm thôn 3 và thôn 1	0,30	0,30				Xã Bình An	0,36			0,22	0,14		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
2	Đất ở xen dầm các thôn: Vĩnh Phong, Trung Châu, Yên Thọ, Vĩnh Phú	0,50				0,50	Xã Hộ Độ	0,35			0,21	0,14		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
3	XD đất ở phía Tây bưu điện 0,02 ha và xen dầm thôn Xuân Phương 0,04ha	0,13				0,13	Xã Thạch Kim	0,09			0,05	0,04		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
4	XD đất ở xen dầm tại thôn Phù Ích, Bắc Kinh	0,70	0,70				Xã Ích Hậu	1,80			1,08	0,72		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
5	Đất ở xen dầm các thôn: Thanh Hòa, Thanh Lương, Thanh Ngọc, Mỹ Hòa, Thanh Mỹ, Đông Châu, Bắc Sơn, Thái Hòa	0,78	0,68			0,10	Xã Phù Lưu	1,18			0,71	0,47		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
6	Đất ở xen dầm các thôn: Tân Thượng, thôn Tân Trung, Kim Tân	1,30	1,30				Xã Tân Lộc	1,56			0,94	0,62		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
7	Đất ở vùng CửaTùy thôn Xuân Triều	1,00	1,00				Xã Bình An	0,60			0,36	0,24		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
8	Đất ở xen dầm tại thôn Đông Thắng, Đông Xuân, Đông Sơn	1,25	0,45			0,80	Xã Mai Phụ	1,10			0,66	0,44		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
9	Đất ở xen dầm các thôn: Phú Mỹ, Liên Giang, Báo Ân, Tây Giang, Hà Ân, Tân Phú	0,90	0,90				Xã Thạch Mỹ	1,08			0,65	0,43		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
10	Đất ở các thôn Trung Sơn, Đại Lự, Yên Giang	1,30	0,80			0,50	Xã Hồng Lộc	1,31			0,79	0,52		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã...)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
11	Đất ở vùng Nhà Găng thôn Thống Nhất	0,80	0,80				Xã Ích Hậu	1,10				1,10		Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh	
12	Đất ở nông thôn dọc đường Bình - Tân thôn Tân Thượng	0,77	0,77				Xã Tân Lộc	0,56				0,56		Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh	
13	Đất ở vùng Đồng Mộng thôn 2	0,21			0,21		Xã Bình An							Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh	
14	Quy hoạch đất ở sau Nguyễn Hưng, thôn Tân Quý	0,46			0,46		Xã Hộ Độ	0,15				0,15		Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh	
15	Đất ở, dầm dân, thôn Nam Hà	0,07			0,07		Xã Hộ Độ							Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh	
16	Quy hoạch đất ở xen dầm vùng ông Trình, thôn Trung Châu	0,06			0,06		Xã Hộ Độ							Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh	
IX	Đất ở đô thị	3,38	0,69		2,69			2,38				1,43	0,95		
1	Đất ở Trung tâm hành chính huyện DO1,DO2 (N50, N51), N76, N77, N78 TPD Phú Xuân, Xuân Khánh	1,30			1,30		Thị trấn Lộc Hà	0,91			0,55	0,36		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
2	Đất ở tại 10 tổ dân phố	1,20	0,60		0,60		Thị trấn Lộc Hà	1,14			0,68	0,46		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
3	Đất ở đấu giá tại TDP Yên Bình (đường 70m tuyến nhánh)	0,40	0,09		0,31		Thị trấn Lộc Hà	0,33			0,20	0,13		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
4	Đất ở từ bà Minh đến bà Hồng, TDP Xuân Khánh	0,08			0,08		Thị trấn Lộc Hà							Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh	
5	Đất ở vùng nhà văn hóa Yên Bình	0,03			0,03		Thị trấn Lộc Hà							Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh	
6	Đất ở vùng Bê Bung, TDP Khánh Yên	0,12			0,12		Thị trấn Lộc Hà							Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh	
7	Đất ở vùng trường mầm non điểm 2 TDP Khánh Yên	0,25			0,25		Thị trấn Lộc Hà							Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh	
X	Đất trụ sở cơ quan	1,23			1,23			0,86		0,08	0,45	0,33			
1	XD mới trụ sở ủy ban nhân dân xã	1,00			1,00		Xã Phù Lưu	0,70			0,42	0,28		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
2	Mở rộng khuôn viên UB xã	0,23			0,23		Xã Mai Phụ	0,16		0,08	0,03	0,05		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã...)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
XI	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	0,45	0,30			0,15		0,47			0,28	0,19			
1	Mở rộng nghĩa trang (thôn Kim Tân, Tân Thượng)	0,45	0,30			0,15	Xã Tân Lộc	0,47			0,28	0,19		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
XII	Đất cụm công nghiệp	10,00		8,20		1,80		17,38		10,43	5,21		1,74		
1	Cụm công nghiệp Thạch Bằng	10,00		8,20		1,80	Thị trấn Lộc Hà	17,38		10,43	5,21		1,74	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
XIII	Đất văn hóa	18,00	3,80			14,20		14,50		5,80	4,35	0,04	4,31		
1	Mở rộng quảng trường Mai Hắc Đế	15,70	3,50			12,20	Xã Thịnh Lộc, thị trấn Lộc Hà	12,74		5,10	3,82		3,82	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
2	Quảng trường biển Cửa Sót Lộc Hà	2,00				2,00	Thị trấn Lộc Hà	1,40		0,56	0,42		0,42	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
3	XD đài tưởng niệm liệt sĩ xã Ích Hậu	0,30	0,30				Xã Ích Hậu	0,36		0,14	0,11	0,04	0,07	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
XIV	Đất sinh hoạt cộng đồng	1,14	0,64			0,50		1,19			0,18	0,66	0,35		
1	Quy hoạch đất nhà văn hóa thôn tại vùng đồng Bục Bục (thôn Bắc Kinh)	0,20	0,20				Xã Ích Hậu	0,30					0,30	Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh	
2	Quy hoạch đất nhà văn hóa thôn Ích Mỹ (phía Bắc đền thờ Nguyễn Văn Giai) kết hợp khu vui chơi, giải trí	0,24	0,24				Xã Ích Hậu	0,30					0,30	Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh	
3	Mở rộng nhà văn hoá thôn Hà Ân	0,20	0,20				Xã Thạch Mỹ	0,24			0,07	0,02	0,14	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
4	XD nhà văn hoá thôn Tân Phú	0,50				0,50	Xã Thạch Mỹ	0,35			0,11	0,04	0,21	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
66	Tổng B: 66 Danh mục	132,43	47,15	12,42		72,86		134,65		50,48	46,19	16,08	21,90		
107	Tổng A+B: 107 Danh mục	170,20	59,20	13,42		97,58		147,98		55,44	50,78	18,02	23,74		

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH